

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Câu 1: Chứng minh sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan?	4
Câu 2: Hãy phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.	8
Câu 3: Những cơ sở lý luận nào góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Cơ sở nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh?	10
Câu 4: Hãy phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại.	15
Câu 5: Tính đúng đắn và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc biểu hiện như thế nào? Phân tích nội dung đó để làm rõ.	18
Câu 6: Tại sao Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"? Thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới hiện nay đã chứng minh luận điểm này như thế nào?	21
Câu 7: Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh: "Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản". Ý nghĩa của luận điểm đó đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam?	25
Câu 8: Làm rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong luận điểm: "Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc". Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam?	31
Câu 9: Tại sao cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải do Đảng cộng sản lãnh đạo trên cơ sở đại đoàn kết toàn dân tộc với liên minh công - nông làm nòng cốt?	38
Câu 10: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực". Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam hiện nay?	40
Câu 11: Tại sao Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc"?	44
Câu 12: Tại sao cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng?	46
Câu 13: Phân tích tính tất yếu và những quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?	47
Câu 14: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?	54
Câu 15: Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thế nào?	61

Câu 16: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội?	67
Câu 17: Trình bày bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?	72
Câu 18: Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước hiện nay.	78
Câu 19: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng để phân tích vấn đề phòng và chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay?	82
Câu 20: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân. Cần làm gì để xây dựng Nhà nước ta ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn lịch sử mới?	90
Câu 21: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. Ý nghĩa của những quan điểm đó trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay?	94
Câu 22: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Để xây dựng Nhà nước ta hiện nay cần chú ý những vấn đề gì?	100
Câu 23: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng của đại đoàn kết dân tộc. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?	104
Câu 24: Cần bảo đảm những nguyên tắc và phương pháp nào trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?	108
Câu 25: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay cần chú ý những vấn đề gì?	114
Câu 26: Trình bày sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	119
Câu 27: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đoàn kết quốc tế. Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam hiện nay?	125
Câu 28: Phân tích những nguyên tắc đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đường lối đối ngoại hiện nay?	131
Câu 29: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?	138
Câu 30: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng. Ý nghĩa của những quan điểm đó trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của sinh viên hiện nay?	142
Câu 31: Phân tích những yêu cầu cơ bản đối với sinh viên hiện nay trong học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh?	146
Câu 32: Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?	149
Tài liệu tham khảo	154

Câu 1: Chứng minh sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan?

Trả lời:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam, ra đời do yêu cầu khách quan và là sự giải đáp những nhu cầu bức thiết do cách mạng Việt Nam đặt ra từ đầu thế kỷ XX đến nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành dưới tác động, ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể ở trong nước và thế giới lúc Người đang sống và hoạt động. Hồ Chí Minh đã nắm bắt chính xác xu hướng phát triển của thời đại để tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc mình.

1. Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng chính thức xâm lược Việt Nam. Ngày 06/6/1884, triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Patenôtt chịu sự bảo hộ của Pháp. Việt Nam từ một xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Sau khi đánh chiếm được Việt Nam, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Từ năm 1897, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất đến năm 1914 và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), chúng tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) ở Đông Dương với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh. Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

- Ngay khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, các phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp bùng lên rầm rộ và lan rộng trong cả nước. Mặc dù các cuộc khởi nghĩa của nhân dân diễn ra sôi nổi nhưng vẫn thất bại vì chưa có đường lối kháng

chiến rõ ràng, chưa lôi kéo được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia và chưa gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Điển hình là các phong trào của Trương Định (1859 - 1864), Nguyễn Trung Trực (1861 - 1868)... ở Nam Bộ; Trần Tấn, Đặng Như Mai (1874), Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng (1885 - 1896)... ở miền Trung; phong trào của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892), Nguyễn Quang Bích (1885 - 1892), cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám (1885 - 1913)... ở miền Bắc.

- Đầu thế kỷ XX, trước sự ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách ở Trung Quốc của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, gương Duy Tân của Nhật Bản, cuộc vận động hiến pháp (năm 1898), cách mạng Tân Hợi (năm 1911) ở Trung Quốc... tràn vào Việt Nam, phong trào chống Pháp của Nhân dân Việt Nam chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với sự xuất hiện của các phong trào như: Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân, Việt Nam Quang phục hội... nhưng các phong trào này cũng chỉ rộ lên một thời gian ngắn rồi bị dập tắt.

-> Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Điều đó đặt ra yêu cầu bức xúc là phải tìm con đường cứu nước mới đúng đắn cho dân tộc -> Trước hoàn cảnh ấy, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người nói: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế” nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

2. Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phương Tây phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc và trở thành hệ thống thế giới. Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc. Sự áp bức và thôn tính dân tộc của chủ nghĩa đế quốc càng tăng thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân càng gay gắt, sự phản ứng của nhân dân các nước thuộc địa càng quyết liệt. Do vậy, cùng với mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản (mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản), chủ nghĩa đế quốc ra đời làm nảy sinh một mâu thuẫn mới

đó là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa ngày càng phát triển nhưng chưa nơi nào giành được thắng lợi. Vấn đề dân tộc thuộc địa được đặt ra, đấu tranh giải phóng dân tộc trở thành phong trào rộng lớn và gắn liền với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế.

- Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Bởi vì, trước cách mạng “nước Nga là nhà tù của các dân tộc”. Cuộc cách mạng vô sản Nga thành công, các dân tộc thuộc địa của đế quốc Nga được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, hình thành nên các quốc gia độc lập, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (năm 1922). Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức, đã mở ra “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

- Quốc tế Cộng sản, tức Quốc tế III - Bộ tham mưu của cách mạng vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới ra đời ở Mátxcova ngày 02/3/1919. Dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin, Quốc tế III đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng của Quốc tế I do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập năm 1864, cũng như Quốc tế II trong thời kỳ đầu dưới sự lãnh đạo của Ph. Ăngghen từ năm 1889 đến năm 1895. Quốc tế III đã đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga ra khắp thế giới, đã tạo ra sự phân hoá đối với các đảng xã hội dân chủ, xuất hiện xu hướng gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập các đảng cộng sản trên thế giới -> Đem kết thúc Đại hội Tua ngày 30/12/1920 đã đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tìm thấy con đường giải phóng dân tộc là theo con đường cách mạng vô sản.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

- Vào đầu thế kỷ XX đã có hàng trăm người Việt Nam sang Pháp. Cũng đã có nhiều người Việt Nam tham gia Đảng Xã hội Pháp. Thế nhưng trong số những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp vào năm 1920 duy nhất có Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản và cũng là 1 người dân thuộc địa tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Có thể nói, trước Đại hội Tua, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp cận gần gũi với chân lý của V.I. Lênin, Người suy nghĩ về những vấn đề mà V.I. Lênin đã viết, tuy chưa rõ ràng và sáng tỏ. Đến khi đọc được Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, Người đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

-> Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gặp gỡ giữa trí tuệ lớn của Hồ Chí Minh với trí tuệ của dân tộc và trí tuệ thời đại. Chính sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến những năm 20 của thế kỷ XX, khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ tiếp thu, vận dụng sáng tạo, Hồ Chí Minh từng bước góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những luận điểm mới, được rút ra từ thực tiễn Việt Nam.

* Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã xác định chủ nghĩa Mác - Lênin là cốt, là gốc, là nền tảng tư tưởng của Đảng. Đến Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), Đảng ta khẳng định rõ: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. Luận điểm này đã tiếp tục được khẳng định trong các văn kiện qua các kỳ đại hội của Đảng. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn”. Thực tiễn quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta luôn chủ động, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự thành công của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhất là những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới vừa qua đã làm cho quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên, đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Câu 2: Hãy phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Gợi ý:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta

- Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cứu nước, cứu dân, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, sau đó, lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân từng bước thành công. Từ năm 1975, cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Có được những thắng lợi to lớn đó là bởi có tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành hiện thực.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi ra đời đã trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và chính thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã kiểm nghiệm, khẳng định, phát triển tính đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống mở đầy sức sống, được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển trong sự nghiệp đổi mới hiện nay và trong tương lai.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới; Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, Người là chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

- Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đi tới thắng lợi hoàn toàn. Trên cơ sở kế thừa quan điểm của các kỳ Đại hội qua, tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh đến việc lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng chỉ đạo quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do đó, cần phải “kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu phát triển, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam”. Có thể nhận thấy, ở Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, Đảng ta đã nêu rõ quan điểm, thái độ với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là kiên định, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Sở dĩ trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đặt ra vấn đề này vì do xuất phát từ cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan, cả tình hình quốc tế, khu vực và những diễn biến trong nước. Trên thế giới, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy đang nổi lên, các vấn đề an ninh phi truyền thống vẫn đang tiếp diễn. Trong nước, sự nghiệp đổi mới tuy được đẩy mạnh toàn diện nhưng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn như: “Sự chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động ngày càng tinh vi hơn; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... còn diễn biến phức tạp”. Nghiêm trọng hơn, Đảng ta còn chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng”. Trong bài phát biểu bế mạc tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, đồng chí Tổng Bí

thư chỉ rõ: “Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngăn, thậm chí rất ngăn, nguy hiểm khôn lường”, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, cơ hội, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc”. Ở Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, tính biện chứng được thể hiện rất rõ trong quan điểm của Đảng về kiên định, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nếu “kiên định, phát triển” là kiên trì làm theo, đi theo những quan điểm, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh; làm cho những quan điểm, tư tưởng ấy ngày càng sinh động, có thêm những nội hàm mới thì “vận dụng sáng tạo” là sự chắt lọc những quan điểm của Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam, tránh sự máy móc, sơ cứng. Đây chính là sự kế thừa, quán triệt những chỉ dẫn có tính phương pháp luận của V.I.Lênin trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”.

- Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần góp phần đưa tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành bộ phận hợp thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam hiện đại. Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), Đảng ta khẳng định rõ: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. Luận điểm này đã tiếp tục được khẳng định trong các văn kiện qua các kỳ đại hội của Đảng. Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn”.

Câu 3: Những cơ sở lý luận nào góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Cơ sở nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh?

Trả lời:

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng như những yếu tố "dân chủ, công bằng,

bác ái ở những mức độ khác nhau trong văn hóa dân tộc và văn hóa phương Đông, phương Tây.

1. Cở sở lý luận

a. Giá trị truyền thống dân tộc

- Tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt lịch sử dân tộc, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị tinh thần Việt Nam và cũng là cội nguồn sâu xa nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” .

- Quá trình hình thành, thống nhất quốc gia dân tộc chính là quá trình cổ kết cộng đồng, tạo thành quan hệ ba tầng chặt chẽ: nhà - làng - nước. Đây chính là sợi dây liên kết các tộc người, các giai tầng trong xã hội Việt Nam và tạo nên một sức mạnh vô địch, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc được giữ vững. Nhận thức rõ vai trò quan trọng đặc biệt của đoàn kết, Hồ Chí Minh đã viết: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi... Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta sẽ đuổi sạch thực dân Pháp ra khỏi đất nước ta, và lấy lại thống nhất và độc lập thật sự” .

- Đặc trưng của văn hóa Việt Nam lấy nhân nghĩa làm gốc, trọng đạo lý làm người, đề cao trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với gia đình, làng, Tổ quốc, coi đó là những chuẩn mực của nhân cách con người. Hồ Chí Minh luôn chú ý kế thừa, phát huy sức mạnh của truyền thống nhân nghĩa. Người nhắc nhở: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”.

- Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống lạc quan, yêu đời, luôn can đảm, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu, là một dân tộc ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong muôn nguy ngàn khó, người lao động vẫn động viên nhau “chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo”. Tinh thần đó có cơ sở từ niềm tin vào sức mạnh của bản thân, tin vào sự

tất thắng của chân lý, chính nghĩa. Hồ Chí Minh chính là hiện thân của truyền thống đó.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại

Hồ Chí Minh đã kế thừa và nâng lên tầm cao mới của thời đại nguồn giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của dân tộc bằng cách kết hợp, tiếp biến, tổng hòa và phát triển biện chứng tinh hoa văn hóa, tư tưởng phương Đông, phương Tây, đặc biệt là học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người viết: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là Chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn: “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”. Nếu hôm nay, họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy” -> Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh đã biết kế thừa có phê phán, chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu cho tư tưởng của mình. Văn hóa nhân loại tập trung:

*** Một là, tinh hoa văn hóa phương Đông.**

- Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Vốn tri thức đầu tiên mà Người có được là vốn tri thức Nho giáo thông qua sự dạy dỗ của người cha, các thầy giáo làng và qua con đường tự học, tự nghiên cứu đã cho phép Người phát huy những ưu điểm và tránh được những nhược điểm của học thuyết này để phục vụ sự nghiệp cách mạng.

- Người đã khai thác, chắt lọc các yếu tố tích cực của Nho giáo như: triết lý hành động (tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời); triết lý nhân sinh (tu thân, dưỡng tính); triết lý bình trị, đại đồng (an ninh, hòa mục); đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Người coi Khổng giáo “là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử”. Yếu tố” duy tâm, lạc hậu, phản động như: tư tưởng đẳng cấp, coi thường lao động chân tay, coi khinh phụ nữ... đã được Hồ Chí Minh phê phán như “người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời” .

- Phật đã để lại nhiều dấu ấn trong văn hóa dân tộc, cũng như trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhiều mặt tích cực của Phật giáo như tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, thương người, không phân biệt đẳng cấp, tinh thần bình đẳng, dân chủ, chăm lo làm điều thiện, đề cao lao động... đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong tư duy Hồ Chí Minh. Theo Người: “Lòng tôn kính cha mẹ, tình anh em, tình bạn trung thành, sự hòa thuận giữa mọi người, đều hoặc rút ra từ quan điểm của Phật”. Tuy nhiên, Phật giáo cũng có những nhược điểm như tư tưởng cam chịu, nhẫn nhục... Phật giáo luôn đặt vấn đề tìm kiếm mục tiêu nhân sinh ở sự giải thoát khỏi vòng luân hồi để đến cõi Niết bàn.

- Trong tư tưởng, văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh còn đi sâu tìm hiểu những tư tưởng cách mạng trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn - một nhà dân tộc dân chủ vĩ đại của nhân dân Trung Quốc. Nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân và chính sách thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông của Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh thấy có những tư tưởng tiến bộ, tích cực và có thể vận dụng vào cách mạng Việt Nam.

**** Hai là, tinh hoa văn hóa phương Tây.***

- Ngay từ khi còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã được làm quen với văn hóa phương Tây, nhất là văn hóa Pháp, điều đó đã thúc đẩy Người muốn ra nước ngoài để xem những gì ẩn giấu đằng sau những khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” và tìm con đường cứu nước cho dân tộc.

Khoảng tháng 9/1905, Hồ Chí Minh đã được cha xin cho theo học lớp dự bị (Préparatoire) của trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh. Tại trường này, lần đầu tiên Người được tiếp xúc với khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Người tìm hiểu và biết đó là khẩu hiệu nổi tiếng của đại cách mạng Pháp năm 1789. Tuy chưa hiểu hết được ý nghĩa của những từ đó nhưng nó đã khơi dậy ở Người một sự tò mò bởi những điều này chưa hề được đề cập đến trong sách vở thánh hiền mà Người đã từng đọc. Năm 1906 - 1907, Người được vào học lớp dự bị (Cours préparatoire) và lớp sơ đẳng (Cours élémentaire) tại trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên. Năm học 1908 - 1909, Người vào học lớp trung đẳng (Cours moyen) ở trường Quốc học Huế, cũng là lúc Tân thư của Trung Quốc được lưu hành ở nhiều

nơi. Chính việc dạy dỗ của các thầy là “một yếu tố” quan trọng trong việc hình thành tư tưởng sang phương Tây chứ không sang phương Đông” của Hồ Chí Minh.

- Trong 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh sống chủ yếu ở châu Âu nên Người chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của nền văn hóa dân chủ và các cuộc cách mạng của phương Tây, Người còn tiếp nhận được tư tưởng dân chủ và hình thành phong cách dân chủ từ hoạt động thực tiễn. Nhờ được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và sự cổ vũ dìu dắt của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp, Nguyễn Ái Quốc từng bước trưởng thành, làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn kiến thức của thời đại, Đông và Tây, vừa thấu hiểu, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của trí thức thời đại mà suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển. Đó cũng là những tiền đề, cơ sở lý luận quan trọng để Người tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

**** Ba là, Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.***

2. Cơ sở lý luận quan trọng, quyết định nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ có thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã hấp thụ và chuyển hóa được những nhân tố tích cực và tiến bộ của truyền thống dân tộc, tư tưởng, văn hóa nhân loại để tạo nên hệ thống tư tưởng của mình. Bản lĩnh trí tuệ đó đã nâng cao khả năng độc lập, tự chủ và sáng tạo ở Người khi vận dụng những nguyên lý cách mạng vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

- Thực tiễn gần 10 năm đi tìm đường cứu nước, nhất là sau khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin (tháng 7/1920), Nguyễn Ái Quốc đã “cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng... vui mừng đến phát khóc...” vì đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc. Từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã tiến dần tới những nhận thức “lý tính”, trở lại nghiên cứu chủ nghĩa Mác sâu sắc hơn để rồi tiếp thu học thuyết của các ông một cách chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp biện chứng duy vật. Người

vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở.

Như vậy, thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết các học thuyết, tư tưởng đương thời cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc đó là con đường cách mạng vô sản.

* Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991) đã tổng kết 5 năm đổi mới (1986-1990), khẳng định đường lối đổi mới là đúng đắn và bước đi phù hợp với thực tiễn. Đại hội đã đề ra: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (1990-2000), Đại hội khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Từ Đại hội VI đến Đại hội VII, những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được hình thành trên những nét chủ yếu nhất. Cùng với thành tựu cơ bản đó việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đánh dấu một bước tiến mới về đổi mới nhận thức và tư duy lý luận của Đảng.

Câu 4: Hãy phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

Gợi ý trả lời

Nhân loại tiến bộ hết sức ngưỡng mộ, kính trọng Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi Người là một nhà cách mạng vĩ đại có sự thống nhất cao độ giữa lời nói và hành động, thống nhất cao độ cuộc đời với sự nghiệp, tư tưởng và nhân phẩm. Tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

- Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại của thời đại mới, Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ, người Anh hùng giải phóng dân tộc tiêu biểu của thế kỉ XX.

- Hồ Chí Minh có công hiến lí luận lớn về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Đó là một hệ thống các luận điểm giải quyết một cách đúng đắn, sáng tạo vấn đề dân tộc và thuộc địa, dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về cách mạng giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, góp phần bổ sung, phát triển kho tàng lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, được thế giới tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc đã thúc đẩy phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển trên thế giới

- Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên khẳng định hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, phá bỏ sự biệt lập, mở đường cho sự phát triển, liên kết các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người là một nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào vì hoà bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

- Hồ Chí Minh chủ trương hoà bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài giữa các nước, không chỉ xuất phát từ những mục tiêu chính trị vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội của thời đại, mà còn vì sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế không chỉ để giành độc lập dân tộc, mà còn là để xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp các nước tiên tiến và sâu xa là đặt chiến lược phát triển đất nước gắn với những chuyển biến của thời đại về chính trị, kinh tế, giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.

- Một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”. Hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững

độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi. Ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh được giương cao đã thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đồng thời góp phần tích cực củng cố hoà bình, thúc đẩy tình hữu nghị, sự hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới ngày nay. Bàn bẻ năm châu khâm phục và coi Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của những giá trị về tư tưởng, lương tri và phẩm giá con người.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới; Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, Người là chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

-> Từ New York Times, số ra ngày Chủ nhật 9-5-1954 viết: “Người không những là thần tượng của nhân dân Việt Nam mà còn được Pháp công nhận là người phát ngôn đầu tiên của Việt Nam... Người Việt Nam này từng để lại ấn tượng sâu sắc và đặc biệt có cảm tình đối với các quan chức và nhà báo nước ngoài. Một người Pháp, sau này trở thành Cao ủy Pháp tại Đông Dương, cũng phải thừa nhận ông Hồ là người có tính cách rất mạnh mẽ và đáng tôn kính...Ngày nay, không một tên tuổi nào ở châu Á lại nổi tiếng như nhà cộng sản và dân tộc chủ nghĩa lão thành Hồ Chí Minh. Người chính là biểu tượng, là nhân vật truyền thuyết hơn là một con người bằng da bằng thịt”. Xã luận báo Thế giới hàng ngày, Tập II, số 38, ra ngày 5-9-1969 ở Mỹ, khẳng định giá trị lí luận, thực tiễn của sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và thế giới: “Cụ Hồ là “Gioóc-giơ Oa-sinh-ton của Việt Nam”, vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Cụ đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi. Nhưng Cụ cũng là “Lênin” của Việt Nam, bởi vì dân tộc Việt Nam mà cụ đã góp phần giải phóng không dừng lại ở đó, mà còn tiếp tục làm một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành ngọn đèn biển soi sáng đường đi cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới”. Ngày 12-11-2013, Tổng thống Nga V. Putin đã đến Hà Nội thăm chính thức Việt Nam. Ông đã đến thăm nơi ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh và viết trong sổ lưu niệm: "Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, thế kỷ hòa bình tiến bộ và phồn vinh. Nhưng

giá trị tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh vẫn là ngọn đuốc, là biểu tượng cho một nền văn hóa tương lai... Và vì thế lịch sử mãi mãi nhắc tới Người như một bậc thánh nhân”.

Câu 5: Tính đúng đắn và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc biểu hiện như thế nào? Phân tích nội dung đó để làm rõ.

Trả lời:

1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc

- Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu, tiếp nhận những nhân tố về quyền con người được nêu trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1791 của Pháp, như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. Từ quyền con người, Người đã khái quát lên chân lý bất di bất dịch về quyền cơ bản của các dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Thay mặt những người yêu nước Việt Nam ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã gửi tới Hội nghị Vécxây (năm 1919) bản Yêu sách của nhân dân An Nam đòi quyền tự do dân chủ tối thiểu, quyền bình đẳng về pháp lý, đòi thay chế độ ra sắc lệnh bằng các đạo luật. Bản yêu sách không được chấp nhận, dù chỉ là những đòi hỏi “rất ôn hòa cả về nội dung và hình thức”. Chính từ thực tế đó, Hồ Chí Minh rút ra kết luận, “chủ nghĩa Uynxon” thực ra “chỉ là một trò bịp bợm lớn”. Điều đó giúp Hồ Chí Minh hiểu được rằng muốn đánh đuổi chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và được giải phóng không thể trông cậy vào lực lượng bên ngoài, không thể bằng con đường thương lượng, đàm phán mà phải tự mình đứng lên đấu tranh giành độc lập.

- Quyền bình đẳng dân tộc, độc lập tự do là quyền tự nhiên, quyền thiêng liêng, vô giá của các dân tộc. Vì vậy, bất cứ giá nào nhân dân các dân tộc cũng phải giành lại và bảo vệ cho bằng được. Trong Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Trong các bức thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào

thời gian đó, Người đã trình trọng tuyên bố “nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc. Người kêu gọi: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Khi Mỹ mở rộng chiến tranh leo thang bắn phá miền Bắc, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Không có gì quý hơn độc lập, tự do không chỉ là lẽ sống, là học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh mà nó còn là lý do chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Việt Nam. Đồng thời, cũng là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì vậy, Người không chỉ được tôn vinh là “Anh hùng giải phóng dân tộc” của Việt Nam mà còn được thừa nhận là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX.

2. Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của Nhân dân, gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Khát vọng mà suốt cuộc đời Người luôn hướng tới là giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của đế quốc xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho Nhân dân. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Khát vọng của Người cũng chính là khát vọng của tất cả mọi người dân yêu nước, là mục tiêu của cách mạng, của dân tộc Việt Nam. Với Người, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Dân chúng chỉ cảm nhận được giá trị thực sự của độc lập, tự do khi họ được ăn no, mặc ấm, được học hành để phát triển, có hiểu biết để thực hành quyền dân chủ, quyền và nghĩa vụ của người công dân.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh; thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Người. Từ khi trở thành người cộng sản cho đến khi trở thành lãnh tụ, nguyên thủ quốc gia, mối quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh là gắn độc

lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng Việt Nam. Với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là con đường củng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để. Độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân, những người đã trực tiếp làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc, để không rơi vào lệ thuộc, đói nghèo lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng triệt để các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm cho một nền độc lập thật sự, chân chính".

3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn

Dân tộc độc lập phải được thể hiện trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự, toàn vẹn lãnh thổ; mọi vấn đề thuộc chủ quyền của một dân tộc phải do chính nhân dân dân tộc đó tự quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài. Sau Cách mạng Tháng Tám, để bảo vệ nền độc lập mới giành được, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Sainteny, đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp bản Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946, trong đó ghi: "Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Cộng hòa là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình". Nền độc lập của dân tộc phải được gắn liền với việc lãnh thổ được toàn vẹn. Trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ năm 1946, Hồ Chí Minh viết: "Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi". Sau Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh chống lại âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Người viết: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được". Trong Di chúc, Người vẫn thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng để thống nhất nước nhà.

-> Độc lập, tự do không chỉ là tư tưởng mà còn là lẽ sống, là học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh, là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam.

4. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

- Là một người yêu nước và là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh đòi quyền độc lập tự do và hòa bình cho dân tộc Việt Nam, mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Ngay từ năm 1914, trên đất Anh, vào lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, Người đã đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi của mình ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh. Trong những năm 1921 - 1923, khi còn hoạt động ở Pháp, Hồ Chí Minh đóng vai trò chủ chốt trong việc thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa nhằm tuyên truyền, tổ chức, giúp đỡ các dân tộc thuộc địa nhận thức về sứ mệnh tự giải phóng.

- Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia, đề ra khẩu hiệu “giúp bạn là tự giúp mình” và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

-> Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Câu 6: Tại sao Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"? Thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới hiện nay đã chứng minh luận điểm này như thế nào?

Gợi ý

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"

* Chứng kiến sự thất bại của những phong trào yêu nước Việt Nam theo hệ tư tưởng của giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản ở cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX,

Hồ Chí Minh đã quyết định sang phương Tây để tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo phương hướng mới.

* Sau khi khảo sát cách mạng tư sản Pháp, cách mạng tư sản Mỹ và các cuộc cách mạng tư sản khác, Hồ Chí Minh đã quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản. Bởi vì: “cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không triệt để, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kì thực trong thì nó bóc lột công - nông, ngoài thì nó áp bức các thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức, bóc lột”.

* Sau khi nghiên cứu kĩ sự thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, Nguyễn Ái Quốc đã kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”.

* Năm 1920, sau khi nghiên cứu bản Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Đây là con đường cách mạng triệt để nhất, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và quy luật phát triển của thời đại.

* Khi thành lập Đảng đầu năm 1930, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ, ở nước ta phải làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Nghĩa là làm cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi rồi tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

* Hồ Chí Minh vạch rõ trong cách mạng giải phóng dân tộc có hai nhiệm vụ chiến lược. Đó là: đánh đổ đế quốc Pháp để giải phóng dân tộc; đánh đổ địa chủ phong kiến để mang lại ruộng đất cho nông dân. Trong hai nhiệm vụ đó, nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, còn nhiệm vụ dân chủ, đánh đổ địa chủ

phong kiến, cần rải ra thực hiện từng bước và phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

* Tư tưởng Hồ Chí Minh về cứu nước và giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam là sự vận dụng, phát triển sáng tạo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

2. Thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới hiện nay

Luận điểm "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" là một luận điểm nền tảng của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; định hướng phương hướng, đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2 năm 1930, trong "Chánh cương vắn tắt của Đảng", Đảng đã đề ra quan điểm "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Quan điểm này được Đảng ta phát triển trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930, đặc biệt là được thể hiện rất rõ trong Đại hội II của Đảng năm 1951, khẳng định cách mạng Việt Nam mang tính chất cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng tiếp tục khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản với việc xác định nhiệm vụ của cách mạng cả nước là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, giải phóng miền Nam, đưa miền Bắc lên chủ nghĩa xã hội. Sau khi thống nhất đất nước, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, năm 1976, tại Đại hội IV Đảng ta chủ trương đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng tiếp tục khẳng định con đường phát triển của dân tộc Việt Nam là đi lên chủ nghĩa xã hội; khẳng định mục tiêu lớn của thời đại là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no tự do hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát

triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Việc Đảng ta kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Bằng việc nêu lên luận điểm mang tầm chân lý thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú lý luận Mác - Lênin về cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin trở nên phổ biến đối với mọi dân tộc trên thế giới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Trong bài “Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh”, nguyên Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Trường Đảng Êtiôpia Têshôm Kêbêde đã viết: “Những tư tưởng của Hồ Chí Minh có ảnh hưởng to lớn trong việc khuyến khích và cung cấp tri thức cho các lãnh tụ của giai cấp công nhân và các nhà cách mạng ở Á, Phi và Mỹ Latinh giải quyết một cách triệt để vấn đề dân tộc”.

Hiện nay, tuy cách mạng vô sản thế giới đang đứng trước những thách thức to lớn do sự chống phá quyết liệt của chủ nghĩa tư bản; không ít dân tộc gặp khó khăn trong việc chọn định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội do tác động tiêu cực của tình hình sau khi Liên Xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Tuy vậy, nhiều nước ở châu Á, Phi, Mỹ Latinh vẫn giữ ngọn cờ độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội dưới nhiều hình thức. Trong khi một số mô hình chủ nghĩa xã hội ở một số nước Đông Âu sụp đổ, một số mô hình chủ nghĩa xã hội mới - sản phẩm của quá trình đổi mới chủ nghĩa xã hội - như Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba với những thành tựu to lớn, khẳng định sức sống của chủ nghĩa xã hội đổi mới, trở thành tấm gương sáng để các dân tộc khác noi theo. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của các dân tộc dù có khó khăn, phức tạp, nhưng theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa tư bản đã từng có vai trò lịch sử trong các thế kỷ trước, cho dù hiện nay vẫn còn khả năng tồn tại do biết lợi dụng sự phát triển khoa học kỹ thuật, công nghệ và bóc lột các nước thuộc thế giới thứ ba, nhưng nó đã bộc lộ những khiếm khuyết và mâu thuẫn nội tại không thể giải quyết; đã và đang bộc lộ những hạn chế

không thể khắc phục nổi trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, giai cấp, vấn đề xóa bỏ chế độ người bóc lột người, chiến tranh, bảo vệ môi trường, bảo đảm công bằng, bình đẳng xã hội, chăm lo phát triển con người, giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc. Do bản chất của mình, ngày nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn không từ bỏ chính sách thực dân xâm lược với nhiều biến tướng mới rất tinh vi và xảo quyệt nhằm bóc lột các nước kém phát triển, chậm phát triển. Những cuộc chiến tranh và can thiệp quân sự của các nước phương Tây vào các quốc gia độc lập có chủ quyền trong những thập niên 90 của thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI, đặc biệt gần đây, cuộc tấn công quân sự của Liên quân do NATO lãnh đạo chống Libi, cho dù có che đậy với những lý do gì, thì về thực chất vẫn là các cuộc xâm lược nhằm mục đích phân chia lại thị trường thế giới, giành giật tài nguyên, môi trường, duy trì hoặc áp đặt ảnh hưởng của họ lên các nước đang lựa chọn con đường phát triển của dân tộc mình, ngăn cản quá trình vận động, phát triển lên chủ nghĩa xã hội của các quốc gia đã giành được độc lập, buộc các quốc gia này phải phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản. Bài học lịch sử trong thế kỷ XX và thập kỷ đầu của thế kỷ XXI cảnh tỉnh chúng ta rằng, còn chủ nghĩa tư bản là còn nguy cơ bị xâm lược; độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, sự thống nhất đất nước còn bị đe dọa. Do đó, chủ nghĩa tư bản quyết không phải là sự lựa chọn của nhân loại trong thời đại ngày nay. Chỉ có đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc mới được giữ vững, nhân dân lao động mới được giải phóng thực sự. Đó cũng chính là chân lý thời đại mà cách đây 100 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lĩnh hội được ở chủ nghĩa Mác - Lênin trên hành trình đi tìm đường cứu nước, cứu dân của mình.

Câu 7: Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh: “Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản”. Ý nghĩa của luận điểm đó đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam?

Trả lời:

1. Hồ Chí Minh nghiên cứu phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Phong trào Cần Vương (1885 - 1896) do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, mở đầu bằng cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (năm 1885). Việc không thành, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu Cần Vương. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1886 - 1887), Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1883 - 1892) và Hương Khê của Phan Đình Phùng (1885 - 1896). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913. Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến và khuynh hướng thiết lập nhà nước phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra. Phong trào Cần Vương tan rã, các sĩ phu, các nhà yêu nước lúc bấy giờ đều tập trung suy nghĩ về nguyên nhân mất nước, con đường cứu nước để giải phóng dân tộc.

- Đầu thế kỷ XX, mặc dù giai cấp tư sản Việt Nam chưa ra đời nhưng hệ tư tưởng tư sản đã ảnh hưởng đến Việt Nam. Các trí thức phong kiến tiếp thu hệ tư tưởng này làm vũ khí chống Pháp, đẩy lên phong trào yêu nước sôi nổi với hai xu hướng bạo động và cải cách.

+ Đại diện tiêu biểu cho xu hướng bạo động là Phan Bội Châu. Với lòng yêu nước sâu sắc, Phan Bội Châu chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp và thành lập một chính phủ quân chủ lập hiến. Ông chủ trương dùng phương pháp bạo động đánh đuổi thực dân Pháp để khôi phục độc lập dân tộc và dựa vào Nhật để đánh đuổi Pháp. Năm 1908, trước yêu cầu của thực dân Pháp, Chính phủ Nhật đã trục xuất những người Việt Nam yêu nước ra khỏi Nhật Bản. Phong trào Đông Du tan rã. Năm 1911, cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc thành công, lật đổ nền quân chủ Mãn Thanh lập ra Nhà nước Trung Hoa Dân quốc, Phan Bội Châu đã chuyển lập trường từ chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ. Ông tuyên bố giải tán Duy Tân hội và thành lập Việt Nam Quang Phục hội, nhằm mục đích đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam. Để đạt được những mục tiêu trên, Phan Bội Châu đã chủ trương đấu tranh bằng phương pháp bạo động vũ trang giành chính quyền. Chủ trương trên của Phan Bội Châu bước đầu đạt được một số kết quả như: cuộc bạo động của đội Quyển, đội Phấn, ám Võ ở vùng Nghệ - Tĩnh,

ném bom vào khách sạn của Pháp ở Hà Nội, ám sát Tuần phủ ở Thái Bình, cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên... Tuy nhiên, chủ trương bạo động giành chính quyền của Phan Bội Châu không diễn ra theo ý muốn, cuối cùng dẫn đến kết cục thất bại trước sự đàn áp của thực dân Pháp. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh viết: “Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được”.

+ Đại diện cho xu hướng cải lương, cải cách là Phan Châu Trinh. Phan Châu Trinh đã phê phán gay gắt sự lạc hậu, tính trì trệ, yếu hèn của Nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam. Ông cho rằng trình độ của Nhân dân Việt Nam lúc đó còn rất thấp nên muốn làm cách mạng thì trước hết phải khai dân trí (khai trí cho dân) và nâng cao quyền tự do dân chủ. Nhưng quyền hành lại nằm trong tay các vua quan, vì vậy phải đánh đổ vua quan thì mới khai được dân trí. Do đó, phải tiến hành đấu tranh bằng con đường cải lương, đòi quyền tự do dân sinh, dân chủ, tạm thời dựa vào Pháp để đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến. Đây là một cách nhận thức không đúng cả về phương hướng và phương pháp đấu tranh, vì đặc trưng cơ bản của xã hội Việt Nam lúc này là xã hội thuộc địa. Thực dân Pháp và một bộ phận địa chủ, phong kiến tay sai câu kết với nhau để bóc lột nhân dân. Sự ngộ nhận về bản chất kẻ thù là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phương pháp đấu tranh không đúng của ông. Đau xót trước cảnh dân tộc mất độc lập, nhân dân nô lệ, nhiệt thành với công cuộc chấn hưng dân tộc, nhưng Phan Châu Trinh không thấy được nguồn gốc của việc mất nước, của sự lạc hậu là do chủ nghĩa thực dân Pháp gây ra.

+ Trong những năm 20 của thế kỷ XX, một số nhân sĩ trí thức yêu nước đã có những hoạt động vì công cuộc giải phóng dân tộc, trong đó đáng chú ý là những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng. Đặc điểm nổi bật trong những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng là vận động công khai nhằm chấn hưng dân tộc. Ông cho rằng con đường cách mạng công khai, hợp pháp là con đường có nhiều khả năng dẫn đến thành công. Tuy nhiên, sau đó ông đã nhận ra rằng nghị trường tư sản và con đường cách mạng hợp pháp công khai mà ông theo đuổi chỉ là ảo tưởng.

-> Như vậy, con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản cũng bị thất bại và không đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra

lúc bấy giờ. Nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước Việt Nam giữa thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã thể hiện sự khủng hoảng về đường lối cách mạng, về lực lượng lãnh đạo có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của lịch sử, đặc biệt trong đó phải nói đến sự bế tắc về phương pháp đấu tranh của các sĩ phu, văn thân yêu nước đương thời.

Từ những bài học thực tiễn của các phong trào yêu nước Việt Nam là cơ sở quan trọng để hình thành một tư duy cách mạng mới ở Hồ Chí Minh. Đó là phải tìm một con đường cứu nước mới khác với con đường cứu nước của các vị cách mạng tiền bối. Chính vì vậy, Người đã quyết định đi ra nước ngoài để tìm con đường cứu nước, giành độc lập cho dân tộc, mang lại hạnh phúc, ấm no cho Nhân dân.

2. Hồ Chí Minh nghiên cứu các cuộc cách mạng trên thế giới

- Nghiên cứu cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Mỹ, Hồ Chí Minh đối chiếu thể chế chính trị của nước Mỹ với cuộc sống của các giai cấp, dân tộc thuộc nhiều màu da khác nhau, Người đi đến kết luận: “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”. Nghiên cứu cuộc cách mạng Pháp năm 1789, Hồ Chí Minh đã học được nhiều kinh nghiệm quý, nâng cao tầm hiểu biết về vai trò của các giai cấp trong cách mạng tư sản, về tổ chức, tinh thần, ý chí cách mạng của quần chúng. Nhưng Người thấy rằng, “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”.

- Nghiên cứu cách mạng Nga, đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười (năm 1917), Hồ Chí Minh nhận thấy đó là một cuộc cách mạng giai cấp, đồng thời là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nằm trong dòng chảy liên tục của quá trình giải phóng con người. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Người viết: “Cách mạng Tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân

châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Cách mạng Tháng Mười đã mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Xét về bản chất Cách mạng Tháng Mười như là một sự nổi trội, vượt xa và khác hẳn các cuộc cách mạng xã hội từng diễn ra trong lịch sử trước đó, vì: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”.

3. Hồ Chí Minh nghiên cứu lý luận và lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

- Sau khi đọc được Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin đăng trên báo Nhân đạo (L’Humanité) trong hai số" ngày 16 và 17/7/1920, một tờ báo của cánh tả Đảng Xã hội Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”&. Người kể lại rằng bản Luận cương có những chữ khó hiểu, nhưng “tôi đọc đi đọc lại và dần dần tôi hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản Luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng” và Người nhận thấy “đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó, Người đã có một sự lựa chọn: “tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin”. Cả một quá trình phấn đấu, suy nghĩ về vận mệnh đất nước, rút kinh nghiệm, khảo sát trong nhiều năm tháng về con đường giải phóng dân tộc, học tập lý luận, tham gia đấu tranh chính trị, vào Đảng Xã hội, sát cánh với giai cấp công nhân và trí thức cách mạng Pháp, với những đồng bào yêu nước của mình trên đất Pháp, là những tiền đề quan trọng chuẩn bị cho Hồ Chí Minh gặp gỡ và tiếp nhận những quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người đã có thêm những nhận thức mới, sáng rõ hơn về cách mạng thuộc địa, về con đường giải phóng các dân tộc khỏi gông cùm nô lệ, con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho Nhân dân - > Chính Luận cương của V.I. Lênin đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong sự phát triển

nhận thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh. Nó phù hợp và đáp ứng những tình cảm, suy nghĩ, hoài bão được ấp ủ từ lâu, nay trở thành hiện thực.

-> Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã có sự sáng tạo trong việc vạch ra phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Người chỉ rõ “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

4. Ý nghĩa của luận điểm đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam

- Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam như: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, những thắng lợi trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 là thắng lợi của chiến lược giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh theo con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước cho thấy, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản. Cũng từ chính thực tiễn đó, cho phép chúng ta khẳng định con đường mà Hồ Chí Minh lựa chọn là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, một hệ tư tưởng có giá trị, một học thuyết giải phóng và phát triển dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Việt Nam sẽ vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, kiên trì mục tiêu xây dựng Việt Nam thành một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Hiện nay, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng Việt Nam vẫn vượt qua và đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của Việt Nam không ngừng tăng lên, có được sự thành công đó chính là chúng ta kiên định tính đảng trong quá trình phát triển. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nêu quan điểm: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đây là quan điểm có tính nguyên tắc, bất di

bất dịch, thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng, cốt lõi của quan điểm này là kết hợp khoa học sự kiên định trước sau như một nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, đường lối đổi mới và nguyên tắc xây dựng Đảng với tinh thần không ngừng đổi mới sáng tạo trên cơ sở tuân theo các quy luật khách quan, kế thừa tinh hoa văn hóa, truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và những kinh nghiệm thành công của quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Kiên định nhưng không cứng nhắc, bảo thủ, giáo điều dẫn đến trì trệ; đổi mới sáng tạo nhưng không cực đoan, duy ý chí, mạo hiểm, dẫn đến đổ vỡ. Kiên định một cách sáng tạo, sáng tạo trên cơ sở kiên định, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đại hội XII của Đảng: “Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa và phát huy tinh hoa văn hoá nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam”. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục yêu cầu nắm vững và xử lý tốt những mối quan hệ lớn, phản ánh quy luật mang tính biện chứng, trong đó, đề cập đến mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 8: Làm rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong luận điểm: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc”. Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam?

Trả lời:

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

- Xuất phát từ tình hình thực tế ở các nước tư bản phương Tây, C. Mác và Ph. Ăngghen tuy có đề cập đến vấn đề độc lập dân tộc của các nước bị các dân tộc lớn thống trị nhưng chưa có điều kiện bàn về cách mạng giải phóng ở thuộc địa. Các ông cho rằng, một dân tộc đi áp bức dân tộc khác, dân tộc đó không có tự do. Khi giai cấp vô sản ở chính quốc giành được chính quyền thì đương nhiên các dân tộc thuộc địa sẽ được giải phóng. Xuất phát từ lợi ích trực tiếp của giai cấp vô sản các nước Tây Âu, Ph. Ăngghen nêu rõ, phong trào giải phóng dân tộc phải phục tùng mục

đích cách mạng vô sản của Tây Âu “Chúng ta phải cùng nhau đấu tranh để giải phóng giai cấp vô sản Tây Âu và bắt tất cả những cái còn lại phải phục tùng mục đích ấy” và “nếu nguyện vọng giải phóng của họ xung đột với lợi ích của giai cấp vô sản, thì tôi hoàn toàn không quan tâm đến họ”. Phải đến khi giai cấp vô sản châu Âu được giải phóng thì nhân dân các nước thuộc địa sẽ trở thành người tự do, thực sự được giải phóng. Như vậy, các ông không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc vì về cơ bản vấn đề dân tộc ở Tây Âu đã được giải quyết trong cách mạng tư sản. Đặc biệt là các ông chưa có điều kiện bàn nhiều về vấn đề dân tộc thuộc địa, vẫn “đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản”. Điều đó hoàn toàn đúng với đòi hỏi của thực tiễn cách mạng vô sản Tây Âu đang đặt ra lúc bấy giờ. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã nhận xét rằng: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Vì vậy, khi vận dụng học thuyết Mác để nghiên cứu phương Đông, nhất là Việt Nam, cần phải xem xét lại cơ sở lịch sử và phải bổ sung vào học thuyết đó những tư liệu lịch sử phương Đông mà ở thời C. Mác không thể có được.

- Bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc trở thành hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản, V.I. Lênin mới có cơ sở thực tiễn để phát triển vấn đề dân tộc thuộc địa thành một hệ thống lý luận, được coi là học thuyết về cách mạng thuộc địa. Ông là người đã sớm nhận thấy sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc và là người đã viết đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Trong Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, V.I. Lênin đã nhấn mạnh quan điểm phải kết hợp phong trào giải phóng dân tộc với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc, các nước làm cách mạng vô sản thành công phải giúp đỡ cách mạng ở các nước thuộc địa, nhất là các nước lạc hậu, còn nhiều tàn tích phong kiến. Theo V.I. Lênin, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Song, cũng như những người lãnh đạo Quốc tế” Cộng sản lúc bấy giờ, V.I. Lênin đặt cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc, là “hậu bị quân” của cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi

khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi. Tuyên ngôn thành lập Quốc tế" Cộng sản (tháng 3/1919) viết: “Việc giải phóng các thuộc địa chỉ có thể tiến hành với việc giải phóng giai cấp công nhân ở chính quốc...” và “công nhân và nông dân không chỉ ở Angiêri, Bắnggan, mà cả ở Ba Tư hay Ácmêni chỉ có thể được độc lập khi nào công nhân ở Anh và ở Pháp lật đổ Chính phủ “Lôigioóc” và “Clê măngxô” giành chính quyền về tay mình”. Quan điểm này, vô hình trung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của phong trào cách mạng ở thuộc địa -> Quan điểm trên của V.I. Lênin và Quốc tế Cộng sản đã được thực tiễn của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) chứng minh là hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ, sau khi cách mạng vô sản Nga giành được thắng lợi đã tạo điều kiện để giải phóng các dân tộc vốn là thuộc địa của Nga giành độc lập.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

- Qua hoạt động thực tiễn phong phú, Hồ Chí Minh sớm nhận ra mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ phụ thuộc hay chính - phụ.

- Người đã vạch rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản là vừa áp bức, bóc lột giai cấp công nhân chính quốc, vừa đàn áp nhân dân các dân tộc thuộc địa. Do đó, muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc thì cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc phải phối hợp với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung. Ngày 16/5/1924, trong bài báo nhan đề Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa, đăng trên báo La Vie Ouvrière, Người nêu rõ: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”. Đối với cách mạng thuộc địa, phải “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”. Với tinh thần độc lập, tự chủ, Người đi đến luận điểm:

“Công cuộc giải phóng anh em, chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

- Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, nhận thức được vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, đánh giá đúng sức mạnh dân tộc, năm 1921, Hồ Chí Minh dự đoán cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đây là điểm khác biệt với quan điểm của phong trào cộng sản quốc tế khi cho rằng: “Cách mạng thuộc địa phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc”. Người khẳng định: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh viết: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”. Để đưa ra được nhận định này, Hồ Chí Minh đã có một sự hiểu biết sâu sắc đất nước, con người, lịch sử và cuộc sống, sự đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, đặc biệt là của Việt Nam với toàn bộ đặc điểm vốn có của nó.

- Quá trình đi tìm đường cứu nước, tìm phương pháp đấu tranh với kẻ thù, Hồ Chí Minh đã đi sâu nghiên cứu các thủ đoạn, tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam. Người dành thời gian đọc rất nhiều nguồn tài liệu từ kho lưu trữ và các thư viện của nước Pháp, kết hợp với việc khảo sát, kiểm nghiệm thực tiễn đời sống của Nhân dân Việt Nam dưới chế độ thực dân. Trên cơ sở ấy, Người viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp. Với những bằng chứng cụ thể và sát thực, Hồ Chí Minh đã vạch trần sự bùng nổ có tính chất hệ thống của thực dân Pháp về tội ác của chúng ở Việt Nam và các nước thuộc địa. Người chỉ ra một cách thuyết phục rằng, thực dân Pháp đã thi hành một chính sách phi kinh tế, thu lợi nhuận tối đa, thực hiện chuyên chế về chính trị, thẳng tay đàn áp, không cho nhân dân Việt Nam được hưởng quyền tự do ngôn luận, tự do dân chủ. Trong bài Đông Dương khổ nhục, Hồ Chí Minh tố cáo: “ở Đông Dương giết người là việc xảy ra hàng ngày... Từ người đại diện tối cao của nhà nước

chính quốc đến những tên thực dân bình thường, ai nấy cũng tự ý và đua nhau giết hại, bóc lột đến tận xương tủy dân tộc đã bị chinh phục này... đế quốc Pháp với quân lính của chúng đã coi tính mạng người Đông Dương như cỏ rác, muốn thì chúng tước đoạt của cải, thích thì chúng bắn giết. Nhưng áp bức càng đè nặng lên vai dân chúng bao nhiêu thì dân chúng chống lại càng nhiều bấy nhiêu”. Do đó, “Trong những năm gần đây, dân bản xứ bị bóc lột ngày một thêm tệ nên họ đã chống chủ nghĩa đế quốc quyết liệt”. Điều đó chứng tỏ “bây giờ cảm hờn đã sôi sục trong lòng những người nô lệ và từ đây chủ nghĩa đế quốc Pháp không còn có thể bóc lột dân chúng Đông Dương mà không gặp những cuộc đấu tranh một sống một chết” -> Theo Người, chế độ thực dân là tha hóa tàn bạo nhất, là kết quả tất yếu của sự phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhân dân thuộc địa vừa phải chịu sự nô dịch, đè nén bằng lưỡi lê của nền văn minh, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội. Trên thế giới không có dân tộc nào bị đàn áp, hành hạ như người dân thuộc địa. Rõ ràng, vì bị áp bức nặng nề như thế nên người dân thuộc địa, trong đó đông đảo nhất là người lao động, là nông dân, công nhân... đang tiềm ẩn một sự phản kháng mãnh liệt và sẽ bùng nổ khi có thời cơ.

- Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ tiềm năng cách mạng to lớn của các dân tộc bị áp bức và nó sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ khi được giác ngộ và tổ chức. Người viết: “Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại”. Người dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ...”.

+ Nghiên cứu tình hình thực tiễn của cách mạng Đông Dương, Người phân tích: “Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa”. Người khẳng định: “Bị đầu độc cả về tinh thần và thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm... Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng

cách mạng của người Đông Dương... Người Đông Dương không được học, đứng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”. Trên cơ sở nhận thức sức mạnh và tiềm năng to lớn của các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, Hồ Chí Minh đã coi vấn đề thuộc địa và giải phóng các dân tộc khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân là một trong những nội dung cơ bản về chiến lược cách mạng của thời đại. Vì vậy, phải “tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa” và phải giúp nhân dân các thuộc địa về tổ chức và đấu tranh.

+ Việc lên án thực dân Pháp không chỉ là một đòn đánh mạnh vào hệ thống chính quyền thuộc địa, mà còn là quá trình tìm tòi con đường đấu tranh, là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định phải đứng lên đấu tranh giành chính quyền và giải phóng dân tộc. Chính vì vậy, ở các nước thuộc địa nói chung và ở Đông Dương nói riêng đã có sẵn tiền đề cho sự gieo mầm của chủ nghĩa xã hội. Người nói: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”. Có thể nói, đặt trong bối cảnh các dân tộc thuộc địa lúc bấy giờ mới thấy rõ sự sâu sắc trong nhận định này. Nếu như ở các nước chính quốc, giai cấp công nhân và nhân dân lao động trải qua quá trình đấu tranh hàng trăm năm đã phần nào giành được những quyền dân chủ nhất định, dù còn nằm trong khuôn khổ nền dân chủ tư sản, thì ở thuộc địa dưới ách áp bức thực dân hết sức tàn bạo, người dân không có một chút quyền tự do, dân chủ tối thiểu. Vì vậy, tinh thần và ý chí cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động rất cao. Khi xây dựng hệ thống thuộc địa, chủ nghĩa đế quốc đã nghiêm cấm chủ nghĩa cộng sản nhưng lại càng làm cho chủ nghĩa cộng sản được tuyên truyền. Do đó, Hồ Chí Minh nói chủ nghĩa tư bản đã tuyên truyền không công cho chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, các nước đế quốc lại tiến hành công nghiệp hóa dù là cưỡng bức nhưng đã làm thay đổi kết cấu xã hội của các nước thuộc địa, làm xuất hiện giai cấp hiện đại là giai cấp công nhân. Đây chính là tiền đề, điều kiện vật chất để tiếp nhận chủ nghĩa cộng sản. Thế nên, cùng với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin

vào Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phê phán có hệ thống nền thống trị hà khắc của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương.

Giá trị và ý nghĩa lịch sử của quan điểm trên đã được minh chứng sinh động bằng thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945), hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam. Thực tiễn vận động của phong trào cách mạng thế giới trong những năm giữa thập niên 50 thế kỷ XX càng chứng tỏ rằng, những cống hiến lý luận xuất sắc của Hồ Chí Minh đã kịp thời bổ sung cho kho tàng lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cổ vũ, động viên, dẫn dắt các dân tộc thuộc địa trên thế giới noi theo Việt Nam, đứng lên làm cách mạng giải phóng, giành độc lập dân tộc.

3. Ý nghĩa của quan điểm đối với cách mạng Việt Nam

- Quan niệm của Hồ Chí Minh về tính chủ động, sáng tạo, vượt trước của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa so với cách mạng vô sản ở chính quốc của Hồ Chí Minh là một luận điểm sáng tạo, có giá trị khoa học và có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng, là cơ sở để Hồ Chí Minh tin tưởng và quyết tâm, tích cực, chủ động tổ chức Nhân dân vùng lên để tự cởi bỏ xiềng xích nô lệ đế quốc, thực dân. Quan niệm đó đã được thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

- Đánh giá về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và những cống hiến của Người đối với cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới, Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) khẳng định: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”. Tác giả David Halberstam viết: “Lúc sinh thời, ông Hồ Chí Minh không những đã giải phóng đất nước của ông mà thay đổi chiều hướng của chế độ thuộc địa ở cả châu Phi lẫn châu Á, mà ông còn làm được một điều đáng chú ý hơn: ông đã dùng tới nền văn hóa và tâm hồn của kẻ địch của ông. Đối với Hồ Chí Minh... đó là một cuộc đời đầy đủ”. Học giả người Mỹ William J. Duiker (trong cuốn sách Hồ Chí Minh - một cuộc đời) khẳng định: Sự nghiệp mà ông thúc đẩy và chỉ

đạo tạo ra những thời khắc có một không hai trong thế kỷ XX, là đỉnh cao của kỷ nguyên giải phóng dân tộc ở thế giới thứ ba và sự thừa nhận rõ ràng đầu tiên về hạn chế của chính sách ngăn chặn cộng sản của Mỹ. Sau Việt Nam, thế giới không bao giờ như cũ nữa.

Với tư cách là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng vào quá trình “phi thực dân hóa”, làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới. Tiến sĩ Ahmed, nguyên Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhận xét: “Chỉ có ít nhân vật lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại khi còn sống và rõ ràng cụ Hồ Chí Minh là một trong số đó; Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết của UNESCO viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

Câu 9: Tại sao cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải do Đảng cộng sản lãnh đạo trên cơ sở đại đoàn kết toàn dân tộc với liên minh công - nông làm nòng cốt?

Gợi ý trả lời

* Muốn làm cách mạng thành công, trước hết phải xác định được người lãnh đạo cách mạng và lực lượng tham gia cách mạng. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chỉ rõ giai cấp công nhân cần có Đảng Cộng sản lãnh đạo để thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lí luận Mác - Lênin để thành lập Đảng, và khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Trong tác phẩm Đường cách mệnh (1927), Nguyễn Ái Quốc đã giải thích: Cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu, phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân. Sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh lãnh đạo. “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.

- Tổng kết kinh nghiệm thành công của Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp, thực tiễn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ: “Cần có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng

- Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được.

- Kế thừa và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: Có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Cách mạng là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. Tất cả sĩ, nông, công, thương đều có thể tham gia cách mạng giải phóng dân tộc.

- Năm 1930, trong Sách lược vắn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân: Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông,... để lôi kéo họ về phía vô sản

giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

- Trong khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng phải thực hiện được việc đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức - hình thức tổ chức để đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất ->Thực tế, Đảng cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh công - nông - trí làm cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Cách mạng đã lật đổ chế độ phong kiến hơn một ngàn năm, đập tan chế độ thực dân gần một trăm năm, mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 10: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: “Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực”. Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam hiện nay?

Trả lời:

1. Tính tất yếu của bạo lực cách mạng

- Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, bạo lực cách mạng là phương pháp, là “bà đỡ” để giai cấp vô sản lật đổ nhà nước tư sản, giành và giữ vững chính quyền cách mạng. Đi từ sự phân tích, so sánh các cuộc cách mạng trong lịch sử châu Âu cũng như trên thế giới, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, bạo lực có vai trò quan trọng trong sự phát triển xã hội loài người nói chung và trong cách mạng vô sản nói riêng. Bạo lực nhằm đập tan và cắt bỏ những hình thức chính trị đã lạc hậu, thối nát, mở đường cho quá trình vận động và phát triển tự nhiên của xã hội có giai cấp. Trong tác phẩm Chống Duyrinh, Ph. Ăngghen viết: “Bạo lực là công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng”. Với kinh nghiệm cách mạng thế giới và Cách mạng Tháng Mười Nga, V.I. Lênin tiếp tục khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng và làm sáng tỏ hơn trong học thuyết về cách mạng vô sản rằng, không có bạo lực thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

- Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc nhỏ yếu là một hành động bạo lực phản cách mạng. Vì vậy, các dân tộc thuộc địa phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, để giành và giữ vững nền độc lập dân tộc. Người khẳng định: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”. Trong điều kiện cách mạng cụ thể của Việt Nam, bạo lực cách mạng theo Hồ Chí Minh là bạo lực của quần chúng nhân dân, bao gồm hai lực lượng là lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang với hai hình thức là đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Lực lượng chính trị là toàn dân tộc được tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Lực lượng vũ trang gồm dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Tuy nhiên, phải “Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”.

+ Sử dụng bạo lực cách mạng là tất yếu khách quan, nhưng đặc biệt phải biết phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân thì sự nghiệp đấu tranh mới giành được thắng lợi. Xuất phát từ tương quan lực lượng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, Hồ Chí Minh chủ trương phát động chiến tranh nhân dân, dựa vào toàn dân tộc, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đấu tranh toàn diện với phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Bạo lực cách mạng theo quan niệm của Hồ Chí Minh là bạo lực của quần chúng bị áp bức, bóc lột, được giác ngộ và tổ chức để chống lại giai cấp thống trị. Người khẳng định: “Cách mệnh là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người”, do đó “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được”. Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, ngoại giao, đấu tranh trên tất cả các mặt trận: kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị. Những thắng lợi chính trị đó sẽ làm cho ta thắng lợi về quân sự to lớn hơn”. Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có ý nghĩa thêm bạn, bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc,

tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế... Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. Người coi “ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ”, vì vậy mỗi người phải chắc tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến.

+ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam đứng trước muôn vàn khó khăn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đặc biệt, thực dân Pháp có dã tâm dùng sức mạnh quân sự, đánh nhanh, thắng nhanh để cướp nước ta một lần nữa. Trước tình hình ấy, Hồ Chí Minh chủ trương “trường kỳ kháng chiến”. Người nói: “Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là vô thời hạn mà là tranh thủ thời gian để xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến ngày càng lớn mạnh. Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng, nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Mặc dù rất coi trọng sự giúp đỡ quốc tế nhưng Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh bên trong, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần độc lập, tự chủ; muốn người ta giúp cho thì tự mình phải giúp lấy mình đã; tự lực cánh sinh nhưng phải tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình và giúp đỡ của quốc tế”. Đây cũng là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh có sự gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình

* Xuất phát từ tình yêu thương, quý trọng con người, Hồ Chí Minh luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền bằng cách ít đổ máu nhất. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc.

- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nhiều lần gửi thư cho Chính phủ và nhân dân Pháp, cho tướng lĩnh, binh sĩ trong quân đội Pháp và những kiều dân Pháp ở Việt Nam nhằm kêu gọi thiết lập một nền hòa bình cho cả hai dân tộc: “Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau. Chúng tôi mong đợi ở Chính phủ và nhân

dân Pháp một cử chỉ mang lại hòa bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước”. Năm 1964, trả lời Tạp chí Mainôrity Ôp Oản (Mỹ), Hồ Chí Minh nói: “Nhân dân Việt Nam hiểu rõ rằng nhân dân Mỹ muốn sống hòa bình và hữu nghị với các dân tộc khác. Tôi đã đến nước Mỹ, tôi hiểu nhân dân Mỹ rất trọng chính nghĩa và có nhiều tài năng. Nhân dân Việt Nam không bao giờ nhằm lẫn nhân dân Mỹ yêu chuộng công lý với những Chính phủ Mỹ đã phạm nhiều tội ác đối với nhân dân Việt Nam chúng tôi từ mười năm nay. Chính những kẻ đang phá hoại nền độc lập, tự do của dân tộc chúng tôi, cũng là những kẻ đã phản bội bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ”. Trong bức thư gửi Tổng thống Mỹ năm 1969, Người viết: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thật sự. Nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến cùng, không sợ hy sinh gian khổ, để bảo vệ Tổ quốc và các quyền dân tộc thiêng liêng của mình”.

- Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chủ trương tranh thủ mọi khả năng hòa bình để giải quyết xung đột, nhưng một khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết tiến hành chiến tranh, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng, dùng khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành, giữ và bảo vệ hòa bình, vì độc lập, tự do. Trong thời kỳ kháng chiến kiến quốc (1945 - 1946) khi Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chủ trương hòa với Tưởng để đánh Pháp, nhân nhượng với Pháp bằng việc ký bản Hiệp định Sơ bộ 06/3 và Tạm ước 14/9/1946, nhưng thực dân Pháp vẫn bội ước, Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào đêm 19/12/1946, trong đó khẳng định: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”.

3. Ý nghĩa của quan điểm đối với cách mạng Việt Nam hiện nay

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời nhà nước cách mạng đầu tiên ở Đông Nam Á là bằng chứng chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo tư tưởng bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh, đề ra các hình thức đấu tranh phù hợp với từng thời kỳ cách mạng, trên

mỗi địa bàn chiến lược, thực hiện khởi nghĩa từng phần ở từng địa phương, tạo thời cơ và chớp thời cơ cách mạng, lãnh đạo nhân dân thực hiện đấu tranh trên phạm vi cả nước giành thắng lợi.

- Công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay đòi hỏi Đảng phải nắm vững và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Gọi xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược, vì mỗi nhiệm vụ nhằm vào một mục tiêu khác nhau, tuân thủ theo những quy luật khác nhau trong hoạt động xã hội. Nhưng hai nhiệm vụ chiến lược này luôn gắn bó hữu cơ với nhau, cùng nhau thực hiện một mục đích là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhiệm vụ chiến lược này thực hiện có hiệu quả sẽ tạo điều kiện cho nhiệm vụ chiến lược kia tiến hành một cách thuận lợi. Xây dựng đất nước càng vững mạnh, càng thúc đẩy nhu cầu và bổ sung tiềm lực cho bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững được toàn vẹn lãnh thổ, giữ được hòa bình và ổn định sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế của đất nước. Nếu tách rời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là biểu hiện của việc tách rời giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Như vậy, chính từ mối quan hệ hữu cơ giữa hai nhiệm vụ chiến lược đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo tư tưởng bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Câu 11: Tại sao Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc"?

Gợi ý trả lời

- Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, nên Quốc tế Cộng sản có lúc xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản năm 1928 đã thông qua Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Trong đó, có đoạn viết rằng: chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm

này có tác động không tốt, làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc.

- Quán triệt tư tưởng của V.I. Lênin về mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ rất sớm, Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau.

- Năm 1924, tại Đại hội V của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”. Người đã khẳng định: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”.

- Thực tế cho thấy, thuộc địa có một vị trí, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc. Đó là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển cho chủ nghĩa đế quốc. Người cho rằng: “Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”, “Nếu thờ ơ về vấn đề cách mạng ở thuộc địa thì như là đánh rắn đàng đuôi”. Cho nên, cách mạng ở thuộc địa có vai trò rất lớn trong việc cùng với cách mạng vô sản ở chính quốc tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

- Trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Người vạch rõ: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: cách mạng thuộc địa chẳng những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể chủ động nổ ra và giành thắng lợi trước.

- Vận dụng sáng tạo lí luận của C. Mác về khả năng tự giải phóng của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã kêu gọi: “Hỡi anh em ở các thuộc địa!... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của C. Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

-> Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã thành công vào những năm 1960, trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc vẫn chưa nổ ra và thắng lợi, đã chứng minh hùng hồn luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc là hoàn toàn đúng đắn.

Câu 12: Tại sao cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng?

Gợi ý trả lời

- Theo C.Mác: “Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”. Còn theo Ph. Ăngghen, “Bạo lực còn đóng một vai trò khác trong lịch sử, vai trò cách mạng, nói theo C.Mác, bạo lực còn là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới; bạo lực là công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan những hình thức chính trị đã hoá đá và chết cứng”.

- Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác, với kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười Nga và cách mạng thế giới, V.I.Lênin đã khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng, làm sáng tỏ hơn vấn đề bạo lực cách mạng trong học thuyết về cách mạng vô sản. Đó là không có bạo lực cách mạng thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

- Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm về bạo lực cách mạng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã khẳng định, cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng mới có thể thành công.

- Hồ Chí Minh vạch rõ: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền. Điều đó là tất yếu, bởi vì chính bọn

để quốc, thực dân đã mang quân đội đi xâm lược và thống trị các nước thuộc địa và phụ thuộc. Như vậy, “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”. Hơn nữa, khi thống trị các nước thuộc địa, bọn thực dân đế quốc đã thiết lập chế độ cai trị vô cùng tàn bạo: dùng bạo lực để đàn áp dã man các phong trào yêu nước, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ của nhân dân; bóc lột và đẩy người dân thuộc địa vào đường cùng. Vì vậy, muốn đánh đổ thực dân - phong kiến giành độc lập dân tộc thì tất yếu phải dùng bạo lực cách mạng lật đổ chế độ cai trị tàn bạo của chúng.

- Hồ Chí Minh có quan điểm rất sáng tạo về hình thức bạo lực cách mạng. Người chỉ rõ: bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng được hình thành bởi hai lực lượng chính trị và quân sự; với hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang. Đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc.

- Việc xác định hình thức đấu tranh phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp. Người chỉ rõ: “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”.

-> Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân ta đã lật đổ chế độ cũ, thiết lập chính quyền mới của nhân dân.

Câu 13: Phân tích tính tất yếu và những quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Trả lời:

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nghiên cứu sự phát triển của xã hội loài người, đặc biệt trên cơ sở phân tích mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản - mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng mang tính chất xã hội hóa, trong khi quan hệ sản xuất lại dựa trên chế độ chiếm

hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) đã phát hiện ra xu thế phát triển của xã hội loài người thông qua những kiến giải kinh tế, chính trị, xã hội. Đó là xã hội tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ bị thay thế bởi một xã hội mới mà các ông gọi là xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

- Trong những điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin đã phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen, luận chứng một cách toàn diện khả năng đi tới chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa, có nền kinh tế lạc hậu, kém phát triển. Trên nền lý luận chung đó, Hồ Chí Minh đã lĩnh hội những vấn đề mấu chốt, cần thiết nhất cho nhân dân mình, dân tộc mình. Người khẳng định, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sự vận động khách quan của lịch sử, là một quá trình của sự thay thế lần lượt các phương thức sản xuất. Tinh thần của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội được Hồ Chí Minh diễn giải một cách giản lược, hết sức dễ hiểu. Người viết: “Từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - nói chung thì loài người phát triển theo quy luật nhất định như vậy”. Người chỉ rõ: “Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội v.v.. cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cành cây, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”. Xã hội loài người phát triển theo xu hướng đi lên, các xã hội trước tạo tiền đề để xã hội sau bước lên một hình thái cao hơn về chất lượng. Nếu chế độ tư bản chủ nghĩa tất yếu ra đời từ chế độ phong kiến thì chính chủ nghĩa tư bản cũng sẽ xác lập các tiền đề khách quan để tự phủ định chính nó. Theo Hồ Chí Minh, lôgic phát triển xã hội cho thấy đã đến lúc chủ nghĩa tư bản mở đường cho sự ra đời một chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định: “Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc.

Không có lực lượng gì ngăn trở được lịch sử loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được chủ nghĩa xã hội phát triển”.

- Theo Hồ Chí Minh, chỉ có đi theo con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới có độc lập thật sự và triệt để: “Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”. Do đó, Người xác định: “Con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa của các dân tộc là con đường chung của thời đại, của lịch sử, không ai ngăn cản nổi”. Lựa chọn con đường phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã giành được độc lập là sự lựa chọn đúng đắn và sáng suốt của Hồ Chí Minh. Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh đất nước, với quy luật khách quan và với xu thế phát triển của lịch sử xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng chủ nghĩa xã hội là tất yếu cho những nước lạc hậu, chậm phát triển như các nước phương Đông, đặc biệt là Việt Nam để xây dựng nước nhà độc lập, Nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Tuy nhiên, tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian, phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau. Căn cứ vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam, Người đã lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp theo loại hình phát triển rút ngắn. Tức là từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chậm phát triển, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội so với học thuyết Mác - Lênin.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Hồ Chí Minh đã giải thích về chủ nghĩa xã hội một cách rất cụ thể và dễ hiểu, với ngôn từ giản dị, “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”. Chủ nghĩa xã hội là “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”. “Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm cơm no, nhà ở tử tế, được học hành”. Hay, “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng

tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”. Như thế, chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì xa xôi, trừu tượng, tưởng tượng một cách không tưởng. Trái lại, chủ nghĩa xã hội sinh động, hấp dẫn và thu hút hàng triệu triệu người. Vì chủ nghĩa xã hội là do lao động của đông đảo quần chúng sáng tạo ra, là kết quả sinh động thực tế hàng ngày để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Khi đưa ra những quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cũng thể hiện nó trong các mặt cụ thể của đời sống xã hội, cụ thể:

+ Trong lĩnh vực chính trị, Hồ Chí Minh nhấn mạnh mặt bản chất nhất của chủ nghĩa xã hội, đó là xây dựng nền dân chủ mới: nền dân chủ của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chế độ dân chủ mới được thiết lập là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của cách mạng Việt Nam chống lại chế độ thực dân để giành được độc lập dân tộc. Người viết: “Đánh tan thực dân, giải phóng dân tộc, tranh lại thống nhất và độc lập, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ mới”. Người cho rằng, thực hiện dân chủ mới là “điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội” và “thực hiện hoàn toàn dân chủ mới (là bước đầu để tiến dần đến chủ nghĩa cộng sản)”. Điều đó cho thấy, chủ nghĩa xã hội không thể nảy sinh và phát triển bên ngoài dân chủ và dân chủ càng phát triển càng tạo điều kiện để tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Bản chất của nền dân chủ mới để đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản thể hiện trong tính nhân dân của nền dân chủ thông qua phương thức tổ chức hệ thống chính trị mà quan trọng nhất là xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân cũng như thiết lập các điều kiện tốt nhất để Nhân dân có thể tham gia vào quản lý và xây dựng đất nước với vai trò là người chủ. Người viết: “... chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ”. “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Đề cập tới vai trò của Đảng và Nhà nước, Người nói: “Đảng Lao động kiên quyết lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động... thực hiện dân chủ mới và tiến dần đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản)”. Hay “Đảng và Nhà nước ta dùng lực lượng của nhân dân để xây dựng cho nhân dân một đời sống ngày càng sung sướng. Đó là chủ nghĩa xã hội”. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội do Nhân dân lao động làm chủ. Đảng và Nhà nước phải ra sức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy tính tích cực, chủ động của Nhân dân nhằm huy động tối đa nhân tài, vật lực của toàn dân vào sự nghiệp đó.

+ Ở lĩnh vực kinh tế, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh hai yếu tố: chế độ sở hữu (công cộng hoặc xã hội) và quan hệ phân phối. Người viết: “Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v., làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con”. Trong lần trả lời những câu hỏi của cử tri Hà Nội, Người nói: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”. Có thể thấy chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có phương diện kinh tế mà còn thể hiện cả ở phương diện chính trị, xã hội, thể hiện quan hệ giữa con người với con người là phải công bằng và bình đẳng. Khái niệm bình đẳng được hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là thể hiện sự ngang bằng giữa người với người (“ai cũng phải lao động và có quyền lao động”) và nghĩa thứ hai là thể hiện sự ngang bằng giữa người và người trong mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ theo nguyên tắc, cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau. Điều đó thể hiện rõ tư tưởng nhân văn, nhân đạo cộng sản chủ nghĩa của Hồ Chí Minh.

+ Ở lĩnh vực văn hóa và con người, Hồ Chí Minh viết: Chủ nghĩa xã hội “gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hóa của nhân dân”. “Chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”... Như vậy, trong chế độ xã hội chủ nghĩa, con người được tạo mọi điều kiện để phát huy những khả năng vốn có của mình để cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, Người viết: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa... có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa”. Trong khi nhấn mạnh nguồn lực con người như là nhân tố quyết định của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh hết sức chú ý đến mặt đạo đức, tinh thần, ý thức của con người. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mọi người cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội. Theo Người, giác ngộ xã hội chủ nghĩa “không phải là cái gì cao xa mà cụ thể là ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật, tinh thần thi đua yêu nước,... tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, không sợ khó, ý thức cần kiệm”. Nhưng muốn bồi dưỡng

lý tưởng chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng lao động thì “Trước hết cán bộ phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường phải rõ ràng, vững chắc đã. Rồi cán bộ làm cho nhân dân hiểu để nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Khi đó cả xã hội mới tiến lên chủ nghĩa xã hội được”. Điều đó cho thấy tính nhất quán của tư tưởng Hồ Chí Minh: luôn luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của cán bộ, đảng viên, của lớp người tiên tiến, biết nêu gương và dẫn dắt quần chúng, củng cố niềm tin cho họ vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội. Không ra sức tu dưỡng, trau dồi đạo đức cách mạng, không đánh thắng chủ nghĩa cá nhân thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Vì “Muốn đánh thắng kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc, muốn xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là chủ nghĩa cá nhân”.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã đưa ra một hệ thống những quan niệm toàn diện về chủ nghĩa xã hội. Đó là một xã hội phát triển cao về mọi mặt nhằm giải phóng sức lao động của con người, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, hướng tới xây dựng một xã hội thông thái, văn minh, đạo đức. Những quan niệm đó hoàn toàn phù hợp với mục tiêu, lý tưởng về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của học thuyết Mác - Lênin, phù hợp với nguyện vọng, yêu cầu bức xúc và cơ bản từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam, phù hợp với quy luật về con đường của cách mạng Việt Nam.

3. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước

- Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi đó là sự nghiệp có tính tất yếu của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991), trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra được các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các đặc trưng này cơ bản trở lại với quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, cho thấy bản chất tốt đẹp của một chế độ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, con người và các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước. Cái đích cuối cùng là giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, phát triển toàn diện cá nhân.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”. Đồng thời, Đảng cũng đã có sự bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991). Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Như vậy, mô hình của chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam chứa đựng khả năng mở rộng nội hàm, tiếp tục bổ sung những nét mới là kết quả của sự kết hợp hài hòa cái phổ biến với cái đặc thù, cái chung và cái riêng để tạo ra mô hình với tên gọi mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Mô hình ấy biểu hiện như một kết cấu tổng thể, ổn định tương đối, nó không phải là một mô hình khép kín và cứng nhắc. Nó thể hiện xu hướng gắn kết hợp tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội với sự vận động không ngừng của nhân loại đi lên phía trước, kế thừa những thành tựu tiến bộ của loài người để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù, con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay vẫn còn muôn vàn khó khăn, thử thách; vẫn còn không ít những hạn chế, yếu kém, nhưng nhìn một cách tổng quát, khách quan, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã đạt được những kết quả to lớn cần phải được khẳng định và trân trọng. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định “Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước

được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

-> Tất cả các đặc trưng mà Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra qua các kỳ Đại hội Đảng đều ít nhiều đã được Hồ Chí Minh đề cập đến trong quá trình hoạt động cách mạng và lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đó chính là sự vận dụng và kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới ở Việt Nam. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng.

Câu 14: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Nói về mục đích của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, và do nhân dân tự xây dựng lấy”. Hay, “... chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”. Trong lần nói chuyện với Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Người nói: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”. Với những quan niệm như trên, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Điều đó thể hiện tính ưu việt hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội so với các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra chức năng xã hội của nó là giải phóng con người một cách toàn diện, theo mọi cấp độ: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

- Mục tiêu mà suốt cuộc đời Hồ Chí Minh luôn hướng tới là giành lại độc lập, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho Nhân dân. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham

muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Khát vọng của Người cũng chính là khát vọng của tất cả mọi người dân yêu nước, là mục tiêu của cách mạng, của dân tộc Việt Nam.

- Bên cạnh mục tiêu chung, tổng quát của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những mục tiêu cụ thể:

+ Về chính trị: Xây dựng chế độ chính trị dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

+ Về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, đời sống vật chất của Nhân dân ngày được cải thiện.

+ Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa mới, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

+ Về xã hội: Xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, có quan hệ tốt đẹp giữa người với người, các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện; đạo đức, lối sống phát triển lành mạnh.

-> Những mục tiêu trên thể hiện xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam xây dựng là một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình trong sự phát triển hài hòa với lợi ích chung của tập thể và xã hội.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Theo Người, động lực quan trọng và quyết định của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhân tố con người. Phát biểu tại Hội nghị Trung ương 7 (mở rộng) khóa III bàn về kế hoạch 5 năm phát triển công nghiệp, Người đặc biệt nhấn mạnh vấn đề con người. Nhà máy cũng cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người, là sự phấn khởi của quần chúng. Làm tất cả là do con người. Do đó, “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”. Con người xã hội chủ nghĩa vừa là sản phẩm của quá trình phát triển xã hội mới, vừa là kết quả của quá trình hoạt động tích cực, chủ động của hàng triệu người trong xã hội. Vì vậy, hệ thống biện pháp tác động vào tính tích cực của con người, tạo động lực cho sự

phát triển của chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh đề cập đến trên cả hai bình diện cộng đồng và cá nhân.

- Ở phương diện cộng đồng, cần phát huy sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc. Đây là động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

+ Con người trên bình diện cộng đồng bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các tổ chức và đoàn thể, các dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và kiều bào nước ngoài... Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải ra sức phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Bởi xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ là vấn đề giai cấp mà còn là vấn đề dân tộc, không phải là sự nghiệp riêng của công nông mà là sự nghiệp chung của toàn dân tộc, có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới tăng cường được sức mạnh dân tộc, mới giữ vững được độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh nhiều lần chỉ rõ chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng; chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân tự xây dựng lấy. Người nói: “Ai xây dựng chủ nghĩa xã hội? Nói chung là những người lao động trong xã hội gồm công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, v.v., nhưng lực lượng chủ chốt xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nhân”. Từ đó, Người khẳng định: “Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân, động viên lực lượng của nhân dân, để phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”.

+ Ở phương diện cá nhân, cần phát huy sức mạnh của con người với tư cách cá nhân người lao động. Sức mạnh của cộng đồng được hình thành từ sức mạnh của cá nhân và chủ yếu thông qua sức mạnh của cá nhân. Do đó, muốn phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, xét đến cùng, phải tìm ra các biện pháp để khơi dậy và phát huy tính tích cực của mỗi cá nhân. Nói phát huy sức mạnh của con người, của mỗi cá nhân, tức là nói đến hệ thống các biện pháp nhằm tác động vào tính tích cực xã hội của con người với tư cách là chủ thể sáng tạo của lịch sử. Nếu con người là một cấu trúc phức tạp, nhiều mặt, nhiều thành phần thì hệ thống biện pháp tác động vào tính tích cực xã hội của con người để tạo ra sự phát triển cũng rất đa dạng, phong phú.

-> Một là, các động lực chính trị - tinh thần. Hồ Chí Minh chú trọng trước hết đến giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa... Người cho rằng, phải chăm lo “phát triển tinh thần yêu nước của dân ta”, làm cho lòng yêu nước của mỗi người không cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm mà phải được đem ra thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Nhân dân ta sẵn có truyền thống tốt đẹp là lao động cần cù,... lại có tinh thần yêu nước nồng nàn. Chúng ta cần phát huy truyền thống và tinh thần ấy”. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội “Cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội”. Theo Hồ Chí Minh, giác ngộ xã hội chủ nghĩa “không phải là cái gì cao xa mà cụ thể là ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật, tinh thần thi đua yêu nước.. tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, không sợ khó, ý thức cần kiệm”. Nhưng muốn bồi dưỡng lý tưởng chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng lao động thì “Trước hết cán bộ phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường phải rõ ràng, vững chắc đã. Rồi cán bộ làm cho nhân dân hiểu để nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Khi đó cả xã hội mới tiến lên chủ nghĩa xã hội được”. Điều đó cho thấy tính nhất quán của tư tưởng Hồ Chí Minh: luôn luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của cán bộ, đảng viên, của lớp người tiên tiến, biết nêu gương và dẫn dắt quần chúng, củng cố niềm tin cho họ vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh của con người được huy động vào sự nghiệp cách mạng bao gồm cả văn hóa, đạo đức, khoa học - kỹ thuật, pháp luật và nhiều nhân tố tinh thần khác. Để tác động vào tính tích cực xã hội của con người, cũng phải biết huy động một cách đồng bộ những biện pháp đó.

-> Hai là, các động lực lợi ích, trước hết là lợi ích kinh tế. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã rất thành công trong việc huy động cả sức mạnh lý tưởng lẫn động lực lợi ích của toàn thể cộng đồng, cũng như của mỗi cá nhân. Khi nói về vai trò của động lực vật chất, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tục ngữ có câu: “Dân dĩ thực vi thiên”, nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời. Lại có câu: “Có thực mới vực được đạo”, nghĩa là không có ăn thì chẳng làm được việc gì cả. Vì vậy, chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom

đến đời sống của nhân dân... cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân”.

Coi trọng lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động nhưng Hồ Chí Minh luôn đặt nó trong mối quan hệ thống nhất với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Người nói: “Lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được đảm bảo thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn... Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể”. Đó là một quan điểm đúng đắn và cách mạng. Nó không chỉ đúng trên phương diện đạo đức mà đúng cả trên phương diện lịch sử. Trong điều kiện bình thường, lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi những mục đích của mình, nhưng ở những bước ngoặt của lịch sử, đối với đại đa số nhân dân, thì cái riêng trùng hợp với cái chung, cái chung không giải quyết thì cái riêng cũng không thể tồn tại và phát triển được. Nhận thức sâu sắc, đúng đắn điều đó sẽ là cơ sở để giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.

Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc thực hiện công bằng xã hội trong phân phối lợi ích với tư cách là một động lực của chủ nghĩa xã hội. Người yêu cầu phải chống chủ nghĩa bình quân, cào bằng trong phân phối. Con người có trí tuệ, năng lực thể chất khác nhau, “Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ, cũng công điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải tránh chủ nghĩa bình quân”. Người cho rằng phải biết sử dụng thích đáng các biện pháp kích thích lợi ích vật chất. “Phải thực hiện ba khoán, một thưởng. Nếu ai thực hiện vượt mức quy định thì được thưởng. Có như thế mới khuyến khích mọi người cố” gắng hơn nữa. Thưởng, phạt phải công bằng”. Hơn nữa, nếu làm xấu, làm hỏng, “có khi phải bồi thường lại cho Nhà nước. Chính phủ không phát lương cho người ngồi ăn không”.

Ngoài các động lực bên trong, do các nhân tố nội sinh tạo nên, theo Hồ Chí Minh, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải kết hợp được các nhân tố nội sinh với các nhân tố ngoại sinh (nhân tố bên ngoài). Một trong những sự kết hợp đó là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trên lập trường của giai cấp công nhân...

Tuy nhiên, muốn khai thông những động lực của chủ nghĩa xã hội đồng thời phải nhận diện để khắc phục những lực cản kìm hãm sự phát triển ấy như: Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc; thói quen và truyền thống lạc hậu; chủ nghĩa cá nhân. Đây chính là ba trở lực phải quét sạch để đưa cách mạng tiến lên.

3. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước

- Những quan niệm, nhận thức của Đảng ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI chẳng những đặt cơ sở cho sự hình thành lý luận đổi mới mà còn xây dựng những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như một cuộc cải biến cách mạng lâu dài, toàn diện và triệt để, có kế thừa, có phát triển. Đại hội xác định: “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”.

Tiếp nối những tư tưởng được đưa ra ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII nhấn mạnh: “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”. Kế thừa và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về huy động sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc trong tình hình mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng chỉ rõ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải dựa vào nhiều động lực, nhưng “động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”.

Kế thừa và phát triển các Đại hội trước đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) và chỉ rõ quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là “một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của

đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”. Đồng thời Cương lĩnh cũng đã chỉ ra con đường để xây dựng chủ nghĩa xã hội với lộ trình, bước đi phù hợp: Phần đầu đến năm 2020, đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, để “đến giữa thế kỷ XXI... xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” và đến khi kết thúc thời kỳ quá độ, “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”. Đây là một trong những điểm mới, bổ sung quan trọng của Đảng về bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

- Nhờ nhận thức rõ động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên qua 35 năm đổi mới, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu, chung sức đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ, hợp tác của cộng đồng quốc tế, nhân dân ta đã đạt được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới”, tạo ra thế và lực mới để đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu về đổi mới cho chúng ta niềm tin về sự lựa chọn đúng đắn của mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020, đạt 342,7 tỷ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020, đạt trên 540 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỷ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỷ USD vào cuối năm 2020.

Câu 15: Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thế nào?

Trả lời:

1. Đặc điểm của Việt Nam khi bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội

* Xuất phát từ hoàn cảnh thực tiễn của đất nước, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những đặc điểm riêng của Việt Nam. Từ đó, đưa ra những quan niệm về bước đi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là thuộc địa có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề với bao tàn tích lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại. Những đặc điểm đó là:

- Thứ nhất, có chính quyền dân chủ nhân dân. Sau khi giành độc lập, nền chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản trên nền tảng liên minh công - nông và lao động trí óc được củng cố. Nhà nước của dân, do dân, vì dân được kiện toàn và có kinh nghiệm bước đầu điều hành đất nước thực hiện nhiệm vụ “kháng chiến, kiến quốc” thắng lợi. Những tiền đề chủ yếu cho việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội được tạo ra. Do đó, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới - quá độ lên chủ nghĩa xã hội - không bắt đầu bằng một cuộc đảo lộn chính trị, một cuộc cách mạng chính trị với đầy đủ ý nghĩa của nó như ở nước Nga hay các nước tư bản phát triển mà lại trải qua một thời kỳ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc (1945 - 1954), xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tạo tiền đề cần và đủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều này thể hiện khá rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quá trình tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

- Thứ hai, đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Sau Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn nằm trong vùng kiểm soát của đối phương. Theo Hiệp định, sau hai năm, Việt Nam sẽ tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Song, do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã ngang nhiên phá bỏ Hiệp định, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử và thiết lập một chế độ cai trị hà khắc tại miền Nam. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân Việt Nam đã tiến

hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Theo đánh giá của nhiều lý luận gia nước ngoài, cách làm “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, vừa chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy triệt để những ưu thế của chế độ xã hội mới phục vụ mục tiêu: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc là một nét độc đáo của Hồ Chí Minh, phản ánh đúng thực chất và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam: gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Hiện tượng lịch sử này chưa từng có ở bất kỳ một nước nào khác trên thế giới. Nhưng Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam đã giải quyết thành công cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng tổng kết: “Một Đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời bị chia cắt làm đôi tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, đó là đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 5 năm 1975”.

- Thứ ba, theo Hồ Chí Minh, đặc điểm “to nhất”, bao trùm nhất của Việt Nam khi bước vào thời kỳ quá độ, chi phối các đặc điểm khác và quyết định phương thức quá độ gián tiếp là “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Đặc điểm này đã quy định loại hình phát triển của Việt Nam lên chủ nghĩa xã hội là loại hình “phát triển rút ngắn” theo phương thức “quá độ gián tiếp” mà V.I. Lênin đã bàn tới. Với trình độ phát triển của Việt Nam, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải tiến dần dần, từng bước một, cố gắng đi nhanh cho kịp với thế giới nhưng phải đúng quy luật, không thể chủ quan duy ý chí, không thể đốt cháy giai đoạn, làm bừa, làm ẩu. Đặc điểm này thu tóm đầy đủ những mâu thuẫn, khó khăn, phức tạp trong tiến trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nó đặt ra hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn cần được nhận thức và giải đáp một cách đúng đắn để tìm ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với những hình thức, bước đi và cách làm phù hợp. Đặc điểm này cũng chỉ rõ, mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ là mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tiến lên xây dựng một chế độ xã hội mới có kinh tế công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến với tình trạng lạc hậu, kém phát triển, lại phải đối phó với bao thế lực cản trở, phá hoại mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

- Thứ tư, mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới những năm 60 của thế kỷ XX cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới và sự ủng hộ tinh thần, vật chất có ý nghĩa động viên rất lớn. Trong thời gian này, phe xã hội chủ nghĩa thế giới lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ và giành được nhiều thắng lợi. Sự khẳng định xu thế thời đại quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới là một tiềm lực chính trị mang sức mạnh động viên, cổ vũ rất lớn đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, chính tình hình thuận lợi đó lại làm cho con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam bị ảnh hưởng và phụ thuộc vào mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và Trung Quốc.

* Xuất phát từ những đặc điểm trên, Hồ Chí Minh thấu hiểu được những khó khăn, trở ngại trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vì thế, Người yêu cầu phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng, phải am hiểu, thông thuộc lịch sử, địa lý và con người Việt Nam, tránh tình trạng có khi “hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người”... “Nhưng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình, hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt”. Điều đó đòi hỏi phải đi sâu vào thực tiễn để điều tra, khảo sát, từ tổng kết thực tiễn mà đề xuất những vấn đề lý luận cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, điều mà Hồ Chí Minh trăn trở là tìm ra hình thức, bước đi, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, biến nhận thức lý luận thành chương trình hành động, thành hoạt động thực tiễn hằng ngày. Để xác định biện pháp, cách làm phù hợp với đặc điểm của Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến, nhưng không được sao chép máy móc, giáo điều. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt

Nam muốn thực hiện thành công thì một trong những vấn đề đặt ra là phải xây dựng cho được hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội. Để làm được điều đó, một trong những yêu cầu quan trọng là phải học tập, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước anh em. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới. Vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến. Tuy nhiên, khi vận dụng vào hoàn cảnh một dân tộc cụ thể, với những đặc điểm riêng của dân tộc ấy thì phải vận dụng sao cho linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta... Khi vận dụng thì bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta".

Việc học tập, vận dụng kinh nghiệm của các nước anh em cần phải được thực hiện theo tinh thần độc lập, tự chủ, lấy thực tế Việt Nam làm điểm xuất phát và làm tiêu chuẩn đánh giá, kiểm nghiệm tính khoa học của kinh nghiệm nước ngoài. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, đối với Việt Nam, hiểu chủ nghĩa xã hội không chỉ là vấn đề bản chất và mục tiêu mà muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội còn phải có phương thức, biện pháp, cách làm đúng với những bước đi thích hợp. Người rất chú trọng gắn lý luận với thực tiễn, học hỏi, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài nhưng phải biết cách vận dụng sáng tạo với tinh thần độc lập tự chủ để tự mình tìm ra cách giải quyết những vấn đề của chính mình trên con đường phát triển mới mẻ, phức tạp, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

- Xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện, đặc điểm dân tộc, nhu cầu khách quan và khả năng thực tế của Nhân dân. Xuất phát từ quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, phải chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm của nước ngoài. Người nói: "Muốn đỡ phạm sai lầm thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo". Người chỉ rõ: "Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác". Do đó, "ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ

nghĩa xã hội”. Người khẳng định: “Hiện nay đứng về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta”. Như vậy, đối với Hồ Chí Minh, việc phân tích đúng đắn đặc điểm cơ bản của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để hiểu rõ và nắm vững quy luật phát triển về con đường đi lên của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

+ Theo Hồ Chí Minh, cách làm tốt nhất để có chủ nghĩa xã hội là dựa vào dân, đem tài dân, sức dân mà mưu cầu hạnh phúc cho dân. Người viết: “Dem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”. Chủ nghĩa xã hội của dân, do dân, vì dân là một chủ nghĩa xã hội mà sức sông của nó được khơi nguồn từ sức sáng tạo vô tận của Nhân dân, là “chủ nghĩa xã hội nhân dân”, chứ không phải là “chủ nghĩa xã hội nhà nước”. Nếu không giác ngộ toàn dân, không phát huy được tinh thần làm chủ và sức sáng tạo của Nhân dân, thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Người nói: “Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người”.

+ Kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là một trong những đặc điểm có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội, hay nói cách khác, phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tất yếu phải có kế hoạch. Tuy nhiên, nhiều chủ trương, kế hoạch được đề ra rất hay, rất toàn diện, nhưng lại không đi vào cuộc sống, không biến thành hiện thực là vì thiếu một hệ thống biện pháp khả thi. Vì thế, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò quyết định của biện pháp thực hiện. Người nói: “Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần, nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần. Có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch”.

+ Trong cách mạng giải phóng dân tộc, nhờ phát huy độc lập, tự chủ, sáng tạo, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến vĩ đại, góp phần phát triển, làm phong phú lý luận Mác - Lênin trong thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh tự giải phóng. Cũng với tinh thần ấy, Hồ Chí Minh đã có những tìm tòi sáng tạo trong việc đưa ra những biện pháp và cách làm phù hợp để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là, muốn xây dựng thành

công chủ nghĩa xã hội thì phải làm đúng quy luật, thuận lòng dân và phù hợp với thời đại.

3. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra các nhiệm vụ, mục tiêu của thời kỳ quá độ, đó là một quá trình lịch sử rất lâu dài, trải qua hàng thế kỷ, nối tiếp nhiều thế hệ. Khái niệm “bước đi ban đầu”, “chặng đường đầu”, “chặng đường tiếp theo” thể hiện mặt định tính và định lượng trong phát triển thời kỳ quá độ ở Việt Nam đã hình thành từ thực tiễn đổi mới trên những đường nét cơ bản.

- Nhận thức của Đảng về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có những đổi mới sâu sắc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX chỉ rõ: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, gọi là thời kỳ quá độ với ý nghĩa là Việt Nam phải trải qua một trạng thái xã hội mang tính trung gian, chuyển tiếp giữa phương thức sản xuất cũ và phương thức sản xuất mới, trong đó nền kinh tế là nền kinh tế quá độ gồm nhiều thành phần kinh tế. Dù Việt Nam không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội thống trị, nhưng về phương diện kinh tế phải tôn trọng quá trình phát triển tự nhiên của nền kinh tế, không thể bỏ qua việc phát triển sức sản xuất xã hội, xã hội hóa sản xuất trong thực tế. Song, nhờ cách mạng khoa học và công nghệ, nhờ hợp tác kinh tế quốc tế đa phương, đa dạng cho phép có thể tận dụng đại công nghiệp của cả thế giới để có thể “rút ngắn” quá trình phát triển kinh tế đất nước. Sự phát triển “rút ngắn” chỉ có nghĩa là đẩy nhanh tương đối quá trình phát triển lịch sử tự nhiên, bằng những khâu trung gian, bằng những hình thức, bước đi quá độ - được coi là rất cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt đối với những nước mà sản xuất nhỏ là phổ biến đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, phải tôn trọng và vận dụng sáng tạo những tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX nhấn mạnh: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của

xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ” và “Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau”. Tổng kết những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Nhân dân Việt Nam đạt được qua 30 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”.

- Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH ở nước ta là không bao giờ thay đổi. Độc lập dân tộc là điều kiện để đi lên chủ nghĩa xã hội, ngược lại chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc. Vì đây “là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”. Đương nhiên, vấn đề không chỉ là mục tiêu, lý tưởng, mà điều quan trọng là phải tìm ra giải pháp, bước đi, cách làm khoa học, sáng tạo nhằm thực hiện cho bằng được mục tiêu, lý tưởng đã xác định. CNXH của chúng ta xây dựng không phải là CNXH bị hiểu sai và làm sai, mà là CNXH khoa học, CNXH đổi mới đúng đắn trên tinh thần phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn đất nước. Như một chỉ dẫn mang tính nguyên lý của lãnh tụ vĩ đại V.I.Lênin: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không thể tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”.

Câu 16: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội?

Trả lời:

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một chân lý lớn của thời đại, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, không phải chỉ với Việt Nam mà còn có ý nghĩa chung đối với tất cả các dân tộc đang đấu tranh giải phóng và tìm tòi con đường phát

triển cho đất nước sau khi giành được độc lập dân tộc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau.

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

- Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh nhận thấy rằng chỉ có con đường duy nhất là làm cách mạng thì mới giành được độc lập cho dân tộc, và làm theo Cách mạng Tháng Mười Nga thì mới đem lại tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Điều đó có nghĩa, đối với các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trước hết phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống lý luận, quan điểm cách mạng làm cơ sở để xác định chiến lược cách mạng khoa học, phù hợp với nhu cầu tiến hóa của dân tộc, theo xu thế của thời đại. Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống quan điểm cách mạng, khoa học, toàn diện và sáng tạo mang tầm vóc một học thuyết giải phóng và phát triển vì độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh thuộc về hệ quan điểm lý luận cách mạng của chủ nghĩa cộng sản khoa học - lý luận về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, được truyền bá trực tiếp, khoa học và có tổ chức vào Việt Nam dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa xuân 1930 và thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng... do chính Người soạn thảo, đề ra chủ trương thực hiện chiến lược của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

- Căn cứ vào tình hình xã hội Việt Nam khi thành lập Đảng, theo Hồ Chí Minh cuộc cách mạng này không thực hiện một lúc đánh đế quốc và đánh phong kiến mà kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc giải phóng dân tộc với nhiệm vụ chống phong kiến thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng theo phương châm: hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến tiến hành khăng khít nhưng không song song nhất loạt ngang nhau. Nhiệm vụ chống phong kiến rải ra mà làm, nhằm phục vụ nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản không phải qua hai cuộc cách mạng chính trị với mục tiêu, đối tượng và lực lượng khác nhau như phải trải qua hai lần giành chính quyền giống cách mạng Nga (Cách mạng Tháng Hai và Cách mạng Tháng Mười); cũng không phải hai lần

giải phóng như cách mạng Trung Quốc: giải phóng dân tộc khỏi ách phát xít Nhật (tháng 8/1945) rồi đến giải phóng công nông, giành chính quyền về tay công nông (tháng 10/1949). Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản mà Hồ Chí Minh đề ra mang tính chất một cuộc cách mạng không ngừng, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ giải phóng dân tộc với nhiệm vụ dân chủ cũng như kết hợp nhiệm vụ dân tộc, dân chủ với sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường đi dần lên chủ nghĩa xã hội.

- Sau khi chính quyền đã về tay Nhân dân, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Trên nền tảng liên minh công nông và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Nhà nước dân chủ nhân dân thực hiện từng bước cải cách kinh tế, văn hóa và xã hội phục vụ quốc kế dân sinh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trước hết là nhân dân lao động, thực hiện từng bước nhiệm vụ giải phóng dân tộc về mặt kinh tế, bảo đảm đất nước độc lập, tự do, toàn vẹn lãnh thổ cả về chính trị lẫn kinh tế để đi lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, trong giải phóng dân tộc đã bao hàm giải phóng giai cấp, xã hội và giải phóng con người. Việc đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, kết hợp từng bước với nhiệm vụ dân chủ và xã hội chủ nghĩa là biểu hiện sâu sắc, triệt để và đúng đắn nhất lập trường cách mạng của Hồ Chí Minh. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản chống đế quốc và chống phong kiến bảo đảm cho cách mạng Việt Nam kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh giai cấp, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc.

-> Điểm mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ, toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng trải qua nhiều giai đoạn mà mỗi giai đoạn ứng với một nhiệm vụ nhất định của tiến trình phát triển. Nhiệm vụ giai đoạn trước hoàn thành tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của giai đoạn sau. Cho nên, giữa các giai đoạn của cuộc cách mạng không có bức tường ngăn cách, không làm thay đổi trật tự bố trí, sắp xếp các lực lượng cách mạng mà chỉ tạo điều kiện cho các lực lượng được cách mạng hóa cho phù hợp với từng bước phát triển.

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện vững chắc để bảo đảm nền độc lập dân tộc

- Hồ Chí Minh đã làm nổi bật tư tưởng về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp vô sản, về sự gắn liền cuộc cách mạng giải phóng dân tộc

với cách mạng vô sản trong thời đại ngày nay, về con đường đảm bảo chắc chắn cho độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản, là sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội. Trong bài Đông Dương - cuộc kháng chiến (1923 - 1924), Người viết: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Con đường ấy, ngay từ buổi đầu được Người lựa chọn đã đặt cách mạng Việt Nam vào sự vận động của phong trào cách mạng thế giới, là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Khẳng định sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa đối với Hồ Chí Minh chính là sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc một cách triệt để nhất, đưa cách mạng Việt Nam sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Sau khi xác định con đường giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh luôn chủ trương gắn chặt cách mạng dân tộc dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Người coi chủ nghĩa xã hội vừa là phương tiện, là con đường, lại vừa là mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Trong Truyền đơn cổ động mua báo Le Paria đầu năm 1923, Hồ Chí Minh viết: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc...”. Hồ Chí Minh chưa bao giờ coi chủ nghĩa xã hội là điểm xuất phát mà chỉ là một sự gặp gỡ trong hành trình cứu nước, giải phóng dân tộc. Sự gặp gỡ ấy đã mở ra cho Người con đường đúng đắn để đạt tới mục tiêu của mình. Người viết: “Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

- Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa xã hội trước hết là một chế độ dân chủ, do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Chế độ dân chủ thể hiện trong tất cả các mặt của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... và được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật. Đây là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm nền độc

lập dân tộc, tạo ra nền tảng ý thức xã hội bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu thôn tính, đe dọa nền độc lập, tự do của dân tộc. Chủ nghĩa xã hội được lựa chọn như một con đường để thực hiện mục tiêu của cách mạng Việt Nam: độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội không phải là mục tiêu tự nó. Nó chỉ tồn tại với tính cách là mục tiêu khi nó là cái cần thiết để đạt một mục tiêu cao hơn, bao trùm hơn là đem lại cuộc sống, tự do và hạnh phúc cho mọi người. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội đã khiến quan điểm giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh mang tính toàn diện và triệt để. Nó vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

* Đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã tìm ra con đường phát triển mang tính đặc thù - đó là con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến. Cách thức phát triển này cho phép giải quyết một cách triệt để mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Qua đó cho thấy, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phản ánh sự lựa chọn khách quan của chính thực tiễn - lịch sử dân tộc mang đậm tính đặc thù của Việt Nam đã được khẳng định. Với mục tiêu xác định, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết hợp với sự ủng hộ giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần của nước xã hội chủ nghĩa, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành độc lập, tự do cho dân tộc, đưa đất nước thống nhất và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ nhận thức rõ mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên phương diện kinh tế, nên qua 35 năm đổi mới, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu, chung sức đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ, hợp tác của cộng đồng quốc tế, nhân dân ta đã đạt được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới”, tạo ra thế và lực mới để đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành

tự về đổi mới cho chúng ta niềm tin về sự lựa chọn đúng đắn của mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020, đạt 342,7 tỷ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020, đạt trên 540 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỷ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỷ USD vào cuối năm 2020.

Câu 17: Trình bày bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

Trả lời:

1. Bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay

- Trong thời gian qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến Việt Nam. Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đã tạo ra nhiều hệ lụy, bao gồm cả cơ hội lẫn thách thức đối với các nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

- Cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế, những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, Nhà nước phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những diễn biến mới, phức tạp của tình hình khu vực và quốc tế. Trong

bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và đạt được những thành quả quan trọng.

+ Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế có bước phát triển. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hòa bình, ổn định. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng và đạt kết quả quan trọng. Với các giải pháp phục hồi nền kinh tế sau dịch Covid-19, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 ước đạt 8,02%, mức cao nhất giai đoạn 2011-2022. Kinh tế Việt Nam cũng ghi nhận những điểm sáng như: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm chỉ tăng 3,15% so với năm 2021 (vượt mục tiêu đề ra); năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước... Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110USD, tăng 393USD so với năm 2021. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Kết quả đạt được nêu trên của Việt Nam được đánh giá cao trong bối cảnh kinh tế thế giới nhìn chung đang rất ảm đạm.

- Tuy nhiên, đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu đề đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và

công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế chậm được khắc phục. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi và có phần diễn biến phức tạp. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến chậm.

-> Nhận định rõ các xu thế không thể đảo ngược của thế giới, cùng với việc kiên trì hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam không chỉ đứng vững trước những thách thức của thời cuộc, mà còn vươn lên khẳng định vị thế ngày càng cao ở khu vực và trên trường quốc tế. Đây chính là minh chứng rõ nét của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, đặc biệt là nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong một cục diện đầy biến động của khu vực và thế giới.

2. Những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

- Một là, kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định.

+ Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu bất biến mà Nhân dân Việt Nam đã kiên trì theo đuổi gần 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bằng kinh nghiệm lịch sử của mình, Nhân dân Việt Nam đã thấm thía sâu sắc lời dạy của Hồ Chí Minh, rằng “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Trải qua gần một trăm năm dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, Nhân dân bị kìm hãm trong vòng nghèo đói, lạc hậu, đời sống vật chất và văn hóa rất thấp kém. Muốn biến đổi tình hình nghèo nàn, lạc hậu ấy, sau khi giành được độc lập dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Ngày nay, Đảng lãnh đạo Nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” cũng chính là để hoàn thành mục tiêu, lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân trong hoàn cảnh mới. Xuất phát từ hoàn cảnh trong nước và quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ IX khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đại hội bổ sung thêm từ “dân chủ” vào mục tiêu phấn đấu của Nhân dân và diễn đạt mục tiêu chung là: “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. So với các Đại hội trước, việc xác định như vậy phản ánh đầy đủ hơn, rõ ràng hơn nhận thức về vấn đề dân chủ, một vấn đề lớn thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011). Trong Cương lĩnh, từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: “Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”. Đảng khẳng định: “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”. Trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp địa phận, không phận, hải phận và tài nguyên... tiếp tục diễn ra gay gắt và phức tạp cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là nòng cốt”.

- Hai là, phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy sức mạnh bản chất ưu việt của chế độ xã hội; là bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; là dân chủ phải được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống để nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của Nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Trong quá trình đổi mới, Đảng đã tiếp thu, phát triển những giá

trị tư tưởng về dân chủ của nhân loại, đặc biệt là quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một chế độ chính trị thừa nhận quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, xác định Nhân dân là chủ thể của quyền lực Nhà nước.

+ Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng đã có những phát triển mới, quan trọng trong nhận thức về dân chủ. Quan niệm về dân chủ được mở rộng. Dân chủ được xem xét trên nhiều khía cạnh: Dân chủ là chế độ chính trị; dân chủ là giá trị; dân chủ là phương thức và nguyên tắc tổ chức xã hội; dân chủ chung đối với xã hội và dân chủ với mỗi cá nhân; dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Dân chủ phản ánh một bước chuyển từ thể chế chính trị dựa trên áp lực, tuân thủ mệnh lệnh sang thể chế hợp tác, đồng thuận. Với việc đưa “dân chủ” - một mục tiêu của xã hội chủ nghĩa, Đảng đã quán triệt sâu sắc và hoàn thiện hơn hệ mục tiêu xã hội chủ nghĩa: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, dân chủ không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì nó phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, giải phóng năng lực sáng tạo của con người. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định: “Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực”. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa không tách rời quá trình “hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp” hiện hành; “Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân” .

- Ba là, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị. Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam là tính nhất nguyên

và tính thống nhất. Nhất nguyên về chính trị, về tổ chức, về tư tưởng thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về mục tiêu chính trị. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở Việt Nam có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với nhau tạo nên một thể thống nhất, phát huy sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị thực chất là để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện, quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy. Đây chính là bản chất của chế độ xã hội mà Nhân dân Việt Nam đang xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bốn là, đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Cùng với bước phát triển của tiến trình cách mạng thì vai trò, trách nhiệm của Đảng không ngừng tăng lên, nhiệm vụ của Đảng hết sức nặng nề, mới mẻ, phức tạp. Đặc biệt khi trở thành đảng cầm quyền, phần lớn đảng viên được nắm giữ các cương vị quan trọng trong bộ máy nhà nước, dễ biến mình thành những “ông quan cách mạng”, mưu lợi cá nhân. Nguy cơ này chẳng những làm tổn hại sự nghiệp cách mạng mà còn làm suy yếu, phai mờ bản chất cách mạng của chính bản thân Đảng. Vì vậy, việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn là một công việc tất yếu của một đảng cách mạng chân chính. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Để đảm bảo thắng lợi của cách mạng, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của toàn Đảng ta, phát huy hơn nữa tác dụng lãnh đạo của Đảng ta trên mọi mặt công tác”. Hiện nay, tình hình trong nước và thế giới có nhiều thay đổi, biến động. Điều đó đòi hỏi mỗi người cán bộ, đảng viên phải có bản lĩnh vững vàng trước mọi tình huống phức tạp; kiên định mục tiêu xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ nói riêng và thực hiện có hiệu quả toàn bộ công tác xây dựng Đảng nói chung là những hành động cụ thể, đặt trong bối cảnh cụ thể mà Đảng tiếp tục thực hiện theo tư tưởng Hồ Chí Minh để

Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng và Nhân dân Việt Nam thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Câu 18: Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước hiện nay.

Gợi ý:

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

- Phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. Đường lối, chủ trương phải dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phải vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, từng thời kì.

- Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Phải thể chế hoá và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược. Hơn nữa, người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm làm gương tốt để mọi người noi theo.

- Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng. Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự trong sạch, vững mạnh của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn “là đạo đức, là văn minh”. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra trong các văn bản chính thức của Nhà nước ta (1945). Từ đó, “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” đã trở thành mục tiêu, động lực của cách mạng Việt Nam.

2. Xây dựng Nhà nước

- Phải xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả

của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương,

- Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hoá công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài. Kiên quyết hơn nữa trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

- Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tiếp tục nâng

cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hoá các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định sự thành công của việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Một số kết quả đạt được

Trong công tác xây dựng Đảng, Nhà nước, sau 5 năm Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được thành lập (ngày 1/2/2013), nhất là từ Đại hội XII của Đảng đến nay, cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng (PCTN) đã có một bước tiến mạnh, đạt được nhiều kết quả. Cụ thể là: Thứ nhất, quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, kịp thời nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, với mức án nghiêm khắc và nhân văn; thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng và đồng chí Tổng Bí thư “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, bất kể người đó là ai”, tạo bước đột phá trong công tác PCTN. Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo đã đưa 68 vụ án, 57 vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đến nay đã kết thúc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm 40 vụ án, với 500 bị cáo nhận các mức án nghiêm khắc (10 bị cáo với 11 án tử hình, 19 bị cáo với 20 án tù chung thân, 459 bị cáo tù có thời hạn từ 12 tháng đến 30 năm,...). Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng đạt trên 31%; việc kê biên, thu giữ tài sản trong các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đạt trên 35 ngàn tỷ đồng, điển hình như: Vụ án xảy ra tại Ngân hàng TMCP Đại Tín trên 10.000 tỷ đồng, vụ án xảy ra tại Ngân hàng TMCP Xây dựng (giai đoạn I) trên 6.000 tỷ đồng, vụ AVG hơn 8.500 tỷ đồng, vụ án đánh bạc, tổ chức đánh bạc xảy ra tại Phú Thọ trên 1.400 tỷ đồng... Thứ hai, chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra,

kiểm toán, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các sai phạm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương góp phần đắc lực nâng cao hiệu quả công tác PCTN. Trong 5 năm qua, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật Đảng 77.662 đảng viên vi phạm, trong đó hơn 4.300 cán bộ, đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay đã thi hành kỷ luật hơn 500 tổ chức đảng và 35 ngàn đảng viên vi phạm, trong đó 1.300 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái; Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật 56 cán bộ, đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 11 đồng chí là Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương, khai trừ Đảng 1 đồng chí Ủy Viên Trung ương - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nhiều đồng chí là tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang. Từ năm 2013 đến nay, qua thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị thu hồi, xử lý hơn 400 ngàn tỷ đồng và 18.525 ha đất, chuyển 515 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự sang cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Thứ ba, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về kinh tế - xã hội và PCTN được đẩy mạnh, từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng”. Nhiều quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và PCTN được ban hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, đi vào cuộc sống, vừa để giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn, vừa là căn cứ để phát hiện và xử lý các sai phạm, tham nhũng. Thứ tư, công tác cán bộ; cải cách hành chính, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt những kết quả tích cực. Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều đổi mới, nhất quán, rõ ràng, chỉ đạo giải quyết được nhiều vấn đề tồn đọng trước đây trong công tác cán bộ; “không chạy chức, chạy quyền” đã trở thành tuyên ngôn mạnh mẽ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng...

Câu 19: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng để phân tích vấn đề phòng và chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay?

Trả lời:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ di sản tư tưởng của Người. Người thường xuyên đề cập đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn đảng và hình thành một hệ thống các luận điểm mang tính nhất quán. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng mang tính quy luật và là nhu cầu tồn tại, phát triển của bản thân Đảng. Chỉnh đốn, đổi mới là nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước những yêu cầu ngày càng cao của cách mạng.

1. Trong lĩnh vực tư tưởng chính trị

- Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình bằng cách đề ra đường lối, cương lĩnh, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội... trong đó đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại của Đảng. Đường lối chính trị phản ánh một cách rõ nét trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng. Để đề ra được đường lối chính trị đúng cần chú trọng việc nâng cao trình độ lý luận, gắn lý luận với thực tiễn, mở rộng và thực hành dân chủ trong Đảng, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tiễn để đề ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Vấn đề này đã và đang được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm trong các kỳ đại hội, điều đó cũng được thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI của Đảng “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (tháng 01/2016), Đảng tiếp tục nhận định tình hình suy thoái về tư tưởng chính trị có những diễn biến phức tạp. Những vấn đề đó được cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng là: Phai nhạt lý tưởng cách mạng; xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; khi có khuyết điểm thì giấu giếm, thiếu

thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng; nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; duy ý chí, áp đặt, bảo thủ; tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”, chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; tranh thủ bỏ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện...

- Hồ Chí Minh luôn yêu cầu “phải xem xét lại tất cả công tác của Đảng”, “xem xét lại những Nghị quyết đã thi hành thế nào” nhằm làm cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ngày càng đúng, sát thực tiễn, hiệu quả, phản ánh được lợi ích của dân tộc và giai cấp. Người cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần sâu sắc mục tiêu, tôn chỉ hoạt động của Đảng, từ đó mà phấn đấu thực hiện. Phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng. Ở mỗi thời kỳ cách mạng, đặc biệt là những thời điểm cách mạng chuyển giai đoạn, Hồ Chí Minh đã kịp thời mở các cuộc sinh hoạt chính trị, các cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng nhằm làm trong sạch đội ngũ đảng viên, đưa những người cơ hội chủ nghĩa, thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng để Đảng “trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”.

- Để phòng, chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một mặt, Đảng cần thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối chính sách của Đảng và phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; mặt khác, sự tu dưỡng thường xuyên lập trường, tư tưởng và phẩm chất đạo đức cách mạng của từng đảng viên là nhân tố" đảm bảo cho Đảng vững mạnh về tư tưởng chính trị. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố “đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình” và cần “Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”.

- Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Do lười học tập lý luận chính trị, không nắm chắc, hiểu sâu chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng nên cán bộ, đảng viên không thể tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện. Do không nắm được nghị quyết của Đảng nên khi tiếp xúc với quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch xuyên tạc, phủ nhận đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng không ít cán bộ, đảng viên tỏ ra lúng túng, thiếu lý lẽ để bảo vệ. Điều này Hồ Chí Minh đã nhận thấy từ rất sớm trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Người viết: “Vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, trong việc lãnh đạo, Đảng ta không khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm”. Vì vậy, “Đảng ta phải tự nâng cao mình lên nữa, mà muốn tự nâng cao mình thì phải tổ chức học tập lý luận trong toàn Đảng, trước hết là trong cán bộ cốt cán của Đảng”. Rõ ràng, học tập lý luận chính trị là một trong những yếu tố quan trọng để khắc phục những sai lầm, khuyết điểm đối với hoạt động quản lý của cán bộ, đảng viên khi triển khai các nhiệm vụ cách mạng.

2. Trong lĩnh vực đạo đức, lối sống

Trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh chú trọng nhiều đến vấn đề đạo đức. Sự suy thoái về đạo đức là biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng và cái chết về đạo đức sớm muộn cũng sẽ dẫn đến cái chết về chính trị.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về mặt đạo đức, lối sống, suy cho cùng là ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa cá nhân thâm nhập vào cơ thể của Đảng, làm suy yếu sự thống nhất từ mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng. Chủ nghĩa cá nhân là căn bệnh chính từ đó sinh ra tham ô, hối lộ, cửa quyền... Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”. Trong tác phẩm Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Người chỉ rõ: “Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh”. Do đó, Người luôn đấu

tranh không mệt mỏi để chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, một thứ “giặc nội xâm” - giặc ở trong lòng, phá hoại Đảng từ bên trong.

- Thực ra, chủ nghĩa cá nhân tấn công vào các tổ chức của Đảng không phải là hiện tượng mới, nó đã từng tấn công vào cơ thể của Đảng trong những thời kỳ khác nhau. Nhưng trong những hoàn cảnh mới như hiện nay, chủ nghĩa cá nhân càng có được những điều kiện để trở thành phổ biến. Chính vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng hàng đầu trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Điều này được thể hiện rất rõ trong các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI và XII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương 4 khóa XII đã nêu lên những biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống. Đó là: Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; mắc bệnh “thành tích”, háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, “đánh bóng” tên tuổi; thích được đề cao, ca ngợi; “chạy thành tích”, “chạy khen thưởng”, “chạy danh hiệu”; quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của nhân dân; quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên...; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc. Sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động; tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực; thao túng trong công tác cán bộ; chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Sử dụng quyền

lực được giao để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi; đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội. Soi chiếu vào những nội dung mà Hồ Chí Minh đưa ra, có thể nhận thấy những biểu hiện này đều do chủ nghĩa cá nhân mà nên.

- Đảng trong sạch trước hết và nổi bật ở vấn đề đạo đức, lối sống, tư cách của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, người đảng viên cần có tính tiên phong trong lao động, học tập, công tác và chiến đấu, luôn gương mẫu trong lời nói và việc làm; sự trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị; tinh thần “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, của Nhân dân lên trên hết, trước hết; gắn bó máu thịt với Nhân dân; luôn yêu thương con người; ít lòng ham muốn về vật chất... Người đã từng chỉ ra cái hữu hạn của sinh hoạt vật chất so với cái vô hạn của giá trị tinh thần: “Ai chẳng muốn no cơm, ấm áo. Nhưng sinh hoạt vật chất, hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt, sẽ truyền đến ngàn đời về sau”. Vì vậy, người cách mạng không nên để cho các ham muốn vật chất vô độ lôi kéo, làm cho mình sa ngã.

3. Vấn đề tổ chức Đảng và công tác cán bộ của Đảng

- Tập trung củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng là một nội dung quan trọng trong đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình hiện nay. Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng” ; “chi bộ là đồn lũy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng... là sợi dây chuyên để liên hệ Đảng với quần chúng... chi bộ mạnh tức là Đảng mạnh”. Vì chi bộ có vai trò quan trọng, cho nên muốn thực hiện tốt kế hoạch của Đảng thì phải chăm lo củng cố" chi bộ. Chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều tiến bộ không ngừng. Sức mạnh to lớn của Đảng là ở chỗ khéo kết hợp sức mạnh của chi bộ với sức mạnh của từng đảng viên.

- Trong vấn đề xây dựng Đảng, điều mà Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm là vấn đề cán bộ. Hồ Chí Minh khẳng định: “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Bởi lẽ, “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng,

của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Từ đó, Người cho rằng, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, “huấn luyện” cán bộ là việc làm rất quan trọng, quyết định sự thành, bại của cách mạng. Người cán bộ không chỉ truyền đạt, giải thích nội dung chính sách của Đảng và Nhà nước cho dân chúng mà quan trọng hơn là trong quá trình tổ chức thực hiện, cán bộ phải nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, thu nhận được những kinh nghiệm thực tiễn để phản ánh với Đảng và Nhà nước hoàn thiện đường lối, chính sách ngày càng phù hợp với đòi hỏi khách quan của cuộc sống. Trong mối quan hệ hữu cơ giữa cán bộ và đường lối chính trị, cán bộ và tổ chức, cán bộ và phong trào quần chúng thì cán bộ vừa là nhân, vừa là quả của phong trào.

- Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đã không giữ vững được bản lĩnh cách mạng, có những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ như Hội nghị Trung ương 4 khóa XII của Đảng đã chỉ rõ. Đó là: Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng; phủ nhận nền dân chủ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự”. Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước; kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi “phi chính trị hóa” quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an, nhân dân với quân đội và công an; móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm

đổi lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước; đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cổ xúy cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng; có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước. Đây không phải là lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra thuật ngữ “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, nhưng có thể thấy, đây là lần đầu tiên Đảng đã chỉ ra những biểu hiện cụ thể của “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ. Điều đó đã thể hiện được bước phát triển quan trọng trong tư duy của Đảng về công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Hiện nay, tình hình trong nước và thế giới có nhiều thay đổi biến động. Điều đó đòi hỏi mỗi người cán bộ, đảng viên phải có bản lĩnh vững vàng trước mọi tình huống phức tạp; kiên định mục tiêu xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bản lĩnh của cán bộ, đảng viên còn phải được thể hiện ở việc bảo vệ cái đúng, cái tốt, cái đẹp, chống lại cái sai, cái xấu, cái ác; “phò chính trừ tà”. Bối cảnh mới không có đất tồn tại và không dung nạp loại cán bộ “nhát gan, dễ bảo “đập đi, hò đứng””, “thấy xôi nói xôi ngọt, thấy thịt nói thịt bùi. Theo gió bẻ buồm, không có khí khái” như Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Cán bộ là nhân tố” quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng”. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên cần tự liên hệ, tự soi mình để rèn luyện, phấn đấu cũng như góp ý, giúp đỡ cho đồng chí khác và làm cơ sở để xử lý những trường hợp vi phạm, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, biết đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân; củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng. Việc chỉ ra

được những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã thể hiện một bước tiến mới trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề xây dựng Đảng; đồng thời cũng là sự kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới.

* Báo cáo tại hội nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Trương Thị Mai cho biết, từ năm 2016-2020, có 1.623 đảng viên tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực. Trong giai đoạn này, có hơn 2.200 đảng viên gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc; sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động. Cũng theo báo cáo, từ năm 2016-2020, có hơn 25.000 đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (0,5% tổng số đảng viên) bị xử lý kỷ luật. Đó là các đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống; suy thoái về tư tưởng chính trị; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Về suy thoái đạo đức, lối sống, bà Mai cho biết, trong số hơn 15.000 đảng viên bị xử lý kỷ luật, nhiều nhất là “đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín, dị đoan”, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp hoặc sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội. Về suy thoái tư tưởng chính trị, trong số gần 8.300 đảng viên bị xử lý kỷ luật, nhiều nhất là không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả.... Bên cạnh đó, 477 đảng viên nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nói không đi đôi với làm, hứa nhiều, làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu...

Câu 20: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân. Cần làm gì để xây dựng Nhà nước ta ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn lịch sử mới?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân

1.1. Nhà nước của dân

- Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực thuộc về Nhân dân. Những người trong bộ máy nhà nước dù ở cấp nào cũng đều là đầy tớ của dân, được dân cử ra một cách trực tiếp hay gián tiếp để đại biểu cho dân mà thực thi quyền lực. Người khẳng định: “Trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”. Nhà nước của dân tức là dân là chủ, có nghĩa là xác định vị thế của dân. Với nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ trong Nhà nước và có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật. Bằng thiết chế dân chủ, Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực xã hội.

- Dân là người có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước thông qua hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

+ Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó Nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hiến pháp năm 1946 nêu rõ tại Điều thứ 1: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”, những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết. Thực chất, đó chính là chế độ trưng cầu dân ý, một hình thức dân chủ trực tiếp được Hồ Chí Minh đề ra từ khá sớm ở Việt Nam.

+ Dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện) là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của Nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Trong hình thức dân chủ gián tiếp, Hồ Chí Minh quan niệm:

Thứ nhất, quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của Nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do Nhân dân ủy thác cho. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa Nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở Nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Người chỉ rõ: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là “công bộc” của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên Nhân dân, coi khinh Nhân dân, “cậy thế” với dân. Người viết: “Cậy thế mình ở trong ban này ban nọ rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân”.

Thứ hai, Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước luôn nằm trong tay Nhân dân. Dân có quyền tham gia vào công việc quản lý nhà nước, có quyền phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các đại biểu và cơ quan nhà nước. Một nhà nước thực sự của dân khi có “đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là: người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân” và “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”, thậm chí “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”.

1.2. Nhà nước do dân

- Nhà nước do dân là nhà nước do Nhân dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình để tổ chức nên các bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương thông qua chế độ tổng tuyển cử phổ thông, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Dân có quyền bầu cử, ứng cử cũng có quyền bãi miễn các cơ quan nhà nước, nội các chính phủ nếu các tổ chức đó không hoàn thành nhiệm vụ dân giao và đi ngược lại với lợi ích của dân.

- Nhà nước do dân còn có nghĩa là dân làm chủ. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”. Dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”. Dân có nghĩa vụ và trách nhiệm đóng góp trí tuệ, sức người, sức của để tổ chức, xây dựng, bảo vệ và phát triển Nhà nước.

- Nhà nước cần coi trọng việc giáo dục Nhân dân, đồng thời Nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của Nhân dân, cũng không chỉ đưa Nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà Hồ Chí Minh còn động viên Nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ. Năm 1949, trong bài Dân vận, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là một nước dân chủ... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

1.3. Nhà nước vì dân

- Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của Nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của Nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân. Mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân, việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. Hồ Chí Minh viết: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”.

- Nhà nước phải biết kết hợp, điều chỉnh lợi ích của các giai tầng, bộ phận dân cư trong xã hội, giải quyết đúng đắn, kịp thời các mối quan hệ... để bất kỳ ai cũng cảm nhận được Nhà nước là người đại diện cho lợi ích của họ. Như vậy, lòng dân chính là thước đo của một nhà nước thực sự vì dân. Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu” và “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”.

2. Xây dựng Nhà nước ta ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn lịch sử mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

- Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thật sự tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân. Quyền làm chủ thật sự của Nhân dân chính là một nội dung cơ bản trong yêu cầu xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước đòi hỏi phải chú trọng bảo đảm và phát huy quyền làm chủ thật sự của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng. Chính vì vậy, quyền làm chủ của Nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào trong cuộc sống. Cần chú ý đến việc bảo đảm cho mọi người được bình đẳng trước pháp luật, xử phạt nghiêm minh mọi hành động vi phạm pháp luật, bất kể sự vi phạm đó do tập thể hoặc cá nhân nào gây ra. Cần thực hiện tốt các Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được Chính phủ ban hành. Có như vậy dân mới tin và mới bảo đảm được tính chất nhân dân của Nhà nước.

- Cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực này đòi hỏi phải đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả đối với Nhân dân. Kiên quyết khắc phục quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng, bộ máy công kênh, kém hiệu lực, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực thực hành nhiệm vụ công chức kém cỏi. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay còn cần chú ý cải cách các thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm trong việc giải quyết các khiếu kiện của công dân theo đúng những quy định của pháp luật; tiêu chuẩn hóa cũng như sắp xếp lại đội ngũ công chức, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn lực đội ngũ công chức yếu thì không thể nói đến một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân mạnh được. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu và phải được tiến hành thường xuyên, bảo đảm chất lượng. Theo đó, hệ thống các trường trong cả nước,

nhất là các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề, đặc biệt là các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên ngành tư pháp phải được đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, gắn liền xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng tất yếu gắn liền với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đây là trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền. Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở những nội dung như: Nhà nước cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng; phát huy vai trò quản lý của Nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan nhà nước, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước, bằng công tác kiểm tra, Đảng không làm thay công việc quản lý của Nhà nước. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị trên cơ sở bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước theo luật định. Bản chất, tính chất của Nhà nước Việt Nam gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền. Do đó, sự trong sạch, vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là yếu tố quyết định cho thành công của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 21: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. Ý nghĩa của những quan điểm đó trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền

Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy được tầm quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này được thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Người ký với tên Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây năm 1919. Người đã yêu cầu thực dân Pháp thay thế chế độ ra sắc lệnh ở Đông Dương bằng chế độ ra các đạo luật, người bản xứ cũng có quyền được hưởng những bảo đảm

pháp luật như người Âu, xóa bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong Nhân dân An Nam. Để dễ phổ biến và tuyên truyền, Người đã chuyển bản Yêu sách thành Việt Nam yêu cầu ca. Trong đó có câu: “Bây xin hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

1.1. Xây dựng nhà nước hợp pháp, hợp hiến

- Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời, Hồ Chí Minh đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức của Nhà nước mới. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 03/9/1945), một trong 6 nhiệm vụ cấp bách được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra là “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” để sớm có một nhà nước hợp hiến do Nhân dân bầu ra. Ngày 20/9/1945, Người ký Sắc lệnh số’- 34/SL thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để chuẩn bị đệ trình Quốc hội. Ủy ban gồm 7 người do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban.

- Cuộc tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 06/01/1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu. Đây là lần đầu tiên ở Đông Nam Á tất cả nhân dân từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo đều đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu của mình vào Quốc hội. Ngày 02/3/1946, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Đây là Chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của Nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề nội trị và ngoại giao của nước Việt Nam mới.

1.2. Nhà nước được điều hành, quản lý bằng Hiến pháp, pháp luật

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước vững mạnh trước hết là một nhà nước thực sự đại biểu cho quyền lợi của Nhân dân, thực sự do Nhân dân lập ra, được Nhân dân ủng hộ, vun đắp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Nhân dân. Đồng thời, đó phải là một nhà nước có bộ máy hành chính mạnh, hiệu lực, được quản lý, điều

hành bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế. Trong Nhà nước dân chủ, dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi với nhau mới bảo đảm được chính quyền trở nên mạnh mẽ. Mọi quyền dân chủ của Nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

- Theo Hồ Chí Minh, một xã hội có trật tự kỷ cương, một nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải quản lý bằng pháp luật. Không quản lý nhà nước bằng pháp luật sẽ dẫn đến sơ hở, cán bộ sẽ dễ sinh lạm dụng quyền lực, vi phạm quyền dân chủ của Nhân dân, cũng như công dân dễ có hành vi xâm phạm tự do của người khác, của cộng đồng và xã hội, dẫn đến hỗn loạn, vô chính phủ. Chính vì vậy, khi chưa xây dựng Hiến pháp mới và hình thành hệ thống pháp luật mới, Người đề nghị vận dụng những điều luật cũ còn tương đối phù hợp với tình hình mới, trừ bỏ những điều vi phạm hoặc trái với chủ quyền của Nhân dân. Sau này, khi Nhà nước ra đời, Hồ Chí Minh là người có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp. Ở cương vị Chủ tịch nước, Người đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật.

- Hồ Chí Minh còn hết sức chăm lo hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Nhà nước, đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo ra cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành và kiểm tra giám sát việc thi hành đó. Người nói: “công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt”. Muốn pháp luật đi vào cuộc sống thì phải tăng cường tuyên truyền giáo dục nhận thức cho người dân, Hồ Chí Minh coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị, khuyến khích Nhân dân tham gia vào các công việc của Nhà nước. Người cũng luôn nêu gương trong việc khuyến khích Nhân dân phê bình, giám sát công việc của Chính phủ, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp.

1.3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh không chỉ chú trọng xây dựng mà còn thực hiện nghiêm minh Hiến pháp và pháp luật. Trong thi hành pháp luật, cái khó nhất là phải bảo đảm được tính khách quan, công bằng, bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Người chỉ rõ: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”. Ngày 27/11/1945, Người ký sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt từ 5 đến 20 năm khổ sai và phải nộp gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26/01/1946, Người ký “quốc lệnh” khép tội tham ô, trộm cắp của công vào tội tử hình. Tuy nhiên, không vì thế mà đề cao một chiều vai trò của pháp luật, coi pháp luật là tối thượng, bỏ qua vai trò hỗ trợ của các nhân tố khác trong đó có vấn đề giáo dục đạo đức. Đạo đức và pháp luật có mối quan hệ khăng khít với nhau. Pháp luật bao giờ cũng là một biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức nào đó và biến nó thành thói quen. Chuẩn mực đạo đức càng đúng đắn bao nhiêu thì vai trò của pháp luật càng quan trọng bấy nhiêu. Chỉ có đức nhân không đủ cai trị, chỉ có pháp luật cũng không thể thi hành.

- Hồ Chí Minh là một nhà chính trị đạo đức. Đạo đức và chính trị cao nhất của Người là phục vụ Nhân dân. Người luôn kêu gọi thực hành đạo đức, nặng về giáo dục, nhẹ về xử phạt. Đối với kẻ phạm tội như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, Người yêu cầu Nhà nước phải vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lương thiện. Theo Người, trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra, không ai cố ý mắc sai lầm. Sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy, đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên cho rằng họ muốn như thế mà công kích họ. Trái lại, ta phải dùng thái độ thân thiết, giúp họ tìm ra cái có vì sao mà sai lầm? Sai lầm như thế, sẽ có hại đến công việc thế nào? Làm thế nào mà sửa chữa? Nhấn mạnh giáo dục nhưng không quên kỷ luật, Hồ Chí Minh viết: “Sửa chữa sai lầm, cố” nhiên cần dùng cách giải thích thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng”.

-> Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu trong mọi quy định của pháp

luật. Nói cách khác, pháp luật trong nhà nước pháp quyền là nhân nghĩa, là pháp luật vì con người.

2. Ý nghĩa của những quan điểm đó trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay

- Trước đổi mới: Đảng Cộng sản Việt Nam chưa dùng khái niệm “nhà nước pháp quyền”, mà dùng khái niệm kiểu nhà nước, nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tư tưởng về nhà nước pháp quyền vẫn được thể hiện. Đó là, nhà nước - công cụ thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

- Từ đổi mới đến nay:

+ Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (năm 1994), Đảng chính thức dùng khái niệm “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”. Qua các kỳ đại hội, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng tiếp tục khẳng định các quan điểm về xây dựng “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Đây là một bước tiến dài trên con đường nhận thức về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tất yếu, do yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, giao lưu, hội nhập kinh tế. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một hình thức, tổ chức nhà nước, một trình độ phát triển của nhà nước về phương diện tổ chức, thiết kế, hoạt động - cách thức, hình thức, kỹ thuật tổ chức bộ máy nhà nước để bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật giữ vị trí tối thượng. Do vậy, nhà nước pháp quyền không xóa nhòa bản chất dân chủ của nhà nước.

+ Quan niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng là kết quả của một quá trình kế thừa và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn. Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Nhà nước công nông đầu tiên ở châu Á. Người lãnh đạo việc xây dựng nhà nước và hệ thống pháp luật đã có một hệ quan điểm rõ ràng, nhất quán và sáng tạo về nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nhà nước pháp quyền là Nhà nước xuất phát từ yêu cầu của một nền dân chủ triệt để, đề cao nhân dân, thực hiện dân chủ thực sự. Nhà nước pháp quyền là nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Nhà nước là công cụ phát huy quyền làm chủ

của nhân dân, bảo vệ và phát triển quyền con người. Quyền con người không chỉ là quyền của cá nhân mà còn là quyền của dân tộc, độc lập dân tộc, giải phóng con người. Đó là tư tưởng rõ nét và phong phú về Nhà nước pháp quyền của Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt và phát huy trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: “Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị... Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật”. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Chỉ trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV vừa qua, Quốc hội đã xem xét và thông qua 72 dự án luật và 18 nghị quyết có quy phạm pháp luật, bao quát hầu khắp các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Từ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế nhà nước, về công chức, công vụ, về bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa và quốc phòng - an ninh đều có bước nâng lên về chất lượng làm cho hệ thống pháp luật của nước ta ngày càng đồng bộ, khả thi, chứa đựng nhiều giá trị trong nước cũng như của nhân loại. Cùng với việc hoàn thiện pháp luật, việc tổ chức thi hành pháp luật cũng được coi trọng. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường; ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên một bước....

Bên cạnh đó, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện. Vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Theo Hiến pháp năm 2013 thì giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, nhưng mới chỉ coi trọng kiểm soát của quyền lập pháp đối với hành pháp và tư pháp thông qua giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ

quan của Quốc hội. Cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong mỗi quyền chưa độc lập và đủ mạnh. Cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp hoạt động chưa thực chất, còn có biểu hiện hình thức. Hệ thống pháp luật còn có những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội mà thực tiễn đòi hỏi. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước.

Câu 22: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Để xây dựng Nhà nước ta hiện nay cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh

1.1. Kiểm soát quyền lực nhà nước

- Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước. Các cơ quan, cán bộ nhà nước dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do Nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm quyền lực, cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu. Người viết: “Dân ghét các ông chủ tịch, các ông Ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”. Vì thế, để đảm bảo mọi quyền lực thuộc về Nhân dân cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước, trước hết cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản. Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì vậy Đảng cũng có quyền và trách nhiệm kiểm soát quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường

công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”. Để kiểm soát có kết quả tốt theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người kiểm soát phải là người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên, đặc biệt là phải “khéo kiểm soát”.

- Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Người là Trưởng ban soạn thảo có ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ. Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ” (Điều 36), “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức” (Điều 54)... -> Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Vì thế, Nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của Nhân dân. Nếu không có Nhân dân giúp sức thì Đảng khó có thể hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Vì vậy, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”.

1.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài

Nhà nước trong sạch, vững mạnh hay không một phần là do cán bộ, công chức nhà nước. Vì vậy, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thấy phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ, viên chức, công chức nhà nước có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Theo Người, cán bộ, công chức nhà nước cần có đầy đủ các phẩm chất: Tuyệt đối trung thành với cách mạng. Đây là yêu cầu đầu tiên của cán bộ, công chức. Họ phải là những người kiên cường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước. Lòng trung thành đó phải được thể hiện hằng ngày, hằng giờ trong mọi lĩnh vực công tác. Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Cán bộ, công chức phải là người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm nhất

là trong những tình huống khó khăn “thắng không kiêu, bại không nản”. Đó là những người có ý thức sẵn sàng làm đầy tớ cho dân. Phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

1.3. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

- Đặc quyền đặc lợi: Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là những người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vợ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu là giặc nội xâm, giặc ở trong lòng, nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Hồ Chí Minh cho rằng: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”.

- Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt và chính bản thân Người làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống hằng ngày như lãng phí thời gian, sức lao động, tiền của.

- Quan liêu có ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc với thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi với quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét hết mọi mặt, không đi sâu vào vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không biết giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho bệnh tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo: Đây là những hành động gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tê kéo bè, kéo cánh. Người không có tài năng gì cũng kéo vào chức này, chức nọ. Người có tài, đức mà không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hòa thuận với nhau, còn “bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài ra, có người còn kiêu ngạo “tưởng mình ở trong cơ quan Chính

phủ là thần thánh rồi... cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng” làm mất uy tín của Nhà nước.

2. Những vấn đề cần chú ý trong xây dựng Nhà nước hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Bên cạnh thành tựu, xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam còn hạn chế: Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện. Vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Theo Hiến pháp năm 2013 thì giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, nhưng mới chỉ coi trọng kiểm soát của quyền lập pháp đối với hành pháp và tư pháp thông qua giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ quan của Quốc hội. Cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong mỗi quyền chưa độc lập và đủ mạnh. Cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp hoạt động chưa thực chất, còn có biểu hiện hình thức. Hệ thống pháp luật còn có những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội mà thực tiễn đòi hỏi. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở một số nơi chưa được đổi mới một cách mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Để khắc phục hạn chế:

- Để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh cần đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, để Nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước.

- Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của các quyền nêu trên. Đồng thời, quy

định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát quyền lực ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước.

- Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Hoàn thiện tiêu chí về đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài.

- Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền. Do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 23: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng của đại đoàn kết dân tộc. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng của đại đoàn kết dân tộc

1.1. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Nói tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào trong cuộc đấu tranh chung. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh thì dân là toàn thể “mọi con dân nước Việt”, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện. Dân là gốc rễ, nền tảng của nước, là chủ thể của khối đại đoàn kết, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Dân là một khối không đồng nhất, gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, nhiều dân tộc, có lợi ích chung và riêng khác nhau. Bởi vậy, muốn xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc phải xác định rõ vị trí của các giai tầng trong xã hội.

- Hồ Chí Minh đã tìm ra mẫu số chung để gắn kết các giai tầng trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là ý thức về cộng đồng dân tộc, về nền độc lập, tự do của dân tộc. Người nêu rõ: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Người đã lấy hình tượng 5 ngón tay có ngón dài, ngón ngắn nhưng ngắn dài đều hợp lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác nhưng đều dòng dõi tổ tiên ta cả. Tuy nhiên, tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh có lập trường giai cấp rõ ràng. Đó là đại đoàn kết toàn dân với nòng cốt là liên minh công - nông do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Vì họ là lực lượng đông đảo nhất, bị áp bức bóc lột nhất cho nên họ đấu tranh cách mạng triệt để nhất. Người coi liên minh này như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Người viết: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”. Sau này, Người cho rằng lực lượng nòng cốt của khối đại đoàn kết ấy chính là liên minh công - nông - trí thức.

- Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của tinh thần yêu nước và sự đoàn kết của Nhân dân, Hồ Chí Minh viết: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi... Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập...”

Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta sẽ đuổi sạch thực dân Pháp ra khỏi đất nước ta, và lấy lại thống nhất và độc lập thật sự”.

- Phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào Nhân dân, tin vào con người. Lòng khoan dung độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối và phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc, từ chính mục tiêu của cách mạng mà Người suốt đời theo đuổi. Người kêu gọi tất cả những ai có lòng yêu nước, không phân biệt tầng lớp, tín ngưỡng, chính kiến và trước đây đã từng đứng vào phe nào, hãy cùng nhau đoàn kết vì nước, vì dân. Người viết: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”. Muốn đoàn kết trước hết phải hiểu dân, tin dân, dựa vào dân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, cần xóa bỏ mọi thành kiến, phải thật thà đoàn kết, đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Vì, dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng. Nguyên tắc này vừa tiếp nối truyền thống của dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân”, vừa là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Đại đoàn kết dân tộc luôn được Đảng coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Đảng luôn nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chủ trương xóa bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, hận thù trong quá khứ; tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng, mọi người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, lấy liên minh công nhân với nông dân và trí thức làm nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc. Khuyến khích các thành phần kinh tế, xác lập quyền làm chủ của người lao động trong lĩnh vực kinh tế, khuyến khích làm giàu chính đáng theo pháp luật, đồng thời thực hiện tốt các chính sách “đền ơn đáp nghĩa”, “xóa đói, giảm nghèo”.

- Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số " 07-NQ/TW về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996) và lần thứ X (tháng 4/2006) của Đảng đã nâng vấn đề đại đoàn kết dân tộc lên một tầm cao mới nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên tinh thần đó, ngày 08/5/2009, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 35-CT/TW về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam và yêu cầu các cấp ủy Đảng từ trung ương đến địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị quan trọng này. Do đó, Đại hội toàn quốc được tiến hành vào trung tuần tháng 5/2010 nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một biểu hiện rất rõ của việc vận dụng sáng tạo tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã nhấn mạnh: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới” và “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta”. Đại hội XIII khẳng định để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần “Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng chính quyền Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên cán bộ, công chức”. Quan điểm chỉ đạo của Đảng nhằm làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền vững, không ngừng mở rộng và phát huy được tới đa sức mạnh. Nghị quyết còn chỉ rõ “Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hòa các quan hệ; lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Đồng thời, phát huy vai trò chủ thể và xây dựng các giai tầng trong xã hội vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, từ giai cấp công nhân đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp,

xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới và phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc.... Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta xác định đây là một trong những công tác cơ bản được tiến hành thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình vận động cách mạng, trở thành một truyền thống tốt đẹp của Đảng và dân tộc.

Câu 24: Cần bảo đảm những nguyên tắc và phương pháp nào trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Trả lời:

1. Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

* Đại đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích của nhân dân lao động và quyền thiêng liêng của con người.

- Trong mỗi quốc gia dân tộc bao giờ cũng tồn tại những tầng lớp, giai cấp khác nhau. Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp lại có lợi ích khác nhau nhưng tất cả các lợi ích khác nhau đó đều có một điểm chung là lợi ích dân tộc. Quyền lợi của các tầng lớp, giai cấp có thực hiện được hay không còn phụ thuộc vào dân tộc đó có được độc lập tự do, có đoàn kết hay không và việc nhận thức, giải quyết đúng đắn các quan hệ lợi ích đó như thế nào. Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thu hẹp đến mức thấp nhất những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn và Người bao giờ cũng tìm ra những yếu tố của đoàn kết dân tộc thay cho sự đào sâu tách biệt, thực hiện sự quy tụ thay cho việc loại trừ những yếu tố khác nhau về lợi ích.

- Theo Hồ Chí Minh, lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, là bình đẳng, dân chủ, tự do. Lợi ích tối cao này là ngọn cờ đoàn kết, là sức mạnh dân tộc và là nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là nguyên tắc bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh giúp Người tìm ra những phương pháp để thực hiện nguyên tắc đó trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của mình.

+ Tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của dân. Đây là nguyên tắc xuất phát từ tư tưởng lấy dân làm gốc của ông cha ta được Người kế thừa và nâng lên một bước trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì dân là nguyên tắc tối cao, xuyên suốt trong tư duy chiến lược và hoạt động thực tiễn. Người viết: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” và “Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Tin vào dân, dựa vào dân và lấy dân làm gốc có nghĩa là phải tin tưởng vững chắc vào sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo của Nhân dân, phải đánh giá đúng vai trò của lực lượng nhân dân. Người viết: “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”.

+ Đại đoàn kết một cách tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo; đại đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững trên cơ sở liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Theo Hồ Chí Minh, có đoàn kết mới tạo nên sức mạnh của cách mạng. Muốn đoàn kết và lãnh đạo cách mạng, điều kiện tiên quyết là phải có một Đảng cách mạng với tính cách là bộ tham mưu, là hạt nhân để tập hợp quần chúng trong nước và tổ chức, giữ mối liên hệ với bè bạn ở ngoài nước. Đảng cách mạng muốn thống nhất về chính trị và tư tưởng thì phải giữ vững bản chất của giai cấp công nhân, phải được vũ trang bằng chủ nghĩa chân chính, khoa học và cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đại đoàn kết một cách tự giác là một tập hợp bền vững của các lực lượng xã hội có định hướng, tổ chức và có lãnh đạo. Đây là sự khác biệt mang tính nguyên tắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến lược đại đoàn kết dân tộc với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và một số" lãnh tụ cách mạng trong khu vực và trên thế giới.

+ Đại đoàn kết chân thành, thân ái, thẳng thắn theo nguyên tắc tự phê bình, phê bình vì sự thống nhất bền vững. Giữa các bộ phận của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng còn có những điểm khác nhau cần phải giải quyết theo con đường đối thoại, bàn bạc để đi đến sự nhất trí; bên cạnh những nhân tố tích

cực vẫn có những tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, một mặt Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”; mặt khác, Người nêu rõ: “Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”.

+ Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân. Ngay khi thành người cộng sản, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và chỉ có thể giành được thắng lợi hoàn toàn khi có sự đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Trong quá trình cách mạng, tư tưởng của Người về vấn đề đoàn kết với cách mạng thế giới càng được làm sáng tỏ hơn và đầy đủ hơn. Cách mạng Việt Nam phải gắn với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng tiến bộ đấu tranh cho dân chủ và hòa bình thế giới. Cụ thể hơn là với nhân dân Pháp, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa khác với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

-> Tư tưởng Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành ba tầng Mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào và mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đây là sự phát triển rực rỡ và là thắng lợi to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

2. Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

- Muốn xây dựng khối đại đoàn kết phải có phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng thật sự khoa học để mọi người tự mình nhận thức được sự cần thiết phải tập hợp lại, từ đó tham gia công việc cách mạng.

+ Xác định nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với tâm lý, nguyện vọng chung nhất của dân tộc và của các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tùy theo hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh đã đưa vào cương lĩnh cách mạng những mục tiêu chiến lược phản ánh chính xác những đòi hỏi cấp bách của lịch sử và những khát vọng cháy bỏng của Nhân dân. Trong những năm tháng

chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, mục tiêu chiến lược và cũng là nội dung tuyên truyền, giáo dục, khẩu hiệu hành động của Hồ Chí Minh là “độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng”; trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Người nhấn mạnh “dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Người nêu cao mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”; thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người nói “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đó chính là những nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động đi sâu vào lòng người, có sức lôi cuốn, tập hợp lực lượng theo đúng nội dung của từng thời kỳ cách mạng.

+ Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương mẫu mực trong việc sử dụng hiệu quả các hình thức tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng. Cách nói, cách viết của Người ngắn gọn, dễ hiểu, vừa trí thức, vừa bình dân; vừa sâu sắc, vừa giản dị. Nội dung tuyên truyền, vận động của Người luôn sâu sát và phù hợp với đối tượng cần tuyên truyền, vận động. Những vấn đề lớn của cách mạng, của chủ nghĩa Mác - Lênin, của dân tộc và của thời đại đã được Người trình bày bằng ngôn ngữ thông thường rất gần gũi với người lao động, với mọi người dân Việt Nam để ai cũng hiểu được, hiểu được thì nhớ được, nhớ được thì làm được.

+ Hiệu quả của phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động còn tùy thuộc vào bản thân người tiến hành công tác tuyên truyền, vận động. Muốn quần chúng tin và làm theo thì bản thân người tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động phải là một tấm gương đoàn kết trong lời nói và việc làm, có sức lôi cuốn thu phục quần chúng bởi tình cảm trong sáng và tinh thần tận tụy vì nước, vì dân. Những đức tính ấy của người cán bộ cách mạng đều được thể hiện trong công tác vận động, giáo dục quần chúng, trong việc chăm lo bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng có đủ năng lực, phẩm chất làm hạt nhân đoàn kết quần chúng nhân dân của Hồ Chí Minh.

- Về phương pháp tổ chức. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị là vấn đề quan trọng nhất trong phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Bởi muốn xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc thì phải có phương pháp xây dựng, kiện toàn, không ngừng phát triển hệ thống chính trị. Sự thống nhất và bền vững của hệ

thống chính trị là yếu tố quyết định sự tồn tại và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

+ Về xây dựng Đảng Cộng sản: Đây là hạt nhân lãnh đạo, là linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng Cộng sản phải được xây dựng trên nguyên tắc đảng vô sản kiểu mới, phải luôn trong sạch và vững mạnh để đủ sức tập hợp đại đoàn kết và lãnh đạo cách mạng.

+ Về xây dựng chính quyền cách mạng: Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, củng cố Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước phải luôn trung thành, tận tụy phục vụ nhân dân. Chỉ có như vậy, Nhà nước mới thực sự là công cụ của Đảng, là tổ chức đại diện cho quyền lực của Nhân dân, mới được Nhân dân tin tưởng và ủng hộ.

+ Về xây dựng, hoàn thiện các tổ chức chính trị, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội: Tổ chức rộng rãi nhất, liên quan trực tiếp đến việc tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc là các đoàn thể quần chúng. Chính các đoàn thể quần chúng này tập hợp nhau lại thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận càng rộng, càng chặt chẽ, càng thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các tổ chức, đoàn thể cần phải được xây dựng cho phù hợp với yêu cầu và trình độ nhận thức của quần chúng. Trước hết, đó là sự kế thừa các tổ chức xã hội truyền thống, tiến dần đến các tổ chức cách mạng đơn giản, tiến tới các tổ chức hướng quần chúng vào công cuộc cứu nước. Hình thức tổ chức các đoàn thể quần chúng hết sức đa dạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề (các hội: Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc...) trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ là một điển hình của phương pháp tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh. Cương lĩnh, chương trình hành động của các đoàn thể quần chúng phải hết sức rõ ràng, thiết thực. Nội dung hoạt động phải phong phú, phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của dân chúng. Cán bộ của các tổ chức chính trị, của đoàn thể cần “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc”.

- Phương pháp xử lý đồng bộ các mối quan hệ nhằm thực hiện thêm bạn, bớt thù. Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là sự kết hợp đồng bộ, hiệu quả các giải

pháp ứng xử sao cho có thể mở rộng đến mức cao nhất trận tuyến cách mạng và thu hẹp tới mức tối đa trận tuyến thù địch. Đó là phương pháp xử lý mối quan hệ: cách mạng - trung gian - phản cách mạng. Phương pháp này bao hàm sự kết hợp giữa chiến lược và sách lược, sự cứng rắn về nguyên tắc và sự mềm dẻo, linh hoạt trong các giải pháp, biện pháp tình thế tùy theo tình hình của từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Phương pháp xử lý các mối quan hệ theo phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh đặc biệt quan trọng trong hoàn cảnh Việt Nam thường xuyên phải đối đầu với các thế lực thù địch mạnh hơn ta gấp nhiều lần trên lĩnh vực kinh tế và quân sự. Người chủ trương khai thác, phát huy sự thống nhất, tương đồng, hạn chế khắc phục tiến tới xóa bỏ dần những khác biệt trong mục tiêu lợi ích. Sự đoàn kết, thống nhất của lực lượng cách mạng chính là điều kiện tiên quyết của việc thu hút, tập hợp các lực lượng trung gian vào trận tuyến cách mạng, cô lập các lực lượng thù địch.

+ Đối với các lực lượng trung gian, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là xóa bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, kêu gọi, cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, chân thành hợp tác và trọng dụng “điều cần thiết nhất cho chúng ta là đoàn kết..., cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân”.

+ Đối với các thế lực thù địch, phương pháp Hồ Chí Minh là chủ động, kiên quyết tiến công tiêu diệt trên cơ sở phân hóa, cô lập chúng đến mức cao độ. Khai thác mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, lôi kéo, tranh thủ những lực lượng nào còn có thể tranh thủ được, hòa hoãn tạm thời với những lực lượng nào còn có thể hòa hoãn được, cô lập và thu hẹp lực lượng thù địch trực tiếp nhất, nguy hiểm nhất đối với cách mạng.

+ Đối với các thế lực thù địch ngoan cố, phản động nhất, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là phương pháp cách mạng triệt để: không ngừng tấn công, tiêu diệt và phải quét sạch chúng ra khỏi đất nước.

-> Tóm lại, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh yêu cầu nhận thức và giải quyết một cách khoa học, hiệu quả các mối quan hệ phức tạp và đôi khi đối lập giữa giai cấp với dân tộc, giữa quốc gia và quốc tế, giữa truyền thống và hiện đại. Chính nhờ sự biện chứng trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc, chính nhờ “nắm bắt được

cái hồn của nhận thức đấu tranh giai cấp” mà Hồ Chí Minh “đã hóa giải khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định phục vụ tập trung cao nhất cho quyền lợi toàn cục”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trong đại của Đảng, đất nước và dân tộc ta, đại hội diễn ra trong bối cảnh “Đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết”. Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIII đúc kết là “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”;... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, một trong các bài học đó là phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, bài học này cần được phát huy cao độ nhằm kết hợp nội lực với tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Nghị quyết Đại hội XIII đã kế thừa và phát triển quan điểm của Đảng được khẳng định từ các Đại hội trước về vị trí, vai trò và nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định vị trí quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực và nguồn lực quan trọng và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 25: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

1. Thời cơ, thách thức và những đòi hỏi từ thực tiễn

- Hiện nay, hơn bao giờ hết phải quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Qua hơn 30 năm thực hiện

công cuộc đổi mới, với nhiều chủ trương lớn của Đảng, chính sách của Nhà nước, khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị của đất nước. Các hình thức tập hợp Nhân dân đa dạng hơn và có bước phát triển mới, dân chủ xã hội được phát huy; bước đầu đã hình thành không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội. Có thể khẳng định chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng đã thực sự là một bộ phận của đường lối đổi mới và góp phần to lớn vào những thành quả của đất nước. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân đang đứng trước những thách thức mới. Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, tâm trạng của Nhân dân có những diễn biến phức tạp, lo lắng về sự phân hóa giàu nghèo, về việc làm và đời sống. Nhân dân bất bình trước những bất công xã hội, trước tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, v.v..

- Sở dĩ có những khuyết điểm, yếu kém trên là do Đảng chưa kịp thời phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi về cơ cấu giai cấp - xã hội trong quá trình đổi mới đất nước và những mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ Nhân dân để kịp thời có chủ trương, chính sách phù hợp; có tổ chức đảng, chính quyền còn coi thường dân, coi nhẹ công tác dân vận - mặt trận; ở không ít nơi còn tư tưởng định kiến, hẹp hòi làm cản trở cho việc thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất... không thực hiện được vai trò tiên phong gương mẫu. Mặt khác, các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đại đoàn kết của Nhân dân, luôn kích động cái gọi là “dân chủ, nhân quyền”, kích động vấn đề dân tộc, tôn giáo hòng ly gián, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

- Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay là: phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: Đảng phải luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, Việt Nam tiếp tục đoàn kết và giúp đỡ, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng trào lưu tiến bộ của thời đại vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; giữ vững nguyên tắc độc

lập dân tộc, tự chủ tự cường, chủ trương phát huy sức mạnh dân tộc... trên cơ sở đó tranh thủ sự đồng tình ủng hộ từ lực lượng bên ngoài, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu mỗi thời kỳ.

2. Những vấn đề cần chú ý trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc giai đoạn hiện nay

- Một là, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong chủ trương, đường lối của Đảng. Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, đặt lợi ích dân tộc làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TW về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996) vấn đề đại đoàn kết dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI tiếp tục bổ sung, nhấn mạnh hơn vai trò, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Để phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia, dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Hai là, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Trong thời gian qua, nhìn chung, khối đại

đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, trong khi sự nghiệp đổi mới đang có yêu cầu cao về tập hợp sức mạnh của Nhân dân thì việc tập hợp Nhân dân vào Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số... Trong công cuộc đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tính chất là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn nhất, nơi thể hiện ý chí và nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân, nơi hiệp thương và thống nhất hành động của các thành viên, đã phối hợp với chính quyền giải quyết ngày càng có hiệu quả những vấn đề bức xúc của Nhân dân, thực hiện dân chủ, đổi mới xã hội, chăm lo lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia ngày càng thiết thực vào việc xây dựng, giám sát, bảo vệ Đảng và chính quyền; chủ động góp phần cùng Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn thiện một số chính sách chung để sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo, hoạt động trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau, trong các thành phần kinh tế khác nhau. Yêu cầu về trình độ nghề nghiệp ngày càng cao, nhất là trong điều kiện công nghệ ngày càng hiện đại, tin học hóa và tự động hóa ngày càng nhiều. Nếu có chính sách phù hợp thì người công nhân sẽ có những sáng kiến, sáng tạo lớn. Có thể nói sản xuất hiện đại vẫn đòi hỏi và rèn luyện người công nhân những phẩm chất ưu việt của riêng người công nhân. Đó là tính kỷ luật, chính xác, tính tập thể, là ý thức chính trị tốt. Đó cũng là những phẩm chất mà người cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cần có. Vì vậy hiện nay, chú ý phát triển đội ngũ cán bộ xuất thân từ giai cấp công nhân vẫn là một hướng đi đúng cần quan tâm. Cùng với đó là một đội ngũ trí thức khá lớn. Họ có mặt trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học công nghệ, văn hóa nghệ thuật. Họ có mối liên hệ khá gần gũi với các giai cấp và tầng lớp khác, với quần chúng lao động. Họ có thể hiểu

rõ tâm tư nguyện vọng, những giá trị của quần chúng lao động. Rất nhiều người trong số đó có khả năng lãnh đạo, quản lý.

Ba là, kết hợp chặt chẽ đại đoàn kết toàn dân tộc với đoàn kết quốc tế. Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay có nhiều biến chuyển sâu sắc, đặt ra những điều kiện mới, đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp như: Làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn với tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia vào những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế; phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và thời đại.

* Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định mục tiêu của cách mạng nước ta là “Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Mục tiêu đó cũng chính là đích đến, là điểm hội tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự đồng nhất giữa mục tiêu cách mạng của Đảng với mục tiêu của khối đại đoàn kết toàn dân tộc cho thấy, Đảng luôn thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời luôn tin tưởng vào ý chí cách mạng của nhân dân, vào sức mạnh của nhân dân, vào sự hòa quyện giữa ý Đảng với lòng dân. Xác lập rõ các thành tố của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan điểm của Đại hội XIII thể hiện rõ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay được cấu thành bởi mọi người dân Việt Nam trong tất cả các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp, bộ phận xã hội khác nhau. Mỗi giai cấp, tầng lớp, mỗi bộ phận xã hội đều đóng góp một vai trò nhất định trong việc tạo nên sức mạnh chung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đều được Đảng ta trân trọng và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp

tục phát triển quan điểm của Đại hội XII, Đại hội XIII khẳng định tầm quan trọng không thể thay thế của tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội nhưng không xác định vai trò “nền tảng” của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đối với bất kỳ giai cấp, tầng lớp nào. Điều đó không làm giảm đi sự vững chắc, sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không ảnh hưởng đến định hướng, mục tiêu của việc xây dựng khối đại đoàn kết, mà ngược lại còn làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền chắc, không ngừng mở rộng và phát huy được tối đa sức mạnh.

Câu 26: Trình bày sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trả lời:

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

- Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, và sức mạnh quốc tế, trong đó đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội. Trước đây, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm. Hiện nay, sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

- Trong các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, vấn đề đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế luôn được coi trọng để bổ sung và hoàn thiện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XII của Đảng đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không

trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết dân tộc. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta chỉ rõ: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỉ cương xã hội”.

Cùng với việc phát huy tối đa sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, qua 35 năm đổi mới, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong việc hoạch định chủ trương, đường lối. Từ tuyên bố “muốn là bạn” tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, đến Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Đại hội XIII của Đảng khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác...

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

- Lịch sử đã chứng minh rằng, Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì liên minh công - nông - trí càng mạnh, sự lãnh đạo của Đảng càng vững. Đồng thời, khối liên minh này càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng được mở rộng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”.

- Để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau: Một là, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước và tiếp tục thể chế hoá các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. Ba là, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội. Bốn là, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Năm là, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Những biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc của tình hình quốc tế và trong nước đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp:

Một là, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Ba là, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

-> Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế trong đường lối đối ngoại hiện nay

Qua hơn 35 năm đổi mới, kế thừa, vận dụng và sáng tạo truyền thống đối ngoại vẻ vang của dân tộc, nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, thực thi chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Hơn 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và tư tưởng tiến bộ của thời đại, chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”, “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”,... thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam”. Chính vì vậy, để vận dụng tư tưởng đoàn kết, hợp tác quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạch định, thực hiện đường lối đối ngoại với nhiều thời cơ thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, cần thực hiện tốt một số nội dung sau: Một là, đẩy mạnh vận dụng, phát triển và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế trong quá trình hoạch định, thực hiện đường lối đối ngoại hiện nay. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế là quá trình thực hành các quan điểm có chọn lọc và sáng tạo. Theo đó, công tác hoạch định, thực hiện đường lối đối ngoại hiện nay cần chọn lọc những nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn để thực hành một cách sáng tạo, trên cơ sở kết hợp những chỉ dẫn, nguyên tắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh với điều kiện, đặc điểm và môi trường vận dụng. Có như vậy mới mang lại hiệu quả thiết thực, tránh rơi vào vận dụng hình

thức, máy móc, rập khuôn, thiếu hiệu quả. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế cùng các quan điểm về đối ngoại có giá trị lịch sử sâu sắc, mang ý nghĩa thời đại, nhưng không phải là bất biến, cố định, mà cần phải được bổ sung những yếu tố phù hợp với sự vận động, phát triển không ngừng của thực tiễn. Có như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh mới có sức sống mạnh mẽ, dẫn dắt, soi đường cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Nhất là khi “chúng ta phải nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần chủ động tiến công, dám vượt ra khỏi khuôn khổ những tư duy cũ, những lĩnh vực quen thuộc để có suy nghĩ và hành động vượt tầm quốc gia, đạt tới tầm khu vực và quốc tế. Chúng ta cần xây dựng vị thế và tâm thế mới của Việt Nam trong ứng xử và xử lý mối quan hệ với các nước, song phương cũng như đa phương”.

Để vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế đạt kết quả, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân cần nhận thức rõ thế nào là “vận dụng”, thế nào là “phát triển”; đồng thời, cần nắm vững đối tượng để “vận dụng” và “phát triển”. Vấn đề đặt ra đối với sự “vận dụng” là phải đúng đắn, sáng tạo; “phát triển” cần bảo đảm tính kế thừa, đúng hướng. Phát triển là cập nhật nội dung mới, nâng tầm nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế, góp phần nâng cao giá trị của tư tưởng, lý luận.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền và làm phong phú các nội dung nhằm mang lại hiệu quả thiết thực trên không gian rộng hơn. Tuy nhiên, trong quá trình tuyên truyền, cần chú ý đến hiệu quả, tránh chạy theo số lượng, hình thức; nội dung tuyên truyền cần phù hợp với từng đối tượng trong xã hội, trong đó đặc biệt chú ý đến thế hệ trẻ, như thanh, thiếu niên, sinh viên.

Hai là, quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế ở nước ta hiện nay phải thống nhất hai mặt của mối quan hệ biện chứng: vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng; tăng cường hợp tác, tiếp tục tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước,

để ngăn ngừa xung đột, tránh đối đầu, bị cô lập, phụ thuộc. Trong đó, mục tiêu bao trùm là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chính đáng của đất nước phù hợp với luật pháp quốc tế. Một trong những yêu cầu then chốt nhằm bảo đảm môi trường hòa bình là phải luôn kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt, khôn khéo, xử lý đúng đắn các mối quan hệ đối ngoại, trong đó có vấn đề chủ quyền, lãnh thổ. Đây là “nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị, trong đó ngành ngoại giao là những người đi đầu”. Như một tất yếu khách quan, để tranh thủ và tận dụng tối đa cơ hội, kiểm soát và hóa giải các thách thức, ứng phó tốt với những chuyển biến bên ngoài, cần ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sự nghiệp làm nên bởi chữ Đồng. Theo đó, cần chú trọng đề cao việc xây dựng và giữ gìn đoàn kết và đồng thuận trong nước. Với mục tiêu lớn nhất, cao nhất là phải kiên quyết bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, “tất cả mọi người đều phải vì nước, vì dân”. Có như vậy, trong triển khai công tác đối ngoại mới có thể vận dụng và sáng tạo một cách hiệu quả nhất tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, hợp tác quốc tế, “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”; thực hiện phương châm “đĩ bất biến ứng vạn biến”. Điểm mấu chốt là giữ “trái tim nóng, cái đầu lạnh” và “kiên quyết, kiên trì” để xử trí các thách thức đối ngoại, tranh thủ điểm “tương đồng” về lợi ích để thúc đẩy hợp tác và phát triển trên cơ sở bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và tôn trọng luật pháp quốc tế.

Ba là, mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là trong các lĩnh vực hợp tác về kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng, an ninh với các nước trên thế giới. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”, từ một nền kinh tế lạc hậu, xếp hạng cuối trong số các quốc gia Đông Nam Á, Việt Nam đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở mức hơn 340 tỷ USD (năm 2020). Giá trị thương hiệu quốc gia hiện đứng ở vị trí thứ 33 trong топ 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới, chỉ số ảnh hưởng ngoại giao đứng thứ 9/26 ở khu vực châu Á và đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á(17). Nhằm tiếp tục nâng cao vị

thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, cần mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là hợp tác trên các lĩnh vực, như kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng, an ninh với các nước. Trong đó, cần tập trung kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh; giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, để tạo thế chân kiềng vững chắc; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”; chủ động phòng ngừa và hóa giải các nguy cơ an ninh thông qua thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và thượng tôn pháp luật. Tiếp tục duy trì các mối quan hệ với các đối tác, “trước hết là các nước láng giềng và các nước lớn, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả; ưu tiên duy trì ổn định và giữ đà quan hệ, tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, đồng thời xử lý các khác biệt và vấn đề nảy sinh trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, kiểm soát bất đồng, dựa trên luật pháp quốc tế và thông lệ khu vực”. Thực tiễn minh chứng, hợp tác kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng, an ninh là một thể thống nhất, không tách rời nhau, không thể hợp tác thành công nếu chỉ hợp tác trên một mặt, một lĩnh vực. Đoàn kết, hợp tác quốc tế trên một lĩnh vực tạo ra các nhu cầu hợp tác và tác động mạnh mẽ đến kết quả hợp tác trên các lĩnh vực khác, cũng như kết quả chung của quá trình hợp tác quốc tế. Trong đó, hợp tác về kinh tế giữ vị trí trung tâm, có vai trò tiên phong thúc đẩy các mặt hợp tác khác phát triển ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng. Hợp tác về quốc phòng, an ninh phải dựa trên nền tảng hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Quá trình hợp tác quốc phòng, an ninh là nhằm tạo môi trường hòa bình cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và hợp tác quốc tế ngày càng toàn diện hơn. Hợp tác về quốc phòng, an ninh càng gắn bó chặt chẽ, càng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 27: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đoàn kết quốc tế. Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam hiện nay?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đoàn kết quốc tế

1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

- Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết, của ý chí đấu tranh anh dũng bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong quá trình dựng nước và giữ nước.

- Ngay khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Người viết: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả” . Đánh giá vai trò của đoàn kết quốc tế” với cách mạng Việt Nam, trong buổi nói chuyện với Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô năm 1961, Hồ Chí Minh nói: “Có sức mạnh cả nước một lòng... lại có sự ủng hộ của nhân dân thế” giới, chúng ta sẽ có một sức mạnh tổng hợp cộng với phương pháp cách mạng thích hợp, nhất định cách mạng nước ta sẽ đi đến đích cuối cùng” .

- Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới, đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nếu đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam thì đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Đoàn kết, hợp tác quốc tế phải bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết, hợp tác quốc tế trong đường lối đối ngoại của Việt Nam là phải đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết; nói cách khác, muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc. Ngày 14-1-1950, trong Lời tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính

phủ các nước trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới”. Rõ ràng, quan điểm đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, lấy mục tiêu độc lập dân tộc là hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hoàn toàn hợp quy luật và lô-gíc phát triển của hoạt động đối ngoại cũng như truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Đó cũng là khát khao cháy bỏng, nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, cần hiểu đúng quan điểm “bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa biệt phái. Để chiến thắng những kẻ thù mạnh hơn gấp nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chủ trương tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự hợp tác quốc tế, coi đây là vấn đề mang tầm chiến lược hàng đầu trong đường lối cách mạng Việt Nam. Mục tiêu của đoàn kết, hợp tác quốc tế là tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, thúc đẩy khả năng tự lực, tự cường, tạo điều kiện làm chuyển biến so sánh lực lượng thuận lợi cho cách mạng. Theo đó, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường phải gắn với đoàn kết, hợp tác quốc tế với mục tiêu mang lại thắng lợi cho cách mạng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Trong đoàn kết, hợp tác quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chủ trương đối thoại, hợp tác với bên ngoài, với các nước bằng mọi giá, mà phải dựa trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, các bên cùng có lợi. Theo Người, bất kỳ nước nào muốn hợp tác với Việt Nam, muốn đem tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam với mục đích làm lợi cho cả hai bên thì sẽ được Việt Nam hoan nghênh. Ngược lại, bất kỳ nước nào mong muốn đưa tư bản đến để ràng buộc, áp đặt thì Việt Nam sẽ kiên quyết từ chối. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định độc lập, chủ quyền, bình đẳng là nền tảng trong mọi quan hệ hợp tác quốc tế. Người chỉ rõ: “Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước”. Ngay khi mới giành được chính quyền, Người sẵn sàng mời những nhà chuyên môn đến từ Pháp, Mỹ, Nga,... qua Việt Nam giúp ta kiến thiết đất nước, nhưng với điều kiện họ phải thừa nhận quyền độc lập của nước ta. Theo Người, “Nếu không vậy, thì không

thể nói chuyện gì được cả”. Đó là một nguyên lý cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt toàn bộ hoạt động ngoại giao Việt Nam.

1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng

- Thực hiện đoàn kết quốc tế không phải chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì mục tiêu cách mạng của thời đại. Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Ngay sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm Thường thức chính trị, Người phân tích: “Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc... giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta... Đó là lập trường quốc tế cách mạng”.

- Muốn tăng cường đoàn kết quốc tế phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh, những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các Đảng Cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Đoàn kết, hợp tác quốc tế để “thêm bạn, bớt thù”, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực góp phần tăng cường hiểu biết giữa các

dân tộc, xây dựng tình đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng và dân chủ, thúc đẩy quan hệ quốc tế hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia nhằm củng cố, bảo vệ, giữ vững hòa bình và độc lập dân tộc. Người chủ trương tích cực, chủ động đoàn kết, hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tôn trọng lẫn nhau; thực hiện phương châm “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”, “thêm bạn, bớt thù” và “giúp bạn là tự giúp mình”. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết, hợp tác quốc tế không những để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, mà còn là thể hiện trách nhiệm ủng hộ, giúp đỡ các nước khác, thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Vì lẽ đó, Người chủ trương, một mặt, cần ra sức kháng chiến, tham gia các phong trào ủng hộ hòa bình trên thế giới; mặt khác, hợp tác phải đi đôi với đấu tranh. Người kiên quyết đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, cường quyền, áp đặt trong quan hệ quốc tế, cũng như mọi hành động can thiệp và xâm phạm lợi ích chính đáng của các dân tộc. “Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc”.

2. Ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam hiện nay

- Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho đường lối ngoại giao rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, hợp tác nhiều mặt với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tranh chấp tồn tại bằng hòa bình, thương lượng. Tư tưởng và hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh đã tạo tiền đề thuận lợi cho công tác đối ngoại của Đảng và Nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Hiện nay, cục diện thế giới và khu vực đang còn nhiều biến động, tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định:

+ Việt Nam, với vị trí địa - chính trị, với tài nguyên và dân số, với tiềm năng về nhiều mặt... chiếm vị trí nhất định trong nhìn nhận chiến lược của các nước lớn và sự tập hợp lực lượng trong khu vực. Điều đó tạo khả năng và tiền đề để Việt Nam tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới. Mặt khác, cũng tạo ra nguy cơ Việt Nam trở thành địa bàn tranh chấp, xung đột lợi ích chiến lược giữa các nước lớn và giữa các tập hợp lực lượng với nhau.

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, thúc đẩy xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế gắn liền với cạnh tranh gay gắt, mở ra thời cơ cho các nước có thể phát triển nhanh, thực hiện con đường phát triển rút ngắn, đồng thời cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu nhanh chóng, biến một số nước thành “thuộc địa công nghệ”.

+ Việt Nam tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế vào lúc chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, hệ thống giá trị xã hội chủ nghĩa tạm thời suy yếu, hệ thống giá trị tư bản chủ nghĩa có điều kiện lan tràn. Lợi dụng tình hình đó, các lực lượng đế quốc và phản động đang đẩy mạnh cuộc tiến công bằng “diễn biến hòa bình” dưới nhiều hình thức nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

-> Trước bối cảnh đó, để đứng vững và phát triển, chúng ta phải xử lý khéo léo các mối quan hệ, nghĩa là phải chủ động thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa; cải thiện và mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước có chế độ xã hội và con đường phát triển khác nhau. Càng giữ vững được độc lập tự chủ càng có điều kiện để đa dạng hóa, đa phương hóa. Ngược lại, càng thực hiện có hiệu quả đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại càng củng cố được độc lập, tự chủ.

-> Cơ sở khách quan của đa dạng hóa, đa phương hóa là sự trùng hợp về lợi ích (lâu dài hoặc trước mắt), do đó có thể tham gia liên kết cả về kinh tế thương mại, chính trị và an ninh nhằm thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển, nhưng không để các hình thức liên kết này trói buộc, hạn chế việc triển khai chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại đó sẽ tạo ra thế đứng lâu dài và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

-> Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đoàn kết quốc tế không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam hiện nay mà còn có giá trị định hướng lâu dài cho cả sự nghiệp đấu tranh của Nhân dân vì các mục tiêu cao cả của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 28: Phân tích những nguyên tắc đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đường lối đối ngoại hiện nay?

Trả lời:

1. Những nguyên tắc đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích có lý, có tình

- Muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Đây là vấn đề cốt tử có tính nguyên tắc trong công tác tập hợp lực lượng. Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp chung của loài người tiến bộ.

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý, có tình. Có lý là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới, nhưng tránh giáo điều, rập khuôn. Có tình là sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu đấu tranh. Lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi đảng phải được tôn trọng, song lợi ích đó không được phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của đảng khác, dân tộc khác.

- Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của Nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử phức tạp đó là: sự chia rẽ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc. Do đó, để tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối: kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập thống nhất của dân tộc mình với 4 mục tiêu của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Với đường lối đúng đắn đó, chúng ta đã

tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Tháng 9/1947, trả lời nhà báo Mỹ, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”.

- Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý. Gương cao ngọn cờ hòa bình và đấu tranh bảo vệ hòa bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Nhưng đó không phải là một nền hòa bình trù tượng, mà là “một nền hòa bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hòa bình trong công lý, lòng thiết tha hòa bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và Nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hóa, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía Nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Đánh giá vai trò và những cống hiến của Hồ Chí Minh trong công tác tập hợp lực lượng cách mạng xây dựng khối đại đoàn kết, Rômet Chandra, nguyên Chủ tịch Hội đồng hòa bình thế giới cho rằng: “Bất cứ nơi nào nhân dân chiến đấu cho độc lập và tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ của Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ đâu nhân dân chiến đấu cho hòa bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ của Hồ Chí Minh bay cao. Ở bất cứ đâu nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ của Hồ Chí Minh bay cao”.

1.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

- Mục tiêu đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc phát huy sức mạnh của dân tộc, coi nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định còn nguồn lực ngoại sinh chỉ phát huy được tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh.

- Muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế ngoài sức mạnh cần thiết bên trong còn phải có đường lối độc lập, tự chủ đúng đắn. Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”. Trong quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người

xác định: “Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau” . Nhờ có sự giúp đỡ quốc tế, Việt Nam đã giành được thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Điều đó đã góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, từng bước hạn chế và làm thất bại âm mưu gây chiến tranh thế giới của chúng, góp phần củng cố hòa bình và dân chủ trên thế giới.

- Với trí tuệ của mình và chủ nghĩa quốc tế trong sáng cùng đức độ khiêm nhường, thái độ thiện chí, Hồ Chí Minh đã vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, đề ra được chủ trương, phương châm, phương pháp, đối sách, ứng xử quốc tế đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với mỗi tình hình, mỗi giai đoạn cách mạng. Tư tưởng của Người đã phát huy tối đa sức mạnh dân tộc trong sự kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cách mạng Việt Nam từng bước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đường lối đối ngoại hiện nay

- Hồ Chí Minh luôn nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, chủ trương tận lực phát huy sức mạnh dân tộc - sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân... chỉ có trên cơ sở sức mạnh bên trong mới có thể tranh thủ và tận dụng được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng ở mỗi thời kỳ.

- Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, cần phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý, công nghệ và gia nhập thị trường quốc tế nhưng phải trên cơ sở độc lập, tự chủ, phát huy đầy đủ các yếu tố nội lực, dựa vào các nguồn lực trong nước là chính. Bao gồm nguồn lực con người, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống (lịch sử và văn hóa). Nếu không độc lập, tự chủ, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập quốc tế một cách bình đẳng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã đề ra tư tưởng chỉ đạo: “Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm để đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế...”. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định một trong tám phương hướng để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay là: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (tháng 01/2016), Đảng khẳng định: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Chỉ có phát huy cao nhất các nguồn nội lực, trước hết là nguồn lực con người, chúng ta mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền khi hội nhập với thế giới.

- Sự vận dụng thể hiện:

+ Một là, giữ vững các quyền dân tộc cơ bản gắn với độc lập tự chủ, tự lực, tự cường. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện tốt trách nhiệm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Chủ tịch ASEAN, đề cao vai trò của Liên hợp quốc trong việc bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản gắn với độc lập tự chủ của các nước, nâng cao vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực, đóng góp tích cực vào công việc chung của thế giới, trong đó có tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc... Việt Nam cũng đã chủ động, tích cực thúc đẩy đàm phán, hợp tác giải quyết những tồn tại trong phân định biên giới trên bộ và trên biển, vừa bảo vệ được chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của ta theo phương châm đã được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nêu rõ là “phải luôn kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt xử lý đúng đắn mọi vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề chủ quyền, lãnh thổ”, “thực hiện phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến”, nhất là giữ “trái tim nóng, cái đầu lạnh” và “kiên quyết, kiên trì” để xử lý các thách thức đối ngoại”. Việt Nam đang thể hiện lập trường chủ động, mạnh mẽ, tích cực hơn về các

vấn đề lợi ích cốt lõi của mình nhằm dẫn dắt dư luận, tạo sự ủng hộ rộng rãi của quốc tế.

+ Hai là, tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Trong đó, tư tưởng chủ đạo là độc lập tự chủ, tự lực, tự cường gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế. Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục tăng cường thể và lực, phát huy sức mạnh của dân tộc theo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, bao gồm cả sức mạnh vật chất và tinh thần; cả vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực và các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa, lòng yêu nước, tinh thần cần cù lao động và ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam... Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục tăng cường thể và lực, phát huy sức mạnh của dân tộc theo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, bao gồm cả sức mạnh vật chất và tinh thần; cả vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực và các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa, lòng yêu nước, tinh thần cần cù lao động và ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam... Đồng thời, Đảng ta chủ trương kết hợp sức mạnh đó với sức mạnh thời đại là các trào lưu tiến bộ chính trên thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế tri thức, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, đổi mới mô hình tăng trưởng... Sau đại dịch SARS-CoV-2, Đảng và Chính phủ đang tận dụng tối đa khả năng các nước và tập đoàn kinh tế lớn chuyển hướng tới thị trường Việt Nam; đồng thời, tiếp tục thu hút nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cho sự phát triển đất nước.

+ Ba là, tư tưởng yêu chuộng hoà bình, chống chiến tranh xâm lược. Trong bối cảnh hiện nay, xu hướng chung của thế giới và khu vực vẫn là hòa bình, ổn định, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển. Tuy nhiên, tình hình thế giới có những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường với những bất ổn như xung đột ở Trung Đông, châu Phi, chủ nghĩa khủng bố, cạnh tranh chiến lược giữa các nước, chủ nghĩa đơn phương, chính trị cường quyền, thiếu tôn trọng luật pháp quốc tế, khiến thế giới đang phải đối mặt với nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống, đòi hỏi Đảng và Chính phủ ta phải vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các đối sách ngoại giao và hợp tác quốc tế.

+ Bốn là, tư tưởng hòa hiếu, thêm bạn bớt thù. Đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương tiếp tục kiên trì nguyên tắc giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, đồng thời nêu cao tinh thần hòa hiếu với tất cả các nước, đặc biệt các nước

lớn và láng giềng; vận dụng phương châm mà Bác Hồ đã chỉ đạo là “biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự”, cố gắng không để bùng phát những vấn đề gây cản, bất lợi trong quan hệ, ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển của ta. Do quan hệ quốc tế phức tạp, đa chiều, lợi ích các quốc gia, dân tộc nhiều khi đan xen hoặc đối lập, Đảng ta đã có cách nhìn nhận biện chứng với phương châm “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai”; xác định đồng minh, đối thủ là bộ phận quan trọng trong sách lược cách mạng, giúp xử lý hiệu quả các mâu thuẫn, thu hút sự ủng hộ của bạn bè và cô lập kẻ thù. Tính biện chứng còn được thể hiện ở chỗ xác định rõ các khái niệm “đối tác”, “đối tượng” nhằm phân biệt rõ “đối tác” cần hợp tác và “đối tượng” cần đấu tranh trong từng trường hợp cụ thể. Đảng và Nhà nước ta cũng đã thực hiện tốt các chủ trương từ “thêm bạn, bớt thù” trước đây đến “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển”. Tư tưởng đó đã phát huy hiệu quả, đưa vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam lên một tầm cao mới.

+ Năm là, tư tưởng mở cửa và hợp tác quốc tế. Thấm nhuần tư tưởng của Người, Đảng ta đã đề ra và kiên trì thực hiện chủ trương mở cửa và hợp tác quốc tế. Nghị quyết số 22- NQ/TW (10-4-2013) của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, “Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và Nghị quyết số 06-NQ/TW (5-11-2016) của Ban Chấp hành TƯ khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, tham gia hàng chục hiệp định kinh tế và FTA thế hệ mới cả song phương, khu vực và đa phương thể hiện rõ chủ trương lớn của Đảng về công tác đối ngoại. Quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế của Việt Nam được đẩy mạnh cả về tư duy và thực tiễn, đã chuyển mạnh từ phạm vi “hội nhập kinh tế” sang “hội nhập toàn diện” với các nội dung chủ yếu là: hội nhập về kinh tế, chính trị, quốc phòng-an ninh, văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác như lao động, y tế, thể thao... Trong hợp tác chính trị và quốc phòng - an ninh, Việt Nam đã tích cực tham gia các cơ chế như Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), Hiệp ước thân thiện và hợp tác ASEAN (TAC, 1976), Hiệp ước Khu vực phi vũ khí hạt nhân Đông Nam Á (SEANWFZ, 1995) cũng như các cơ chế Đối thoại về an ninh như Diễn đàn khu vực ASEAN

(ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS).

+ Sáu là, tư tưởng “Ngoại giao là một mặt trận”. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, nước ta đã duy trì được hòa bình, ổn định, nguy cơ chiến tranh bị đẩy lùi nhưng công tác đối ngoại vẫn có vai trò to lớn trong xử lý các vấn đề quốc tế. Đảng và Nhà nước ta tiếp tục đề cao tầm quan trọng của mặt trận đối ngoại, kết hợp chặt với mặt trận chính trị và bảo vệ quốc phòng - an ninh, tạo sức mạnh tổng hợp, giữ gìn hòa bình, ổn định và thúc đẩy hợp tác phát triển. Mặt trận đối ngoại luôn được triển khai chủ động, tích cực và toàn diện gồm ngoại giao chính trị, ngoại giao quốc phòng - an ninh, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa. Trong đó, ngoại giao cùng với quốc phòng, an ninh “tạo thành thể chân kiềng vững chắc, tiếp tục đóng góp chủ động, tích cực vào việc bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước còn chưa nguy, phục vụ thiết thực các lợi ích an ninh, phát triển, nâng cao vị thế đất nước”. Với vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và có thời gian giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng Bảo an, đồng thời là Chủ tịch ASEAN, Việt Nam tiếp tục nêu cao vai trò, trách nhiệm của Liên hợp quốc (trước hết 5 nước lớn là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an), ASEAN và các thể chế quốc tế như APEC, EAS, EU... nhằm duy trì hòa bình, chống chiến tranh một cách tích cực và hữu hiệu nhất.

+ Bảy là, tư tưởng “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Trong bối cảnh mới, việc vận dụng tư tưởng “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là một yêu cầu quan trọng. Cái “bất biến” vẫn là lợi ích quốc gia, dân tộc, mà cốt lõi là độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và biển đảo của Tổ quốc, chế độ XHCN, vai trò và quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cái “vạn biến” là sự biến chuyển nhanh chóng, khó lường của tình hình, sự điều chỉnh chiến lược và chính sách của các nước, của tương quan và tập hợp lực lượng, sự chuyển hóa của “đối tác”, “đối tượng”... Đảng và Nhà nước ta đã và đang kiên trì nguyên tắc bất biến là “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển”, đồng thời tiếp tục thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, xác định đúng đắn một cách biện chứng về “đối tác” và “đối tượng” trong

từng vấn đề thuộc lợi ích quốc gia, dân tộc để kịp thời đề ra những chính sách, biện pháp hợp tác và đấu tranh phù hợp và hiệu quả.

Câu 29: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Trả lời:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

- Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam. Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi, tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, cách cảm và nghĩ... Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Người khẳng định: “Dân ta phải biết sử ta, Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.

- Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật, chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục, tập quán, văn hóa của các dân tộc thiểu số. Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi) là một quy luật của văn hóa. Theo Hồ Chí Minh: “Văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”. Trong lần nói chuyện với một nhà văn người Liên Xô, Hồ Chí Minh nói: “Các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần dứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại, tôi muốn nói điều khác. Nói

đến việc mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa Xôviết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời tránh nguy cơ thành kẻ bắt chước... Văn hóa của các dân tộc khác cần phải được nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình”. Nhận diện về văn hóa Hồ Chí Minh, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà Cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước Cụ”.

- Mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ. Nội dung tiếp thu là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh. Tiêu chí tiếp thu là có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy. Mỗi quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay

- Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam coi xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Ngày nay, khi đất nước chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước sự phát triển của cách mạng, vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trở thành yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996) đánh dấu một bước phát triển trong tư duy của Đảng về văn hóa và nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (tháng 7/1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản, khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội;... nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;... là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá

độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (tháng 01/2016) tiếp tục khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh””.

- Đại hội XIII của Đảng yêu cầu nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Theo đó, cần khai thác và phát huy cao nhất các giá trị tốt đẹp, bền vững của văn hóa, con người và gia đình Việt Nam. Nghiên cứu, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị, chuẩn mực văn hóa và con người Việt Nam trong sự nghiệp Đổi mới và hội nhập quốc tế, khi “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp nhằm xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc với việc xây dựng con người, phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc cho mọi người

Việt Nam, đặc biệt là cho thế hệ trẻ. Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích các tìm tòi mới trong sáng tạo văn hóa, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước phồn vinh, hạnh phúc của mọi người Việt Nam; làm cho văn hóa thấm sâu vào trong toàn bộ đời sống và các hoạt động xã hội; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng toàn diện là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”. Điều đó, đòi hỏi phải kế thừa và phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam, truyền thống lịch sử của dân tộc đã được vun đắp nên qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Đó là các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể “là minh chứng độc đáo cho truyền thống văn hóa hoặc một nền văn minh đang tồn tại”, là “vẻ đẹp tự nhiên đặc biệt và có tầm quan trọng về mặt thẩm mỹ” của các di sản thiên nhiên, công viên địa chất, sinh thái trên mọi miền của Tổ quốc. Các giá trị và sức mạnh đó của văn hóa và con người Việt Nam đã làm nên nền tảng tinh thần vững chắc của dân tộc ta; trở thành nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng của phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 30: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng. Ý nghĩa của những quan điểm đó trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của sinh viên hiện nay?

Trả lời:

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, lãnh tụ cách mạng bàn nhiều về vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức. Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là cái gốc, là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Đó là nhân tố quyết định cuộc đời hoạt động, xu hướng phát triển và khả năng lôi cuốn lãnh đạo Nhân dân của người cách mạng. Người nhấn mạnh: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”. Hồ Chí Minh so sánh: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”.

- Đạo đức là một sức mạnh tinh thần to lớn. Nó là bộ phận năng động nhất của thế giới quan, là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, có tác dụng chỉ đạo hành vi ứng xử của con người trong mọi tình huống, giúp con người vững vàng trong mọi thử thách. Người viết: “Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần... “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”. Là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức không chỉ phụ thuộc vào tồn tại xã hội, vào điều kiện vật chất, kinh tế mà còn có khả năng tác động tích cực trở lại, cải biến tồn tại xã hội. Giá trị đạo đức tinh thần một khi được con người tiếp nhận sẽ biến thành sức mạnh vật chất và là nhân tố quyết định sự thành bại của

mọi công việc. Hồ Chí Minh viết: “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có thâm nhuần đạo đức cách mạng, hay là không”. Bởi vì, “Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn”. Đạo đức với những chuẩn giá trị có tác dụng chi phối đời sống tinh thần và là một bộ phận quan trọng của xã hội. Đạo đức góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội, qua đó thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội. Sự suy thoái của đạo đức trong mỗi con người và xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội. Hồ Chí Minh nhắc lại lời của Mạnh Tử: “Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy”.

- Đạo đức còn là thước đo lòng cao thượng của con người. Trong bài Đạo đức cách mạng (năm 1958), Hồ Chí Minh viết: “Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng”. Việc thực hành tốt đạo đức cách mạng trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh, nâng cao giá trị mà còn tạo sức mạnh nội sinh, giúp họ vượt qua khó khăn thử thách. Hồ Chí Minh thường nhắc lại tinh thần của V.I. Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Trong Di chúc, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thâm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân” và “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

- Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”. Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho

mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng nếu thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong đó, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, đạo đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt và đặt vững trên nền tảng đạo đức. Hồ Chí Minh khuyên: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”.

2. Ý nghĩa đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên, sinh viên hiện nay

- Một số con số đáng lưu ý: Khoa Chính trị-hành chính ĐH Quốc gia TP.HCM vừa thực hiện một khảo sát với hơn 600 sinh viên các trường thành viên ĐH này về thực trạng chuẩn mực và thực hành đạo đức của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy có đến trên 91% sinh viên xác định mục đích của việc học là muốn cống hiến cho xã hội, cho cuộc sống của bản thân và gia đình nên đã xác định thái độ tích cực trong học tập. Cụ thể là trên 64% sinh viên có tinh thần hỗ trợ, giúp đỡ bạn bè cùng tiến bộ; 59% sinh viên có tinh thần cầu tiến; 47% có tư duy độc lập và sáng tạo; gần 35% có tinh thần say mê, tích cực trong học tập.

Tuy nhiên, nhận đức về đạo đức và chuẩn mực đạo đức của một bộ phận sinh viên còn những tồn tại hạn chế. Cụ thể, 1% sinh viên cho rằng đạo đức không quan trọng với sự phát triển của con người và xã hội; 2,9% sinh viên cho rằng giáo dục đạo đức là hoàn toàn không cần thiết. Kết quả khảo sát cũng cho thấy một bộ phận sinh viên đã bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, cá nhân, đề cao sức mạnh đồng tiền, sống thiếu lý tưởng, hoài bão. Điều đặc biệt lo ngại chính là kết quả khảo sát về thái độ học tập của sinh viên ĐH Quốc gia TP.HCM. Cụ thể gần 37% sinh viên thừa nhận có thái độ học tùy hứng, 16% lười biếng, trên 15% học thụ động và 8% học đối phó. Khảo sát cũng cho thấy gần 74% sinh viên lựa chọn thái độ tôn trọng, lễ phép với giáo viên và gần 52% ra vào lớp luôn xin phép thầy cô. Tuy nhiên điều đáng quan tâm là số sinh viên có những biểu hiện thiếu tôn trọng, cư xử không đúng mực với thầy cô chiếm tỷ lệ không nhỏ (21,8%) và sinh viên ra vào lớp không xin

phép (chiếm 34%). Những biểu hiện về vi phạm pháp luật, nội quy nhà trường cũng nổi lên một số vấn đề như đi học muộn (gần 65%), làm việc riêng trong giờ học (60%), nghỉ học không lý do (gần 50%)....

- Việc tu dưỡng và rèn luyện đạo đức có ý nghĩa quan trọng đối với con người Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng, nhất là đối với thế hệ trẻ - tương lai của đất nước. Họ chính là lớp người kế tục tất yếu sự nghiệp cách mạng của cha anh đưa nước nhà đến một tương lai tươi sáng, bởi “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”. “Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay trong hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”. Vì vậy, thanh niên, sinh viên cần xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân. Đạo đức mới chỉ được hình thành trên cơ sở sự tự giác tu dưỡng của mỗi sinh viên. Nó đòi hỏi mỗi người phải tự giác rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn, học tập, trong các mối quan hệ của mình, không tự lừa dối, phải thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện cũng như cái chưa tốt, cái xấu, cái ác của mình để khắc phục.

- Sinh viên phải kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức, tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh; rèn luyện cho mình những đức tính như: trung thành, tận tụy, thật thà, trung thực. Trong học tập, rèn luyện, phải kết hợp lý luận với thực hành, học tập với lao động, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; nâng cao đạo đức cách mạng. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho học sinh, sinh viên. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của học sinh, sinh viên về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống. Mỗi học sinh, sinh viên phải xác định rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ. Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, lợi mình hại người. Học sinh, sinh viên cần phải tự tin vào chính mình, giữ vững niềm tin trong cuộc sống, vào các giá trị chân thiện mỹ, vượt qua mọi khó khăn gian khổ như Bác Hồ đã dạy: “gian nan rèn luyện mới thành công”.

Câu 31: Phân tích những yêu cầu cơ bản đối với sinh viên hiện nay trong học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh?

Trả lời:

1. Thực trạng đạo đức, lối sống trong sinh viên hiện nay

- Hiện nay, thanh niên, sinh viên đang sống trong môi trường văn hóa hết sức phong phú, đa dạng. Sự phong phú đa dạng của môi trường văn hóa có nguyên nhân sâu xa từ những biến đổi của nền kinh tế xã hội trong đổi mới cùng những tác động mạnh mẽ của quá trình mở cửa, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, của xu hướng quốc tế hóa mọi mặt đời sống xã hội. Trong môi trường đó những yếu tố cũ và mới, truyền thống và hiện đại, phương Đông và phương Tây đang tồn tại đan xen, tác động qua lại với nhau. Để đánh giá đúng thực trạng đạo đức, lối sống của thanh niên cần căn cứ vào những nhân tố" tác động đó và căn cứ vào hoạt động của họ trong mọi lĩnh vực.

- Một số ưu điểm nổi bật của thanh niên, sinh viên là đại đa số có động cơ học tập rèn luyện đúng đắn, một số có tinh thần khắc phục khó khăn, vươn lên đạt được kết quả cao. Nhiều sinh viên sau khi ra trường đã không cam chịu nghèo đói, năng động, sáng tạo, nhanh chóng đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Mặc dù, hiện tượng tiêu cực đang phổ biến trong xã hội, các thế lực thù địch đang tìm mọi cách chia rẽ, lôi kéo, nhưng sinh viên đã không bị kích động, tha hóa quá mức ở một số" những sinh hoạt đặc thù. Phần đông sinh viên vẫn có tình nhân bản sâu sắc, có tinh thần đoàn kết nhân ái, giúp đỡ lẫn nhau, tiếp tục truyền thống "Tôn sư trọng đạo", khiêm tốn, cần cù và sáng tạo trong học tập, sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn, thách thức, không ỷ lại, chây lười, luôn gắn bó với Nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... Đây là những giá trị đạo đức nổi bật, cơ bản nhất biểu hiện bản chất tốt đẹp của thanh niên, sinh viên Việt Nam hiện nay.

- Tuy nhiên, bên cạnh số đông thanh niên, sinh viên đang phấn đấu, rèn luyện để lập thân, lập nghiệp thì số thanh niên, sinh viên có lối sống buông thả, tự do cá nhân dẫn đến vi phạm pháp luật ngày càng tăng. Có một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp,

chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp. Tệ hại hơn, một số sinh viên nghiện hút, cướp của, giết người...

- Trong bối cảnh trên, việc tăng cường công tác thanh niên, đặc biệt là giáo dục về lý tưởng, đạo đức cách mạng, tuyên truyền, giáo dục để sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm “hình thành một lớp thanh niên nam, nữ ưu tú, vững vàng về chính trị, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa”, “có lý tưởng cao đẹp”, “sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính”, biết “nuôi dưỡng hoài bão lớn”, “tự cường dân tộc”... giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng chỉ rõ: “Đối với thế hệ trẻ, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

2. Một số yêu cầu cơ bản đối với sinh viên trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; luôn nâng cao chí khí cách mạng, yêu Tổ quốc, yêu Nhân dân gắn liền với việc phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trung với nước, hiếu với dân trong giai đoạn hiện nay được hiểu như sau: Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và nền văn hóa dân tộc; bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhân dân và sự nghiệp đổi mới, bảo vệ lợi ích của đất nước; khắc phục được thói vô cảm, lãnh đạm, thờ ơ trước những khó khăn, bức xúc của một bộ phận thanh niên, sinh viên hiện nay; có ý chí vươn lên, quyết tâm vượt qua nghèo nàn, lạc hậu, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, theo kịp trình độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới, thực hiện bằng được ước mong của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”; luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong đơn vị, tập thể; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng trước mọi mưu đồ của các thế lực thù địch; phải có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có lương tâm nghề

nghiệp trong sáng, quyết tâm phấn đấu cống hiến cho quê hương, dân tộc; có tinh thần ham học hỏi và giải quyết đúng đắn mọi quan hệ cá nhân - gia đình - tập thể - xã hội, quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi...

- Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị và đức tính khiêm tốn, nêu cao phẩm giá con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Tích cực lao động, học tập, công tác với tinh thần lao động sáng tạo, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, biết quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, Nhân dân; không xa hoa, lãng phí; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng; thẳng thắn, trung thực bảo vệ chân lý, đường lối, quan điểm của Đảng, chân thành, khiêm tốn, không chạy theo chủ nghĩa thành tích, bao che, giấu giếm khuyết điểm; kiên quyết chống bệnh lười biếng, lối sống hưởng thụ, nói không đi đôi với làm; có thái độ rõ rệt lên án và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, loại trừ mọi biểu hiện vô liêm, bất chính ra khỏi đời sống xã hội.

- Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của Nhân dân, kính trọng Nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người. Mỗi sinh viên phải đặt mình trong tổ chức, tập thể; tôn trọng pháp luật, kỷ cương, nội quy, quy định của nhà trường; luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân, sống có trách nhiệm, luôn coi trọng tự phê bình và phê bình. Xây dựng ý thức công dân, ý thức cộng đồng, thói quen ứng xử có văn hóa, tôn trọng và bảo vệ lẽ phải, trung thực, sáng tạo, tích cực tham gia xây dựng đất nước.

- Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích cuộc sống. Đạo đức cách mạng của thanh niên là “Không có việc gì khó. Chỉ sợ lòng không bền. Đào núi và lấp biển. Quyết chí ắt làm nên”. Bất kỳ lúc nào thanh niên, sinh viên cũng phải có tinh thần gan dạ và sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, siêng học, siêng làm, quyết hoàn thành bằng được kế hoạch đã đặt ra. Chống chây lười, thụ động, thiếu sáng tạo, vô kỷ luật trong học tập và lao động, sợ khó, sợ khổ, thiếu ý chí tiến lên.

Câu 32: Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Trả lời:

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

- Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đề cập đến con người cụ thể, không có con người chung chung trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử hay con người kiểu tôn giáo. Người xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về thể chất và tinh thần; trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện - ác, hay - dở, tốt - xấu; trong mối quan hệ xã hội. Tuỳ theo từng thời điểm lịch sử cụ thể gắn liền với từng thời kỳ cách mạng, Hồ Chí Minh dùng khái niệm này hay khái niệm khác để chỉ con người và xem xét nó trong những bình diện khác nhau. Người xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, Người dùng các khái niệm như: người bản xứ, người mất nước, người bị bóc lột, người vô sản... đối lập với họ là những tên thực dân, bọn ăn bám... Khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, con người Việt Nam trở thành người tự do và là chủ đất nước, thực hiện đoàn kết dân tộc để chống Pháp, Hồ Chí Minh dùng các khái niệm: đồng bào, nhân dân, quốc dân, dân.

- Hồ Chí Minh đặt con người trong quan hệ gắn bó với khối thống nhất của cộng đồng dân tộc. Theo Người, chữ “người”, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là loài người. Nét đặc sắc trong quan niệm của Hồ Chí Minh về con người là nhìn nhận đặc điểm con người Việt Nam với những điều kiện lịch sử, những cấu trúc kinh tế, xã hội cụ thể. Cách tiếp cận này đi đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp rất sáng tạo, không chỉ về mặt đường lối cách mạng mà cả về vấn đề con người.

1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần. Theo Hồ Chí Minh, “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Vì vậy “vô luận việc gì, đều do người

làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”. Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng. “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi” .

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người. Khi đất nước còn nô lệ, lầm than thì mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sau khi chính quyền về tay Nhân dân thì ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh của con người lại được ưu tiên hơn. Bởi Hồ Chí Minh cho rằng nếu nước được độc lập, dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có ý nghĩa gì.

- Con người là mục tiêu cách mạng nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều phải vì lợi ích chính đáng của con người. Hồ Chí Minh có niềm tin vững chắc rằng với tinh thần quật cường và lực lượng vô song của dân tộc, với lòng yêu nước và ý chí kiên quyết của Nhân dân ta, quân đội ta, chúng ta nhất định thắng lợi. Bởi vì sự nghiệp cách mạng, giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng Nhân dân. Niềm tin vào sức mạnh của dân còn được nhận thức từ mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng và Chính phủ. Hiểu dân, học dân, tôn trọng dân, dựa vào dân theo đúng đường lối quần chúng sẽ tạo nên sức mạnh vô địch.

- Con người trở thành động lực của cách mạng khi được thức tỉnh, giác ngộ, giáo dục, định hướng, có trí tuệ, bản lĩnh, văn hóa, đạo đức... và được hoạt động có tổ chức. Sự nghiệp cách mạng chỉ có thể giành được thắng lợi nếu sức mạnh của Nhân dân được huy động và biết sử dụng để phát huy sức mạnh tối đa của nó. Thắng lợi ấy chỉ được bền vững khi sức dân được phục vụ cho lợi ích chân chính của Nhân dân.

1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

- Hồ Chí Minh quan niệm “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. “Trồng người” là công việc lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. Do đó, “trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình phát triển của đất nước, phải được tiến hành song song với nhiệm vụ

phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới sự nghiệp giáo dục, đào tạo, rèn luyện con người. Trong đó, nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ nhưng phải đặt đạo đức, lối sống, lý tưởng và tình cảm cách mạng lên hàng đầu. Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Nó vừa nằm trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược giáo dục đào tạo theo nghĩa hẹp.

- Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh đặt ra từ rất sớm và được Người quan tâm trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Theo Người, con người xã hội chủ nghĩa có hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. Một là, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống. Hai là, hình thành những phẩm chất mới như có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức cách mạng; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ; có tác phong xã hội chủ nghĩa; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng; có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Con người Việt Nam đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa với nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen nhau. Vấn đề đặt ra hiện nay là phải thấy hết thuận lợi và khó khăn, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật về những ưu điểm và hạn chế để có biện pháp xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới.

- Phát huy và trọng dụng nhân tố con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người, tạo động lực mạnh mẽ, phát huy mọi năng lực sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 7/1998) nêu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam với những hệ giá trị chung của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là những con người “Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự

nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực”. Tiếp đó, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”. Điều này tiếp tục được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (tháng 01/2016) khẳng định và đưa ra hai trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân văn, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” .

- Kế thừa và phát triển những nội dung cốt lõi về vấn đề con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII của Đảng đã khái quát và đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước. Trước hết, lấy con người làm trung tâm và kiên định phát triển con người Việt Nam toàn diện. Đảng ta chủ trương: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm phát triển bền vững; phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân”. Đại hội XIII, tư tưởng “lấy dân làm gốc” đã được đúc kết thành bài học, với những nguyên tắc cơ bản, định

hướng mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn tới. Nghị quyết Đại hội tiếp tục khẳng định các giá trị, nội dung cốt lõi của bài học “lấy dân làm gốc”, đó là: Phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”. Bài học “lấy dân làm gốc” càng trở nên sâu sắc và có ý nghĩa hơn khi được thực thi một cách hiệu quả cùng với phát huy tối đa nguồn lực con người Việt Nam. Quan điểm về nguồn lực con người, đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển là tư tưởng nhất quán của Đảng. Thực hiện chủ trương trên, Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, cần: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc”; thực hiện phương châm: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”. Nhấn mạnh thêm về con người là động lực của sự phát triển, Đảng ta khẳng định con người và nền văn hóa Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, tạo môi trường, điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước. Để phát huy sức mạnh nguồn lực con người cần phải hết sức quan tâm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, thực hiện đầy đủ các quyền con người, quyền lợi của người dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Bảo đảm quyền con người phải là khâu kết nối cần thiết, không thể thiếu giữa khâu lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện. Đi đôi với đường lối tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh việc phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Trong đó, Đại hội nêu bật chủ trương: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn

có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam. Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”. Đồng thời, coi trọng giáo dục, đào tạo để phát triển con người đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng đất nước, đặc biệt giáo dục thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới với chủ trương: “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB CTQG ST, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB CTQG ST, Hà Nội.
3. Nguyễn Thế Thắng (2021), Hướng dẫn ôn thi hiệu quả Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Trần Thị Phúc An (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh - Hỏi – Đáp, NXB CTQG ST, Hà Nội.
5. Các tài liệu khác tham khảo trên các mạng có nguồn gốc rõ ràng.